

## MỞ ĐẦU

### 1. TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI:

Có thể nhận thấy, du lịch là một ngành kinh tế phát triển nhanh và hiện nay là một trong những ngành kinh tế hàng đầu của Thế giới. Đối với nước ta, Đảng và Nhà nước đã xác định "du lịch là một ngành kinh tế tổng hợp quan trọng mang nội dung văn hoá sâu sắc, có tính liên ngành, liên vùng và xã hội hoá cao" (Pháp lệnh Du lịch, 1999) và đề ra mục tiêu "phát triển du lịch thực sự trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn" (Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, 2001) và "phát triển du lịch là một hướng chiến lược quan trọng trong đường lối phát triển kinh tế-xã hội nhằm góp phần thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước" (Chỉ thị 46/CT-TW của Ban Bí thư TW Đảng khoá VII, 1994).

Nằm ở Bắc Trung Bộ, tỉnh Quảng Bình có tiềm năng du lịch rất đa dạng và phong phú để phát triển nhiều loại hình du lịch. Chương trình phát triển du lịch được đưa vào một trong bốn Chương trình kinh tế trọng điểm của tỉnh. Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Bình lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2001-2005 đã định hướng "Phát triển nhanh du lịch thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh. Tăng cường đầu tư phát triển du lịch, trước hết là các tuyến, các điểm như: Khu Du lịch Phong Nha-Kẻ Bàng, Đồng Hới-Đá Nhảy. Mở thêm các tuyến du lịch Đèo Ngang-Hòn La, Thạch Bàn-suối nước khoáng nóng Bang, đường Hồ Chí Minh..., mở thêm các tour du lịch trong nước và ngoài nước. Coi trọng công tác đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ du lịch, nâng cao chất lượng phục vụ du lịch, tăng cường giữ gìn trật tự, bảo vệ môi trường sinh thái".

Trong những năm qua, du lịch Quảng Bình đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ. Số lượng khách du lịch đến Quảng Bình từ 1999 đến 2004 tăng bình quân hàng năm trên 30%. Nhiều điểm tham quan như Bãi biển Nhật Lệ, Đá Nhảy, Khu suối nước khoáng nóng Bang và đặc biệt Phong Nha-Kẻ Bàng

đã trở thành những điểm du lịch yêu thích của du khách. Đặc biệt, kể từ khi Vườn Quốc gia Phong Nha-Kẻ Bàng được UNESCO công nhận là Di sản Thiên nhiên Thế giới, số lượng du khách đến Quảng Bình tăng đột biến; nhiều dự án đầu tư phát triển du lịch được triển khai xây dựng. Bên cạnh những thành quả đã đạt được, du lịch Quảng Bình vẫn còn nhiều khiếm khuyết cần được khắc phục sớm. Đó là: Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch còn yếu; sản phẩm du lịch còn nghèo nàn, đơn điệu; chất lượng phục vụ du lịch chưa cao; thời gian lưu trú của du khách quá thấp; số lượng khách quốc tế đến Quảng Bình chiếm tỷ trọng không đáng kể; đội ngũ cán bộ công nhân viên làm công tác du lịch chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển du lịch trong tình hình mới; môi trường sinh thái bị ảnh hưởng nhiều.

Trong Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam, Phong Nha-Kẻ Bàng được Tổng Cục Du lịch xác định "Khu du lịch sinh thái hang động Phong Nha-Kẻ Bàng" là một trong 31 khu du lịch chuyên đề của cả nước. Tuy đạt được sự tăng trưởng tương đối cao trong những năm qua, nhưng du lịch ở Phong Nha-Kẻ Bàng phát triển còn chưa tương xứng với tiềm năng của mình. Hiện nay, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch đang còn yếu kém, phương tiện vận chuyển du khách chưa đúng tiêu chuẩn, khách du lịch đến chỉ có tham quan động Phong Nha và động Tiên Sơn, các sản phẩm du lịch thân thiện với môi trường chưa phát triển, dịch vụ còn nghèo nàn, chất lượng chưa cao. Đặc biệt, sau khi được Ủy ban Di sản Thế giới của UNESCO tại cuộc họp lần thứ 27 tại Pari đã chính thức công nhận Vườn Quốc gia Phong Nha-Kẻ Bàng là Di sản Thiên nhiên Thế giới (ngày 05/7/2003), thì trách nhiệm đối với Du lịch Phong Nha-Kẻ Bàng càng to lớn; đó là làm sao để bảo tồn và phát huy các giá trị độc đáo của Di sản Thiên nhiên Thế giới, làm sao phát triển du lịch một cách bền vững để giữ gìn Di sản Thiên nhiên Thế giới cho hôm nay và các thế hệ mai sau.

Xuất phát từ những thực tế nêu trên, việc nghiên cứu phát triển du lịch, nhất là phát triển du lịch bền vững ở Di sản Thiên nhiên Thế giới Vườn Quốc gia Phong Nha-Kẻ Bàng là rất cần thiết và cấp bách. Làm sao để vừa phát triển du lịch, vừa bảo tồn, giữ gìn Di sản Thiên nhiên, bảo vệ môi trường sinh thái, đảm bảo công bằng xã hội, giữ gìn bản sắc văn hoá địa phương. Là một cán bộ quản lý ngành Du lịch của tỉnh Quảng Bình, thấy được sự bức xúc và cấp thiết của vấn đề đã dẫn đến đề tài: "*Phát triển Du lịch bền vững ở Phong Nha-Kẻ Bàng*" được lựa chọn.

## **2. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI:**

- *Trên thế giới*: Du lịch hiện nay được xem là một trong những ngành kinh tế lớn nhất của thế giới với tiềm năng kinh tế to lớn. Chính vì vậy, hoạt động du lịch được rất nhiều chuyên gia, nhà khoa học và cả các nhà quản lý quan tâm nghiên cứu. Tuy nhiên, mãi đến những năm 80 của Thế kỷ trước khái niệm "*Phát triển bền vững*" mới xuất hiện và mãi đến đầu những năm 90, khái niệm về "*Du lịch bền vững*" mới bắt đầu được đề cập đến, khi mà các tác động tiêu cực lên môi trường của sự bùng nổ du lịch từ những năm 1960 trở nên rõ rệt hơn. Các nghiên cứu về "*Du lịch bền vững*" cho thấy Du lịch bền vững không chỉ bảo vệ môi trường, giữ gìn sinh thái mà còn quan tâm đến khả năng duy trì lợi ích kinh tế dài hạn và công bằng xã hội. Du lịch bền vững không thể tách rời khỏi tranh luận rộng rãi về phát triển bền vững nói chung và là lĩnh vực tiên phong, là mối quan tâm hàng đầu của tất cả các quốc gia trên Thế giới nói riêng. Trong lĩnh vực học thuật, du lịch bền vững được một số công trình đề cập đến như: "Du lịch và Môi trường: Mối quan hệ bền vững"[41], "Du lịch bền vững-Cái gì là thực sự?"[37], "Du lịch sinh thái và phát triển bền vững. Ai sở hữu thiên đường?"[40], "Quản lý Du lịch bền vững: Các nguyên tắc ứng dụng"[48], "Hướng tới phát triển bền vững: Các mục tiêu phát triển và các điều kiện"[43]. "Chỉ tiêu cho phát triển bền vững: Lý thuyết,

Phương pháp, Áp dụng"[35], "Du lịch sinh thái và Hướng dẫn du lịch bền vững"[52].

- *Tại Việt Nam*: Nghiên cứu về du lịch mới được đề cập nhiều vào những năm 90, khi hoạt động du lịch dần dần trở nên khởi sắc. Một số công trình nghiên cứu đã đề cập nhiều khía cạnh khác nhau của hoạt động du lịch như: "Tổ chức Lãnh thổ Du lịch Việt Nam"[1], "Du lịch và kinh doanh Du lịch"[19], "Xây dựng Năng lực cho Phát triển Du lịch ở Việt Nam [30], "Quy hoạch Tổng thể phát triển du lịch vùng Du lịch Bắc Trung bộ đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020" [29].

Đối với nước ta, "*Du lịch bền vững*" là một khái niệm còn khá mới mẻ. Đã có một số công trình nghiên cứu về Du lịch trên khía cạnh bền vững như: "Cơ sở khoa học và giải pháp phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam"[33], "Tài nguyên và môi trường Du lịch Việt Nam"[34], "Du lịch bền vững"[8], "Du lịch sinh thái-những vấn đề về lý luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam"[15], "Du lịch sinh thái trong các Khu Bảo tồn Tự nhiên ở Việt Nam"[13], "Cẩm nang về phát triển du lịch bền vững"[35]. Đối với một số khu du lịch cụ thể, phần lớn các nghiên cứu tập trung chủ yếu vào các kiến nghị.

Đối với Phong Nha-Kẻ Bàng, đã có một số công trình nghiên cứu về địa chất địa mạo, đa dạng sinh học, hệ thống hang động để phục vụ cho việc xây dựng hồ sơ Di sản Thiên nhiên Thế giới. Hiện nay, Vườn Quốc gia Phong Nha-Kẻ Bàng đang hoàn chỉnh Hồ sơ về đa dạng sinh học trình UNESCO công nhận Di sản Thiên nhiên Thế giới lần thứ 2 về tiêu chí "Đa dạng sinh học". Các công trình nghiên cứu về phát triển du lịch nói chung và phát triển du lịch bền vững nói riêng chỉ được đề cập rất ít, chủ yếu trong các bài tham luận ở các Hội thảo về Phong Nha-Kẻ Bàng.

Qua tổng hợp tình hình nghiên cứu về du lịch bền vững ở nước ta trong thời gian qua, chúng ta có thể nhận thấy:

- Là một ngành kinh tế hàng đầu, du lịch được rất nhiều nhà khoa học, nhà quản lý, các tổ chức trên Thế giới cũng như ở nước ta quan tâm nghiên cứu. Tuy nhiên, "*Du lịch bền vững*" mới chỉ được đầu tư nghiên cứu từ những năm 1990 đến nay.

- Du lịch Việt Nam mới thực sự khởi sắc từ những năm 90 và là đề tài nghiên cứu của nhiều nhà khoa học của Việt Nam và Thế giới. "*Du lịch bền vững*" ở nước ta ngày càng được các nhà khoa học quan tâm nghiên cứu và cũng là định hướng phát triển du lịch trên Thế giới cũng như ở nước ta. Tuy nhiên, số lượng các công trình nghiên cứu về du lịch bền vững ở nước ta đang còn ít. Các công trình chủ yếu tập trung vào nghiên cứu "*Du lịch sinh thái*" - một loại hình du lịch thân thiện với môi trường và có tính bền vững.

- Việc nghiên cứu phát triển du lịch bền vững áp dụng cụ thể cho một Khu bảo tồn Thiên nhiên hay Vườn Quốc gia còn rất ít được chú trọng do nhiều yếu tố khách quan và chủ quan.

- Cho đến nay, việc nghiên cứu một cách có hệ thống các vấn đề liên quan đến phát triển du lịch bền vững ở nước ta được triển khai không nhiều, cần có những nghiên cứu sâu hơn.

### **3. MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU:**

***Mục tiêu nghiên cứu:*** Góp phần tích cực vào việc quản lý, phát triển du lịch theo hướng bền vững ở Di sản Thiên nhiên Thế giới Vườn Quốc gia Phong Nha-Kẻ Bàng.

#### ***Nhiệm vụ nghiên cứu:***

- Tập trung nghiên cứu lý luận về phát triển du lịch bền vững (đặc biệt tại các Vườn Quốc gia, Khu Bảo tồn thiên nhiên); kinh nghiệm phát triển du lịch bền vững cũng như phát triển không bền vững ở một số nước trên thế giới (chú trọng vào các khu bảo tồn thiên nhiên và vườn quốc gia), đồng thời rút ra một số bài học kinh nghiệm cho phát triển du lịch bền vững ở nước ta.

- Đánh giá tài nguyên du lịch của khu vực nghiên cứu. Nghiên cứu thực trạng và đưa ra những bài học kinh nghiệm phát triển du lịch bền vững ở khu du lịch Phong Nha-Kẻ Bàng.

- Tập trung nghiên cứu, đưa ra các giải pháp cụ thể phát triển du lịch ở Phong Nha-Kẻ Bàng một cách bền vững; phù hợp với Hiến chương Bảo vệ Di sản Thế giới của Liên Hiệp Quốc và tương xứng với Vườn Quốc gia-Di sản Thiên nhiên Thế giới.

#### **4. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU:**

***Đối tượng nghiên cứu:*** Du lịch là một ngành kinh tế tổng hợp có tính liên ngành, liên vùng và xã hội hoá cao. Tuy nhiên, Luận án này chỉ tập trung nghiên cứu du lịch dưới góc độ phát triển bền vững ở một khu du lịch cụ thể; đó là Di sản Thiên nhiên Thế giới Vườn Quốc gia Phong Nha-Kẻ Bàng, hay nói cách khác: Nghiên cứu phát triển Du lịch bền vững ở Phong Nha-Kẻ Bàng (Lý luận, thực tiễn và các giải pháp).

##### ***Phạm vi nghiên cứu:***

- *Phạm vi về không gian:* Phạm vi không gian được giới hạn trong khu vực Di sản Thiên nhiên Thế giới vườn Quốc gia Phong Nha-Kẻ Bàng và vùng đệm của vườn Quốc gia. Tuy nhiên, đề tài cũng có đề cập đến một số khu vực phụ cận, một số khu du lịch trong tỉnh, các tuyến du lịch liên quan trực tiếp đến phát triển du lịch ở Phong Nha-Kẻ Bàng.

- *Phạm vi về thời gian:* Thời gian nghiên cứu về thực trạng phát triển du lịch ở PN-KB 1996-2004, đề xuất các giải pháp cho giai đoạn 2005 đến 2015.

#### **5. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU:**

Trong quá trình nghiên cứu, các phương pháp chủ yếu sau đây được sử dụng:

- *Phương pháp duy vật biện chứng:* Đặt việc phát triển du lịch bền vững tại PN-KB trong mối quan hệ biện chứng với các lĩnh vực hoạt động khác.

- *Phương pháp tổng hợp*: Tổng hợp tất cả những hoạt động liên quan đến du lịch để xây dựng một bức tranh tổng thể về phát triển du lịch bền vững.

- *Phương pháp phân tích hệ thống*: Phân tích một cách có hệ thống các hoạt động du lịch cụ thể để biết được thực trạng phát triển nhằm đề xuất những giải pháp hữu hiệu.

- *Phương pháp điều tra khảo sát thực địa*: Sử dụng các kết quả của các chuyến khảo sát thực địa, các cuộc điều tra, các cuộc phỏng vấn khách du lịch cũng như các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh du lịch-dịch vụ.

- *Phương pháp chuyên gia*: Tham khảo ý kiến của các nhà tư vấn, các chuyên gia trong việc phát triển du lịch bền vững, nhất là trong công tác quy hoạch, phát triển du lịch cộng đồng.

## **6. Ý NGHĨA KHOA HỌC VÀ THỰC TIỄN CỦA LUẬN ÁN:**

- Hệ thống hoá các vấn đề về lý luận phát triển du lịch bền vững, đặc biệt là phát triển du lịch bền vững ở các Khu Bảo tồn thiên nhiên và VQG.

- Tổng kết các bài học kinh nghiệm về phát triển du lịch bền vững cũng như phát triển du lịch không bền vững của một số điểm du lịch trên thế giới. Trên cơ sở đó đề ra các giải pháp phát triển du lịch bền vững cho VQG PN-KB.

- Phân tích tiềm năng du lịch của PN-KB về tiềm năng du lịch thiên nhiên và nhân văn để từ đó xây dựng chiến lược phát triển du lịch bền vững.

- Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển du lịch ở khu du lịch Phong Nha-Kẻ Bàng trong thời gian qua; làm rõ những thành quả đạt được cũng như những khiếm khuyết cần phải được khắc phục; rút ra những bài học kinh nghiệm nhằm đưa du lịch Phong Nha-Kẻ Bàng phát triển bền vững.

- Đề xuất hệ thống các giải pháp phát triển du lịch bền vững ở Phong Nha-Kẻ Bàng; để mãi mãi xứng đáng với danh hiệu Di sản Thiên nhiên Thế giới mà UNESCO đã công nhận.

# CHƯƠNG 1

## CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG

### 1.1. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Phát triển được hiểu là một quá trình tăng trưởng của nhiều yếu tố cấu thành khác nhau về kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá, khoa học-kỹ thuật... Đây là xu thế tự nhiên tất yếu của thế giới vật chất nói chung và xã hội loài người nói riêng. Phát triển kinh tế-xã hội là quá trình nâng cao chất lượng cuộc sống cả về vật chất và tinh thần bằng cách phát triển lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất, nâng cao chất lượng giáo dục, chất lượng cuộc sống, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá. Để phản ánh đúng thực chất và khách quan về phát triển, ngoài các chỉ tiêu về kinh tế như GNP (Gross National Product-Tổng sản phẩm quốc dân), GDP (Gross Domestic Product-Tổng sản phẩm quốc nội), thu nhập bình quân đầu người (GDP per capita)...cần phải bổ sung các chỉ số khác như HDI (Human Development Index-Chỉ số phát triển con người), HFI (Human Freedom Index-Chỉ số tự do của con người)...

Cùng với việc nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho cộng đồng dân cư, hoạt động phát triển đã và đang làm cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên, gây ra những tác động tiêu cực làm suy thoái môi trường, sinh thái. Một thực tế không thể phủ nhận được là nguồn tài nguyên thiên nhiên của Trái đất không thể là vô hạn và trong khi việc khai thác bừa bãi, không kiểm soát được sẽ không chỉ làm cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên mà còn gây hậu quả nghiêm trọng về môi trường, làm mất cân bằng về sinh thái; gây ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình phát triển của xã hội loài người trong tương lai. Chính từ nhận thức này đã xuất hiện một khái niệm mới về phát triển và xu thế



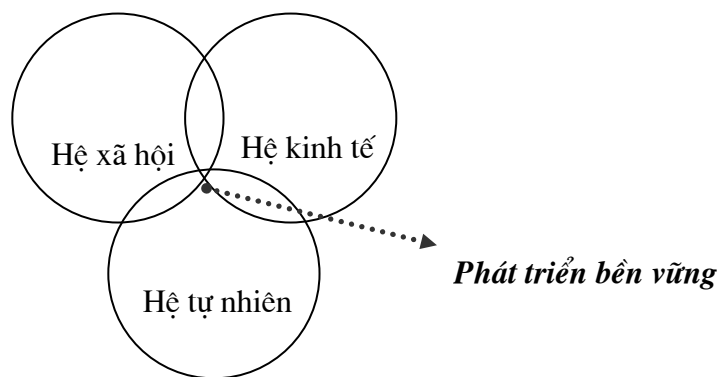
phát triển này đang được tất cả các nước trên thế giới, kể cả các nước phát triển cũng như các nước đang phát triển đều quan tâm; đó là "Phát triển bền vững".

Khái niệm bền vững áp dụng cho phát triển là một khái niệm tương đối mới. Những vấn đề môi trường nảy sinh từ sự phát triển của xã hội tiêu dùng đã được thế giới thừa nhận. Tuy nhiên, mãi đến năm 1987 vấn đề môi trường-phát triển mới chính thức được nêu lên. Tại Hội nghị của Ủy ban Thế giới về Môi trường và Phát triển (WCED), Brundtland - một nhà chính trị và nhà kinh tế học hiện đại đã đưa ra Báo cáo Brundtland "*Tương lai chung của chúng ta*". Báo cáo này đã đưa ra nhận thức đầy đủ rằng môi trường cũng có thể gây trở ngại đối với phát triển và phúc lợi xã hội. Cũng từ đó, phát triển bền vững nổi lên thành mô hình mới cho chính sách toàn cầu, khu vực, quốc gia và từng địa phương; đã được nêu tại Chương trình 21 Hội nghị Thế giới của Liên hợp quốc (Hội nghị Thượng đỉnh Rio, 1992).

Hiện nay, vẫn còn nhiều tranh luận dưới những góc độ khác nhau về khái niệm "Phát triển bền vững". Theo quan điểm của Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế (IUCN) đưa ra năm 1980 thì "Phát triển bền vững phải cân nhắc đến hiện trạng khai thác các nguồn tài nguyên tái tạo và không tái tạo, đến các điều kiện thuận lợi cũng như khó khăn trong việc tổ chức các kế hoạch hành động ngắn hạn và dài hạn đan xen nhau". Định nghĩa này chú trọng đến việc sử dụng các nguồn tài nguyên chứ chưa đưa ra một bức tranh toàn diện về phát triển bền vững. Một định nghĩa khác được các nhà khoa học trên thế giới đề cập một cách tổng quát hơn, trong đó chú trọng đến trách nhiệm của mỗi một chúng ta: "Phát triển bền vững là các hoạt động phát triển của con người nhằm phát triển và duy trì trách nhiệm của cộng đồng đối với lịch sử hình thành và hoàn thiện các sự sống trên Trái đất". Tuy nhiên, khái niệm do Ủy ban Liên hợp quốc về Môi trường và Phát triển (UNCED) đưa ra năm 1987 được sử

dụng rộng rãi hơn cả. Theo UNCED, "Phát triển bền vững thoả mãn những nhu cầu của hiện tại nhưng không làm giảm khả năng thoả mãn nhu cầu của các thế hệ mai sau". Như vậy, nếu một hoạt động có tính bền vững, xét về mặt lý thuyết nó có thể được thực hiện mãi mãi.

Tại Hội nghị về Môi trường toàn cầu RIO 92 và RIO 92+5, quan niệm về phát triển bền vững được các nhà khoa học bổ sung. Theo đó, "Phát triển bền vững được hình thành trong sự hoà nhập, đan xen và thoả hiệp của 3 hệ thống tương tác là hệ tự nhiên, hệ kinh tế và hệ văn hoá-xã hội" (Hình 1).



**Hình 1: Quan niệm về phát triển bền vững**

Theo quan điểm này, phát triển bền vững là sự tương tác qua lại và phụ thuộc lẫn nhau của ba hệ thống nói trên. Như thế, phát triển bền vững không cho phép con người vì sự ưu tiên phát triển của hệ này mà gây ra sự suy thoái, tàn phá đối với hệ khác. Thông điệp ở đây thật đơn giản: Phát triển bền vững không chỉ nhằm mục đích tăng trưởng kinh tế. Hiện nay, phát triển phải dựa trên tính bền vững cả về môi trường-sinh thái, văn hoá-xã hội và kinh tế. Phát triển bền vững mang tính ba chiều, giống chiếc kiềng 3 chân. Nếu một chân bị gãy, cả hệ thống sẽ bị sụp đổ dài hạn. Cần phải nhận thức được rằng, ba chiều này phụ thuộc nhau về rất nhiều mặt, có thể hỗ trợ lẫn nhau hoặc cạnh tranh với nhau. Nói đến phát triển bền vững có nghĩa là tạo được sự cân bằng giữa

ba chiều (ba trụ cột). Cụ thể là:

- Sự bền vững về kinh tế: Tạo nên sự thịnh vượng cho cộng đồng dân cư và đạt hiệu quả cho mọi hoạt động kinh tế. Điều cốt lõi là sức sống và sự phát triển của doanh nghiệp và các hoạt động của doanh nghiệp phải được duy trì một cách lâu dài.

- Sự bền vững xã hội: Tôn trọng nhân quyền và sự bình đẳng cho tất cả mọi người. Đòi hỏi phân chia lợi ích công bằng, chú trọng công tác xóa đói giảm nghèo. Thừa nhận và tôn trọng các nền văn hoá khác nhau, tránh mọi hình thức bóc lột.

- Sự bền vững về môi trường: Bảo vệ, quản lý các nguồn tài nguyên; hạn chế đến mức tối thiểu sự ô nhiễm môi trường, bảo tồn sự đa dạng sinh học và các tài sản thiên nhiên khác.

Chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam (Chương trình nghị sự 21 của Việt Nam) đã đưa ra mục tiêu tổng quát của phát triển bền vững là đạt được sự đầy đủ về vật chất, sự giàu có về tinh thần và văn hoá, sự bình đẳng của các công dân và sự đồng thuận của xã hội, sự hài hoà giữa con người và tự nhiên; phát triển phải kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hoà được ba mặt là phát triển kinh tế (nhất là tăng trưởng kinh tế), phát triển xã hội (nhất là thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; xóa đói giảm nghèo và giải quyết việc làm) và bảo vệ môi trường (nhất là xử lý, khắc phục ô nhiễm, phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường; phòng chống cháy và chặt phá rừng; khai thác hợp lý và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên). Chương trình nghị sự 21 của Việt Nam còn đưa ra 8 nguyên tắc chính trong quá trình phát triển sau:

- Con người là trung tâm của sự phát triển bền vững. Đáp ứng ngày càng đầy đủ hơn nhu cầu vật chất và tinh thần của nhân dân; xây dựng đất nước giàu mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh là nguyên tắc quán triệt nhất quán trong mọi giai đoạn phát triển.

- Phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, đảm bảo an ninh lương thực, năng lượng, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm; kết hợp chặt chẽ hợp lý và hài hòa với phát triển xã hội và bảo vệ môi trường; từng bước thực hiện nguyên tắc "mọi mặt: kinh tế, xã hội và môi trường đều có lợi".

- Bảo vệ và cải thiện môi trường phải được coi là một yếu tố không thể tách rời của quá trình phát triển. Coi yêu cầu về bảo vệ môi trường là một trong những tiêu chí quan trọng nhất trong đánh giá phát triển bền vững. Xây dựng hệ thống pháp luật đồng bộ và có hiệu lực về bảo vệ môi trường, giữ gìn sinh thái.

- Phát triển phải đảm bảo đáp ứng một cách công bằng nhu cầu của thế hệ hiện tại và không gây trở ngại tới cuộc sống của các thế hệ mai sau; tạo lập mọi điều kiện để mọi người trong xã hội có cơ hội bình đẳng để phát triển; xây dựng lối sống lành mạnh, hài hòa, gần gũi và yêu quý thiên nhiên.

- Khoa học và công nghệ là nền tảng và động lực cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá, thúc đẩy phát triển nhanh, mạnh và bền vững đất nước. Công nghệ hiện đại, sạch và thân thiện với môi trường cần được ưu tiên sử dụng rộng rãi trong các ngành sản xuất.

- Phát triển bền vững là sự nghiệp của toàn Đảng, các cấp chính quyền, các bộ ngành và địa phương; của các doanh nghiệp, các cơ quan, đoàn thể xã hội, các cộng đồng dân cư và mọi người dân. Huy động tối đa sự tham gia của các tầng lớp nhân dân trong sự lựa chọn các quyết định về phát triển.

- Gắn chặt việc xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Chú trọng phát huy lợi thế, nâng cao chất lượng, hiệu quả, năng lực cạnh tranh. Chủ động phòng ngừa, ngăn chặn những tác động xấu do quá trình toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế gây ra.

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường với bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

## **1.2. PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG**

### **1.2.1. Khái niệm về phát triển du lịch bền vững**

#### ***1.2.1.1. Khái niệm:***

Phát triển du lịch bền vững và phát triển bền vững có mối quan hệ rất chặt chẽ. Trên thực tế, phát triển bền vững và phát triển du lịch bền vững đều liên quan đến môi trường. Trong du lịch, môi trường mang một hàm ý rất rộng. Đó là môi trường tự nhiên, kinh tế, văn hoá, chính trị và xã hội; là yếu tố rất quan trọng để tạo nên các sản phẩm du lịch đa dạng, độc đáo. Rõ ràng, nếu không có bảo vệ môi trường thì sự phát triển sẽ suy giảm; nhưng nếu không có phát triển thì việc bảo vệ môi trường sẽ thất bại. Chính vì vậy, chúng ta cần phát triển du lịch nhưng không được làm tổn hại đến tài nguyên, không làm ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường. Hay nói một cách khác, du lịch bền vững phải là xu thế phát triển của ngành du lịch.

Ngoài sự phát triển thân thiện với môi trường, khái niệm bền vững còn bao hàm cách tiếp cận du lịch thừa nhận vai trò của cộng đồng địa phương, phương thức đối xử với lao động và mong muốn tối đa hóa lợi ích kinh tế của du lịch cho cộng đồng địa phương. Nói cách khác, du lịch bền vững không chỉ có bảo vệ môi trường, mà còn quan tâm tới khả năng duy trì kinh tế dài hạn và công bằng xã hội. Du lịch bền vững không thể tách rời phát triển bền vững.

Hiện nay, trên thế giới vẫn chưa thống nhất về quan niệm phát triển du lịch bền vững. Du lịch bền vững được định nghĩa theo một số cách. Machado, 2003 [45] đã định nghĩa du lịch bền vững là: "Các hình thức du lịch đáp ứng nhu cầu hiện tại của khách du lịch, ngành du lịch, và cộng đồng địa phương nhưng không ảnh hưởng tới khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ mai sau. Du lịch khả thi về kinh tế nhưng không phá huỷ tài nguyên mà tương lai của du lịch phụ thuộc vào đó, đặc biệt là môi trường tự nhiên và kết cấu xã hội của cộng đồng địa phương". Định nghĩa này tập trung vào tính bền vững của các

hình thức du lịch (sản phẩm du lịch) chứ chưa đề cập một cách tổng quát tính bền vững cho toàn ngành du lịch. Theo Hội đồng Du lịch và Lữ hành Thế giới (WTTC), 1996 thì "Du lịch bền vững là việc đáp ứng các nhu cầu hiện tại của du khách và vùng du lịch mà vẫn bảo đảm những khả năng đáp ứng nhu cầu cho các thế hệ du lịch tương lai" Đây là một định nghĩa ngắn gọn dựa trên định nghĩa về phát triển bền vững của UNCED. Tuy nhiên, định nghĩa này còn quá chung chung, chỉ đề cập đến sự đáp ứng nhu cầu của du khách hiện tại và tương lai chứ chưa nói đến nhu cầu của cộng đồng dân cư địa phương, đến môi trường sinh thái, đa dạng sinh học... Còn theo Hens L., 1998 [39], thì "Du lịch bền vững đòi hỏi phải quản lý tất cả các dạng tài nguyên theo cách nào đó để chúng ta có thể đáp ứng các nhu cầu kinh tế, xã hội và thẩm mỹ trong khi vẫn duy trì được bản sắc văn hoá, các quá trình sinh thái cơ bản, đa dạng sinh học và các hệ đảm bảo sự sống". Định nghĩa này mới chỉ chú trọng đến công tác quản lý tài nguyên du lịch để cho du lịch được phát triển bền vững.

Tại Hội nghị về môi trường và phát triển của Liên hợp quốc tại Rio de Janeiro năm 1992, Tổ chức Du lịch Thế giới (UNWTO) đã đưa ra định nghĩa: "Du lịch bền vững là việc phát triển các hoạt động du lịch nhằm đáp ứng nhu cầu hiện tại của khách du lịch và người dân bản địa trong khi vẫn quan tâm đến việc bảo tồn và tôn tạo các nguồn tài nguyên cho việc phát triển hoạt động du lịch trong tương lai. Du lịch bền vững sẽ có kế hoạch quản lý các nguồn tài nguyên nhằm thoả mãn các nhu cầu về kinh tế, xã hội, thẩm mỹ của con người trong khi đó vẫn duy trì được sự toàn vẹn về văn hoá, đa dạng sinh học, sự phát triển của các hệ sinh thái và các hệ thống hỗ trợ cho cuộc sống con người". Định nghĩa này hơi dài nhưng hàm chứa đầy đủ các nội dung, các hoạt động, các yếu tố liên quan đến du lịch bền vững. Định nghĩa này cũng đã chú trọng đến cộng đồng dân cư địa phương, bảo vệ môi trường sinh thái, gìn giữ bản sắc văn hoá. Trong Luận án này, khái niệm phát triển du lịch bền vững

được hiểu theo nội hàm định nghĩa của Tổ chức Du lịch Thế giới (UNWTO), năm 1992.

Mục tiêu của Du lịch bền vững theo Inskeep, 1991 [42] là:

- Phát triển, gia tăng sự đóng góp của du lịch vào kinh tế và môi trường.
- Cải thiện tính công bằng xã hội trong phát triển.
- Cải thiện chất lượng cuộc sống của cộng đồng bản địa.
- Đáp ứng cao độ nhu cầu của du khách.
- Duy trì chất lượng môi trường.

Còn theo Hội đồng khoa học, Tổng Cục Du lịch, 2005 [28], 12 mục tiêu trong chương trình của du lịch bền vững bao gồm (không xếp theo thứ tự ưu tiên mà tất cả các mục tiêu đều quan trọng như nhau, trong đó có nhiều mục tiêu chứa đựng sự kết hợp các yếu tố và ảnh hưởng của môi trường, kinh tế và xã hội)):

1. *Hiệu quả kinh tế*: Đảm bảo tính hiệu quả kinh tế và tính cạnh tranh để các doanh nghiệp và các điểm du lịch có khả năng tiếp tục phát triển bền vững và đạt lợi nhuận lâu dài.

2. *Sự bền vững cho địa phương*: Tăng tối đa đóng góp của du lịch đối với sự phát triển thịnh vượng của nền kinh tế địa phương tại các điểm du lịch, khu du lịch; bao gồm phân tiêu dùng của khách du lịch được giữ lại tại địa phương.

3. *Chất lượng việc làm*: Tăng cường số lượng và chất lượng việc làm tại địa phương do ngành du lịch tạo ra và được ngành du lịch hỗ trợ, không có sự phân biệt đối xử về giới và các mặt khác.

4. *Công bằng xã hội*: Cần có sự phân phối lại lợi ích kinh tế và xã hội thu được từ hoạt động du lịch một cách công bằng và rộng rãi cho tất cả những người trong cộng đồng đáng được hưởng.

5. *Sự thỏa mãn của khách du lịch*: Cung cấp những dịch vụ an toàn, chất lượng cao thỏa mãn đầy đủ yêu cầu của du khách, không phân biệt đối xử về giới, chủng tộc, thu nhập cũng như các mặt khác.

6. *Khả năng kiểm soát của địa phương*: Thu hút và trao quyền cho cộng đồng địa phương xây dựng kế hoạch và đề ra các quyết định về quản lý và phát triển du lịch, có sự tham khảo tư vấn của các bên liên quan.

7. *An sinh cộng đồng*: Duy trì và tăng cường chất lượng cuộc sống của người dân địa phương, bao gồm cơ cấu tổ chức xã hội và cách tiếp cận các nguồn tài nguyên, hệ thống hỗ trợ đời sống, tránh làm suy thoái và khai thác quá mức môi trường cũng như xã hội dưới mọi hình thức.

8. *Đa dạng văn hoá*: Tôn trọng và tăng cường giá trị các di sản lịch sử, bản sắc văn hoá dân tộc, truyền thống và những bản sắc đặc biệt của cộng đồng dân cư địa phương tại các điểm du lịch.

9. *Thống nhất về tự nhiên*: Duy trì và nâng cao chất lượng của cảnh vật, kể cả ở nông thôn cũng như thành thị, tránh để môi trường xuống cấp.

10. *Đa dạng sinh học*: Hỗ trợ cho việc bảo tồn khu vực tự nhiên, môi trường sống, sinh vật hoang dã và giảm thiểu thiệt hại đối với các yếu tố này.

11. *Hiệu quả của các nguồn lực*: Giảm thiểu mức sử dụng những nguồn tài nguyên quý hiếm và không thể tái tạo được trong việc phát triển và triển khai các cơ sở, phương tiện và dịch vụ du lịch.

12. *Môi trường trong lành*: Giảm thiểu ô nhiễm không khí, nước, đất và rác thải từ du khách và các hãng du lịch.

#### **1.2.1.2. Du lịch bền vững và du lịch không bền vững:**

Có những loại hình du lịch được coi là bền vững hơn các loại hình khác. Trong khi đó, du lịch tình dục hoặc du lịch 3-S (Sun, Sea and Sand: Năng, Biển và Cát) ở hầu hết các nước cho thấy không bền vững. Tuy nhiên, phần lớn các loại hình du lịch đều có thể phát triển với quy mô rất lớn, do đó trở nên không bền vững (ví dụ, số lượng người đi du lịch săn bắn, câu cá quá đông ở một khu du lịch). Phần lớn, các mô hình du lịch có thể làm cho bền vững hơn thông qua những thay đổi định lượng hoặc định tính.



**Bảng 1.1: Loại hình du lịch phân loại theo khả năng tương thích với khái niệm du lịch bền vững**

<b>Tương thích cao</b>	<b>Không tương thích</b>
• Du lịch sinh thái	• Du lịch bờ biển có thị trường lớn
• Du lịch văn hoá thu hút du khách tìm hiểu lịch sử, văn hoá của một khu vực	• Kỳ nghỉ có tác động tiêu cực tới môi trường tự nhiên
• Điểm du lịch đô thị có sử dụng những khu vực trống	• Du lịch tình dục
• Du lịch nông thôn quy mô nhỏ	• Du lịch săn bắn và câu cá ở những nơi quản lý kém
• Kỳ nghỉ bảo tồn, trong đó du khách thực hiện công tác bảo tồn trong suốt kỳ nghỉ	• Đi du lịch ở những nơi có môi trường nhạy cảm như rừng nhiệt đới, Nam Cực.

*Nguồn: A. Machado, 2003 [40]*

Để củng cố khái niệm Du lịch bền vững, nhiều nghiên cứu đã xem xét các tác động của du lịch và so sánh các yếu tố được coi là bền vững với các yếu tố được coi là không bền vững. Các tác giả như Krippendorf, 1982; Lane 1990; Hunter và Green, 1994; Godfrey, 1996; Swarbrooke, 1999 sau khi nghiên cứu tác động của du lịch trên cả ba lĩnh vực kinh tế, môi trường và xã hội đã đưa ra so sánh các yếu tố được coi là bền vững và các yếu tố được coi là không bền vững trong phát triển du lịch.

**Bảng 1.2: Du lịch bền vững và du lịch không bền vững**

<b>Du lịch bền vững hơn</b>	<b>Du lịch kém bền vững hơn</b>
<b>Khái niệm chung:</b>	
Phát triển chậm	Phát triển nhanh
Phát triển có kiểm soát	Phát triển không kiểm soát
Quy mô phù hợp	Quy mô không phù hợp
Mục tiêu dài hạn	Mục tiêu ngắn hạn
Phương pháp tiếp cận theo chất lượng	Phương pháp tiếp cận theo số lượng
Tìm kiếm sự cân bằng	Tìm kiếm sự tối đa
Địa phương kiểm soát	Kiểm soát từ xa
<b>Chiến lược phát triển:</b>	
Quy hoạch trước, triển khai sau	Không lập kế hoạch, triển khai tùy tiện
Kế hoạch theo quan điểm	Kế hoạch theo dự án
Phương pháp tiếp cận chính luận	Phương pháp tiếp cận theo lĩnh vực
Quan tâm tới cả vùng	Tập trung vào các trọng điểm
Phân tán áp lực và lợi ích	Áp lực và lợi ích tập trung
Quanh năm và cân bằng	Thời vụ và mùa cao điểm
Các nhà thầu địa phương	Các nhà thầu bên ngoài
Nhân công địa phương	Nhân công bên ngoài
Kiến trúc bản địa	Kiến trúc theo thị hiếu của khách du lịch

Xúc tiến, marketing có tập trung theo đối tượng	Xúc tiến, marketing tràn lan
<b>Nguồn lực:</b> Sử dụng vừa phải tài nguyên nước, năng lượng	Sử dụng tài nguyên nước, năng lượng lãng phí
Tăng cường tái sinh	Không tái sinh
Giảm thiểu lãng phí	Không chú ý tới lãng phí sản xuất
Thực phẩm sản xuất tại địa phương	Thực phẩm nhập khẩu
Tiền hợp pháp	Tiền bất hợp pháp, không khai báo rõ ràng
Nguồn nhân lực có chất lượng	Nguồn nhân lực chất lượng kém
<b>Khách du lịch:</b> Số lượng ít	Số lượng nhiều
Có thông tin cần thiết bất kỳ lúc nào	Không có nhận thức cụ thể
Học tiếng địa phương	Không học tiếng địa phương
Chủ động và có nhu cầu	Bị động và bị thuyết phục, bảo thủ
Thông cảm và lịch thiệp	Không ý tứ và kỹ lưỡng
Không tham gia vào du lịch tình dục	Tìm kiếm du lịch tình dục
Lặng lẽ, riêng biệt	Lặng lẽ, kỳ quặc
Trở lại tham quan	Không trở lại tham quan

*Nguồn: A. Machado, 2003 [40]*

Trong hoạt động thực tiễn, cần xem xét các vấn đề làm giảm tính bền vững của phát triển du lịch, đồng thời so sánh các hoạt động bền vững với các hoạt động không bền vững. Những yếu tố bền vững và không bền vững liệt kê ở trên không mang tính bắt buộc. Chúng phụ thuộc nhiều vào liều lượng, vào khả năng quản lý và kiểm soát của Nhà nước, vào khả năng tự kiểm soát của ngành du lịch.

## **1.2.2. Lý thuyết hệ thống và hệ thống du lịch**

### **1.2.2.1. Hệ thống:**

Lý thuyết hệ thống và nhiệt động học giúp chúng ta hiểu được các quá trình phức tạp như sự phát triển, mà trong trường hợp này là phát triển du lịch. Tư duy Hệ thống sẽ giúp chúng ta xem xét những tình huống có kết cấu thứ bậc, các điểm kiểm soát và vai trò của ngoại cảnh cũng như nhân tố đầu vào trong sự ổn định và phát triển bền vững của bất kỳ hệ thống nào.

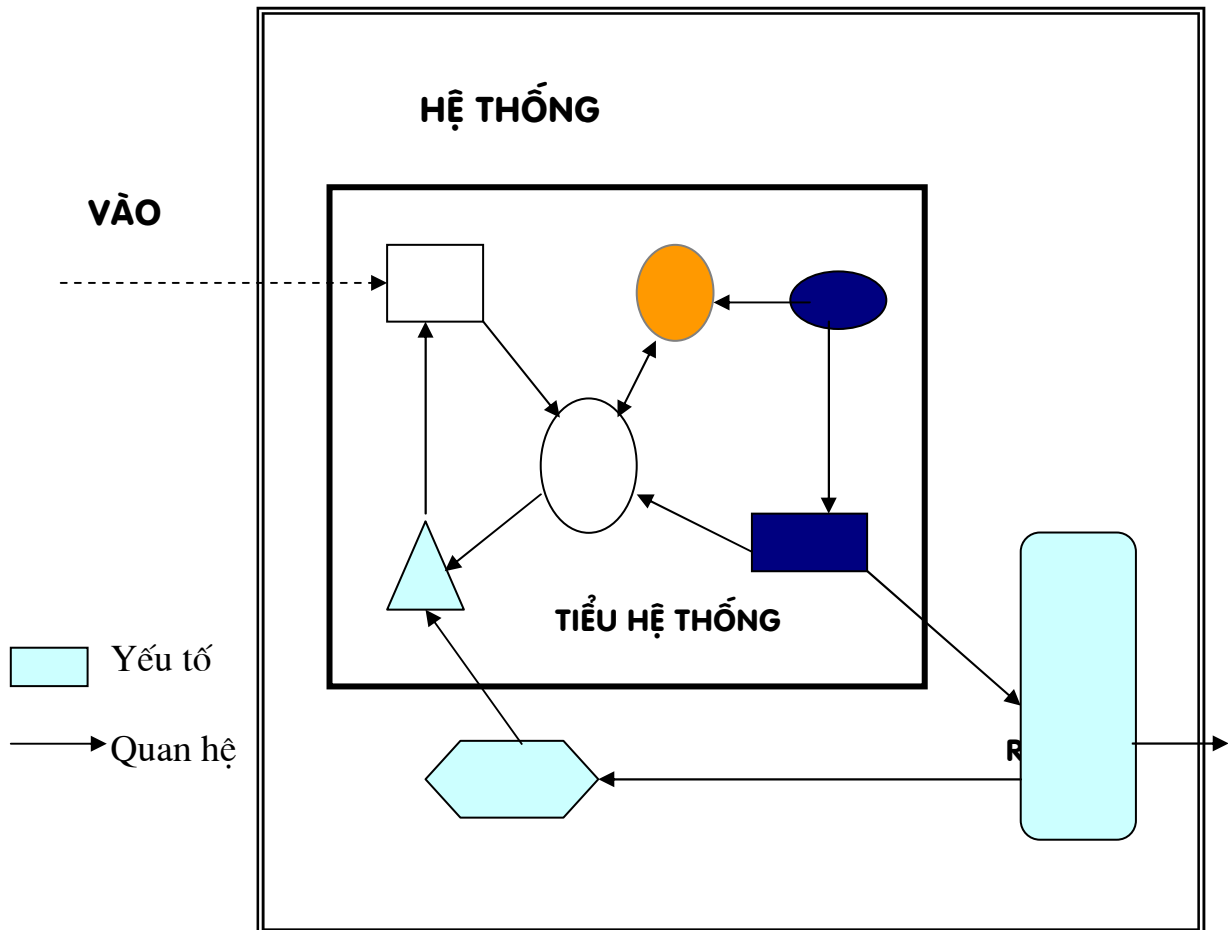
Hệ thống được định nghĩa là một tập hợp các các yếu tố có quan hệ ràng buộc lẫn nhau và có mối liên hệ với các yếu tố bên ngoài hệ thống. Thực tế, không có một hệ thống nào đóng kín.

Hệ thống không có quy mô được xác định trước. Quy mô của hệ thống tùy thuộc vào cách xác định của chúng ta. Một hệ thống có thể được xem là một yếu tố trong của một hệ thống khác lớn hơn và hệ thống này lại là yếu tố của một hệ thống lớn hơn nữa; và cứ như vậy mãi mãi. Một hệ thống nằm trong một siêu hệ thống và được tạo thành bởi các tiểu hệ thống. Đây là một kết cấu thứ bậc.

Hệ thống vận động theo một cách thức nhất định tùy thuộc vào loại hình mối quan hệ và các yếu tố liên quan. Ví dụ, hệ sinh thái là hệ thống phức tạp tiến hóa theo thời gian, nhưng những thay đổi có thể diễn ra suôn sẻ hoặc khó khăn tùy theo mức độ của các yếu tố năng lượng tích cực.

Trong biểu đồ dưới đây, "hệ thống" chúng ta đang xem xét bao gồm các

hình khối (yếu tố) và các mũi tên (mối quan hệ). Khi vị trí và mối quan hệ của các yếu tố được xác định (cố định) thì chúng ta đang đề cập đến "cỗ máy" với sự vận hành có thể tiên lượng được. "Cỗ máy" là trường hợp rất đặc biệt của hệ thống. Trong trường hợp khi một số yếu tố của hệ thống là vật sống, thì chúng ta đề cập đến hệ sinh thái. Du lịch là một hệ thống đặc biệt của hệ sinh thái, nó tương đối linh hoạt và tự do và đây không phải là hệ thống máy móc và hạn chế.



Nguồn: A. Machado, 2003 [40]

### Sơ đồ 1.1: Khái niệm cơ bản về lý thuyết hệ thống

Từ lý thuyết nhiệt động lực học và sinh thái học chúng ta biết rằng nếu yếu tố năng lượng đầu vào tăng trong một hệ thống sẽ đẩy nhanh hoạt động,

nhưng làm giảm tính phức tạp (ví dụ như tính đa dạng). Càng đưa nhiều năng lượng, càng can thiệp vào hệ thống thì nó sẽ càng vận động nhanh và đơn giản hơn. Theo quy luật có hai loại hệ thống, hệ thống nóng và hệ thống lạnh.

- "Hệ thống nóng": Hệ thống có tính năng động cao sẽ vận động nhanh, đơn giản hơn có ít thông tin hơn và yếu hơn (nhạy cảm hơn đối với những thay đổi do các yếu tố bên ngoài gây ra). Hệ thống này thường có tuổi thọ ngắn, luôn thay đổi và có sự quay vòng lớn.

- "Hệ thống lạnh": Hệ thống phức tạp và có tính năng động thấp hơn sẽ chứa nhiều thông tin hơn và ổn định hơn. Chúng có xu hướng tồn tại lâu hơn, bền vững hơn. Hệ thống "lạnh" có xu hướng tích lũy thông tin là tài sản của hệ thống, tạo điều kiện trao đổi chất-năng lượng hiệu quả hơn. Khi hệ thống "nóng" và hệ thống "lạnh" kết hợp với nhau, hệ thống "lạnh" có nhiều thông tin hơn sẽ kiểm soát hệ thống "nóng".

Nguyên lý này áp dụng cho mọi hệ thống từ sinh học, sinh thái, ngôn ngữ, cho đến kinh tế, du lịch...Tuy nhiên, việc phân tích đối với những hệ thống phức tạp do con người định ra, hoặc rút ra hệ quả chính trị từ những hệ thống đó thì chúng ta cần phải áp dụng rất thận trọng. Trong hệ thống kinh tế do con người tạo ra, trong đó có du lịch, yếu tố đầu vào là vốn có tác động tương tự như yếu tố năng lượng trong hệ sinh thái tự nhiên. Cần phải ghi nhớ rằng, số lượng và tốc độ đầu vào của năng lượng, vốn, vật chất đóng vai trò quyết định để duy trì nguyên trạng của hệ thống và giữ cho nó bền vững.

#### ***1.2.2.2. Hệ thống du lịch:***

Du lịch là một hệ thống khá phức tạp như các hệ thống thị trường điển hình trong nền kinh tế. Hệ thống du lịch bao gồm một số yếu tố chủ yếu gồm khách du lịch, điểm hấp dẫn, nhà kinh doanh và cung ứng dịch vụ du lịch, cộng đồng dân cư địa phương, các tổ chức truyền thông, chuyên gia và thành phần Nhà nước.

\* *Khách du lịch*: Hiện nay có nhiều khái niệm về khách du lịch. Khái niệm thông dụng thường được dùng khách du lịch là người đi ra khỏi nơi cư trú (nơi ở, nơi làm việc, học tập) để nghỉ ngơi, giải trí, tìm hiểu, tham quan, thưởng ngoạn, nghỉ dưỡng chữa bệnh... trong một thời gian nhất định, có thể một hoặc nhiều ngày có chi tiêu chứ không vì lý do nghề nghiệp và kiếm sống ở nơi đến.

\* *Điểm hấp dẫn*: Điểm hấp dẫn là đặc điểm vật thể hoặc văn hoá (phi vật thể) của một nơi mà khách du lịch cảm thấy đáp ứng một khía cạnh nhu cầu tò mò, thưởng ngoạn, hiểu biết, trải nghiệm hoặc giải trí của mình. Điểm hấp dẫn là động lực chủ yếu (nhưng không phải là duy nhất) thu hút khách du lịch. Trong hệ thống du lịch "Tài nguyên tự nhiên và văn hoá" là tiểu hệ thống của điểm đến du lịch. Một khu vực phải có một hoặc nhiều điểm hấp dẫn là điểm đến du lịch. Nếu không có điểm hấp dẫn sẽ không có nhu cầu về các dịch vụ du lịch khác.

\* *Nhà kinh doanh và cung ứng dịch vụ du lịch*: Nằm trong khái niệm này, trước hết là các doanh nghiệp và thương nhân hoạt động kinh doanh trực tiếp từ khách du lịch.

- Doanh nghiệp lữ hành (bao gồm chủ yếu các doanh nghiệp lữ hành quốc tế, lữ hành nội địa, kể cả các doanh nghiệp lữ hành bán lẻ).

- Doanh nghiệp vận tải (các đơn vị kinh doanh vận tải hàng không, đường sắt, đường bộ, đường thủy...)

- Doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh dịch vụ khác (các bảo tàng, các cơ sở cho thuê xe, khu vui chơi, nhà hàng, khu giải trí...)

Những chủ thể gián tiếp tham gia vào du lịch có thể ở vị trí rất xa nơi các hoạt động du lịch diễn ra nhưng có ảnh hưởng rất lớn đến toàn bộ hệ thống như các doanh nghiệp xây dựng khách sạn, nhà hàng, khu vui chơi giải trí... Các cơ sở phục vụ khách du lịch này thường được xây dựng xong, bán và sau

đó được quản lý bởi các doanh nghiệp du lịch.

Mức độ phụ thuộc kinh tế vào du lịch của một ngành dịch vụ nào đó có thể rất khác nhau. Trong nhiều trường hợp, khách du lịch không phải là khách hàng chính, mà chính là người dân địa phương và các doanh nghiệp. Chính vì vậy, có nhiều khu giải trí, nhà hàng trong chiến lược kinh doanh của mình không coi họ thuộc ngành du lịch (bởi vì khách hàng của họ chủ yếu là người dân địa phương).

\* *Cộng đồng địa phương*: Cộng đồng địa phương tham gia vào hệ thống du lịch dưới nhiều hình thức: cung cấp nhân lực hoặc vốn, hỗ trợ hoặc trực tiếp tham gia vào các hoạt động du lịch và bản thân họ có thể là điểm hấp dẫn du lịch. Cộng đồng địa phương là những người trực tiếp tiếp nhận những tác động kinh tế-xã hội-môi trường cả tiêu cực và tích cực. Sự tham gia của cộng đồng dân cư địa phương trong quy hoạch và quản lý du lịch nói chung là thấp hoặc chỉ trong phạm vi nhỏ do trình độ nhận thức và hiểu biết chưa thật cao. Tuy nhiên, mục tiêu tăng cường sự tham gia của cộng đồng địa phương trong quá trình ra chính sách phát triển du lịch bền vững được thừa nhận rộng rãi và có ý nghĩa quan trọng.

\* *Tổ chức truyền thông*: Các tổ chức truyền thông đóng vai trò quan trọng trong tác động tới hành vi tiêu dùng và là cấu thành thiết yếu trong tính năng động của hệ thống du lịch. Không chỉ quá trình tiếp thị du lịch phụ thuộc nhiều vào truyền thông, mà cả chiến lược cạnh tranh, chương trình giáo dục và thậm chí quyết định các chính sách phát triển du lịch cũng bị ảnh hưởng bởi truyền thông. Dù tốt hay xấu, truyền thông được biết đến là phương tiện có thể tác động làm thay đổi quy luật cung cầu của thị trường tự do.

\* *Chuyên gia*: Các nhà tư vấn, các cộng tác viên, giới học thuật và các chuyên gia khác là những yếu tố thường xuyên hoặc không thường xuyên có ảnh hưởng định tính đến hệ thống du lịch. Hiện nay, hầu hết chuyên gia tư vấn



đều đến từ các nước phát triển, mặc dù phần nhiều công việc của họ thực hiện ở các nước đang phát triển. Người dân địa phương có thể cho rằng tư vấn nước ngoài quan tâm đến du lịch các nước đang phát triển chỉ nhằm nâng cao chất lượng trải nghiệm ngày nghỉ cho khách du lịch của các nước phát triển. Có những trường hợp cách tiếp cận hoài nghi này là đúng. Tuy nhiên, hỗ trợ quốc tế đang ngày càng gia tăng trong hợp tác quốc tế bình đẳng về du lịch. Tư vấn nước ngoài (thông thường là từ các nước phát triển) thường hữu ích trong nhận thức vấn đề, định hướng phát triển, nhưng giải pháp thường phải do các chuyên gia trong nước đưa ra mới có tính khả thi cao.

\* *Đội ngũ lao động du lịch*: Đội ngũ lao động du lịch có vai trò quyết định đến chất lượng phục vụ du lịch; bao gồm đội ngũ lao động trực tiếp trong ngành du lịch và cả những lao động gián tiếp cung cấp dịch vụ liên quan đến du lịch.

\* *Thành phần Nhà nước*: Thành phần Nhà nước có vai trò quy hoạch, quản lý và xúc tiến du lịch. Vai trò này có thay đổi rất lớn trong cách tiếp cận và kết quả. Ở các nước phát triển, các cơ quan Nhà nước không sở hữu hoặc kiểm soát nhiều quan hệ trọng yếu trong hệ thống du lịch. Những tập đoàn xuyên quốc gia có sức mạnh ngày càng lớn và có phạm vi ảnh hưởng mở rộng vượt ra ngoài biên giới địa lý của các nước. Tốc độ hành động và phản ứng của thành phần Nhà nước và tốc độ phát triển du lịch hiếm khi gặp nhau dẫn đến những hoạt động bất thường. Chính vì vậy, cách tiếp cận đối tác (Nhà nước-Tư nhân) ngày càng trở nên phổ biến trong những năm gần đây.

Các bộ phận trong hệ thống du lịch đều có những lợi ích cục bộ khác nhau. Mỗi bộ phận đều cố gắng đạt được lợi ích riêng của mình trong đấu tranh quyền lực. Do vậy, hệ thống du lịch được tổ chức với những chủ thể có vai trò chính so với các chủ thể khác. Tuy nhiên, ít người, ít doanh nghiệp có thể bao quát hết tất cả các nhân tố và không có ai là "trọng tài" toàn cầu hoặc

"hoàng đế" để có thể chi phối toàn bộ hệ thống. Cần phải nhận thấy rằng, ngành du lịch tồn tại dựa trên những tiểu hệ thống (cung và cầu) và trong nhiều trường hợp có sự liên kết mạnh mẽ giữa các thành phần kinh tế trong nước với nhau và giữa các doanh nghiệp trong nước và ngoài nước. Chính vì vậy, xu hướng trong lợi ích kinh tế là tập trung quyền lực và nhìn chung, thành phần Nhà nước chỉ còn là những người chơi thứ yếu giữ quyền kiểm soát thực sự ít ỏi đối với phần lớn sản phẩm du lịch. Những trường hợp ngoại lệ, thường là du lịch có quy mô nhỏ hoặc khi đang ở trong giai đoạn đầu của quá trình phát triển, các hoạt động du lịch được Nhà nước tiến hành triển khai (thông qua các doanh nghiệp, tổ chức của Nhà nước) với sự hỗ trợ tích cực về mặt tài chính và cam kết chính trị mạnh mẽ.

### **1.2.3. Các nguyên tắc phát triển du lịch bền vững**

Có lẽ hơn bất cứ hoạt động nào khác, ngành Du lịch phụ thuộc rất nhiều vào chất lượng của môi trường cũng như tài nguyên du lịch thiên nhiên và nhân văn. Nhìn chung, ngành Du lịch mang đặc tính phát triển nhanh, ngắn hạn và hội chứng "bùng nổ" thường làm tổn hại đến "tài sản" của chính ngành Du lịch. Du lịch thường tìm mọi cách khai thác triệt để tài nguyên du lịch vì mục đích lợi nhuận và khi "tài sản du lịch" ở một nơi nào đó bị tổn thương nghiêm trọng, tàn lụi thì cách làm của du lịch đơn giản là chuyển hoạt động du lịch đi nơi khác. Nếu du lịch không muốn làm tăng thêm sự xuống cấp của môi trường và tự phá huỷ mình trong quá trình hoạt động, nhất là trong tương lai, thì ngành Du lịch cũng giống như các ngành kinh doanh khác phải nhận biết được trách nhiệm của mình đối với môi trường, kinh tế, xã hội và phải biết làm thế nào để du lịch trở nên bền vững hơn. Để cho sự phát triển du lịch được bền vững, đòi hỏi phải đề cập đúng mức đến môi trường rộng hơn về kinh tế, chính trị, xã hội. Chính vì lẽ đó, phát triển du lịch bền vững cần phải tuân thủ các nguyên tắc của mình.

### ***1.2.3.1. Các nguyên tắc du lịch bền vững:***

Để đạt được mục tiêu phát triển du lịch bền vững, chúng ta cần phải triển khai thực hiện tốt 10 nguyên tắc phát triển du lịch bền vững sau đây:

- *Nguyên tắc 1: Khai thác, sử dụng nguồn lực một cách bền vững:* Việc bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên, văn hoá và xã hội là hết sức cần thiết. Chính điều này sẽ khiến cho việc kinh doanh du lịch phát triển lâu dài.

Nguyên tắc này đưa ra khuyến nghị cho ngành Du lịch cần phải: Ngăn chặn sự phá hoại tới các nguồn tài nguyên môi trường, thiên nhiên và con người; các hoạt động du lịch như là một lực lượng bảo tồn; phát triển và thực thi các chính sách môi trường thật hợp lý trên tất cả các lĩnh vực của du lịch; lắp đặt các hệ thống thích hợp để giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước và không khí; phát triển các phương thức vận chuyển khách bền vững, chú trọng giao thông công cộng, đi bộ, đi xe đạp; thực thi nguyên tắc Phòng ngừa trong tất cả các hoạt động du lịch; nghiên cứu, xây dựng sức chứa một điểm tham quan trong khuôn khổ tôn trọng nguyên tắc Phòng ngừa; tôn trọng các nhu cầu và quyền lợi của người dân địa phương; bảo vệ và ủng hộ việc thừa hưởng di sản văn hoá và lịch sử của các dân tộc trên thế giới; triển khai các hoạt động du lịch một cách có trách nhiệm và đạo đức; kiên quyết chống các loại hình du lịch mại dâm, bóc lột.

- *Nguyên tắc 2: Giảm sự tiêu thụ quá mức tài nguyên và giảm thiểu chất thải:* Việc giảm tiêu thụ quá mức tài nguyên như nước, năng lượng và giảm chất thải ra môi trường sẽ tránh được những chi phí tốn kém cho việc hồi phục tổn hại về môi trường và đóng góp cho chất lượng của du lịch. Để tôn trọng nguyên tắc này ngành du lịch cần phải: Khuyến khích việc giảm tiêu thụ không đúng đắn của du khách; ưu tiên sử dụng các nguồn lực địa phương thích hợp và bền vững, chỉ nhập khẩu hàng hoá khi thực sự cần thiết; giảm rác

thải và đảm bảo xử lý rác thải do du lịch thải ra một cách an toàn, sử dụng các thiết bị xử lý rác thải tiên tiến và hỗ trợ cơ sở hạ tầng ở địa phương; đầu tư vào các dự án tái chế rác thải; có trách nhiệm phục hồi những tổn thất nảy sinh từ các dự án phát triển du lịch; tránh tổn thất thông qua công tác quy hoạch và theo dõi thường xuyên.

- *Nguyên tắc 3: Duy trì tính đa dạng cả đa dạng thiên nhiên, đa dạng xã hội và đa dạng văn hoá:* Việc duy trì và tăng cường tính đa dạng của thiên nhiên, văn hoá và xã hội là cốt yếu cho du lịch phát triển bền vững lâu dài, và cũng là chỗ dựa sinh tồn của ngành công nghiệp du lịch.

Nguyên tắc này đưa ra khuyến nghị cho ngành du lịch cần phải: Trân trọng tính đa dạng của thiên nhiên, văn hoá và xã hội của điểm đến; đảm bảo nhịp độ, quy mô và loại hình phát triển du lịch để bảo vệ tính đa dạng văn hoá bản địa; ngăn ngừa sự phá huỷ đa dạng sinh thái thiên nhiên bằng cách áp dụng nguyên tắc Phòng ngừa và tôn trọng sức chứa của mỗi vùng; giám sát chặt chẽ các hoạt động du lịch đối với động, thực vật; đa dạng hoá các hoạt động kinh tế-xã hội bằng cách lồng ghép các hoạt động du lịch vào các hoạt động của cộng đồng dân cư địa phương; ngăn ngừa sự thay thế các ngành nghề truyền thống lâu đời bằng chuyên môn phục vụ du lịch; khuyến khích các đặc tính riêng của vùng hơn là áp đặt các chuẩn mực đồng nhất; phát triển du lịch phù hợp với văn hoá bản địa, phúc lợi xã hội và nhu cầu phát triển; đảm bảo quy mô, tiến độ và loại hình du lịch nhằm kích lệ lòng mến khách và sự hiểu biết lẫn nhau.

- *Nguyên tắc 4: Phát triển du lịch phải đặt trong quy hoạch phát triển tổng thể kinh tế-xã hội:* Hợp nhất phát triển du lịch vào trong khuôn khổ quy hoạch chiến lược phát triển kinh tế-xã hội cấp quốc gia và địa phương, việc tiến hành đánh giá tác động môi trường sẽ tăng khả năng tồn tại lâu dài của ngành Du lịch. Để đảm bảo nguyên tắc này ngành du lịch cần phải: Tính tới

các nhu cầu trước mắt của cả người dân địa phương và khách du lịch; trong quy hoạch cần phải hợp nhất tất cả các mặt kinh tế-xã hội, môi trường; phải tôn trọng chính sách của địa phương, khu vực và quốc gia; cân nhắc các chiến lược thay thế để phát triển và xây dựng các phương án sử dụng đất khác có tính đến các yếu tố môi trường; giảm thiểu các tổn hại về môi trường, xã hội và văn hoá đối với cộng đồng bằng cách thực hiện đánh giá tác động môi trường toàn diện có sự tham gia của người dân địa phương và tất cả các ngành, cấp chính quyền liên quan; xây dựng các phương pháp nâng cao đánh giá tác động môi trường trong du lịch; phát triển du lịch phải phù hợp với hoàn cảnh địa phương, xây dựng các kế hoạch một cách đúng đắn và thực thi, giám sát các dự án đầu tư nhằm đem lại lợi ích lâu dài.

- *Nguyên tắc 5: Phát triển du lịch phải hỗ trợ kinh tế địa phương phát triển:* Ngành du lịch mà hỗ trợ các hoạt động kinh tế của địa phương và có tính đến giá trị và chi phí về môi trường sẽ vừa bảo vệ được kinh tế địa phương phát triển lại vừa tránh được các tổn hại về môi trường.

Nguyên tắc này khuyến nghị: Hỗ trợ tạo thu nhập cho địa phương và các doanh nghiệp nhỏ; đảm bảo các loại hình và quy mô du lịch thích hợp với điều kiện của địa phương; chống việc khai thác du lịch quá mức; hỗ trợ các địa phương có điểm tham quan bằng cách tối đa hoá việc lưu giữ doanh thu từ du lịch cho kinh tế của địa phương; đầu tư vào công nghệ bảo vệ môi trường và phục hồi các tổn thất của môi trường liên quan đến ngành du lịch; làm trụ cột cho đa dạng kinh tế bằng cách phát triển cơ sở hạ tầng du lịch, mang lợi ích đến cho nhiều thành phần hơn; thực thi đầy đủ và đúng nguyên tắc kiểm tra môi trường đối với mọi dự án du lịch; hoạt động du lịch phải trong giới hạn cho phép của sức chứa và hạ tầng cơ sở của địa phương.

- *Nguyên tắc 6: Lôi kéo sự tham gia của cộng đồng địa phương:* Việc tham gia của cộng đồng địa phương vào hoạt động du lịch sẽ không chỉ mang

lại lợi ích cho cộng đồng địa phương và môi trường mà còn nâng cao chất lượng phục vụ du lịch.

Khuyến nghị cho ngành du lịch: Tôn trọng nhu cầu và nguyện vọng của dân chúng địa phương; ủng hộ quan điểm cộng đồng địa phương quyết định sự phát triển của chính họ; khuyến khích cộng đồng dân cư tham gia tích cực vào các dự án, các hoạt động phát triển du lịch; ủng hộ các doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân địa phương cung cấp dịch vụ, hàng hoá cho du khách, làm chủ các cửa hiệu, quán ăn, dịch vụ hướng dẫn du lịch; khuyến khích phát triển cơ sở vật chất phục vụ du lịch dựa vào gia đình; ngăn ngừa sự chia rẽ và di dân địa phương.

- *Nguyên tắc 7: Lấy ý kiến quần chúng và các đối tượng có liên quan:* Việc trao đổi, thảo luận giữa ngành du lịch và cộng đồng địa phương, các tổ chức và cơ quan liên quan khác nhau là rất cần thiết nhằm cùng nhau giải toả các mâu thuẫn tiềm ẩn về quyền lợi.

Với nguyên tắc này, ngành du lịch cần phải: Giới thiệu việc lập quy hoạch để khuyến khích sự tham gia đóng góp ý kiến của người dân địa phương; Tham khảo ý kiến và thông báo cho người dân địa phương về những thay đổi tiềm ẩn do sự thay đổi nhanh chóng của ngành du lịch; tổ chức Hội thảo, các cuộc gặp gỡ, trao đổi và các hình thức sinh hoạt quần chúng để người dân được tham gia ý kiến hữu hiệu; tham khảo ý kiến với các tổ chức xã hội, các tổ chức phi chính phủ để lồng ghép các lợi ích của cộng đồng dân cư trong quá trình hình thành dự án phát triển du lịch.

- *Nguyên tắc 8: Chú trọng công tác đào tạo nguồn nhân lực:* Việc đào tạo nguồn nhân lực trong đó có lồng ghép vấn đề phát triển du lịch bền vững vào thực tiễn công việc và cùng với việc tuyển dụng lao động địa phương ở mọi cấp sẽ làm tăng chất lượng các sản phẩm du lịch. Trông công tác đào tạo, khuyến nghị ngành du lịch cần: Đưa những vấn đề về môi trường, văn hoá và

xã hội vào chương trình đào tạo; chú trọng công tác đào tạo, nâng cao vị trí và sử dụng cán bộ địa phương các cấp; đề cao ý thức tự hào của ngành du lịch; khám phá những tác động tích cực và tiêu cực của du lịch đối với cộng đồng địa phương trong đào tạo; đào tạo cán bộ, nhân viên, người lao động hiểu biết bản chất phức tạp của du lịch hiện đại; khuyến khích việc đào tạo đa văn hoá và đưa vào đào tạo các chương trình giao lưu văn hoá; phân bổ trở lại lợi nhuận trong du lịch vào các chương trình giáo dục nhằm khích lệ sự hiểu biết đối với di sản và môi trường.

- *Nguyên tắc 9: Tiếp thị du lịch một cách có trách nhiệm:* Việc tiếp thị, cung cấp cho khách du lịch những thông tin đầy đủ và có trách nhiệm sẽ nâng cao sự tôn trọng của du khách đối với môi trường thiên nhiên, văn hoá và xã hội ở nơi tham quan, đồng thời sẽ làm tăng thêm sự hài lòng của du khách.

Trong công tác tiếp thị cần phải: Đảm bảo việc tiếp thị "xanh" phản ánh các chính sách và các hoạt động có lợi cho môi trường chứ không phải là mánh khoé buôn bán; giáo dục và hướng dẫn du khách những điều "cần làm" và những điều "không nên làm" về phương diện môi trường; kiên quyết huỷ bỏ phân biệt chủng tộc, văn hoá đồi trụy và tôn giáo trong du lịch; sử dụng chiến lược tiếp thị tôn trọng các dân tộc, cộng đồng và môi trường các địa phương; nâng cao nhận thức của du khách về tác động tiềm tàng và trách nhiệm của họ đối với địa phương; cung cấp đầy đủ thông tin có liên quan đến kỳ nghỉ khi lựa chọn điểm du lịch; thông tin về việc tôn trọng Di sản Văn hoá và Thiên nhiên của địa phương cho du khách; tiếp thị phải trung thực, tương ứng với sản phẩm và chất lượng của sản phẩm du lịch chào bán; không áp đặt những tập quán xã hội phương Tây vào những giá trị văn hoá khác nhau.

- *Nguyên tắc 10: Coi trọng công tác nghiên cứu:* Tiếp tục nghiên cứu và giám sát các hoạt động du lịch thông qua việc sử dụng và phân tích có hiệu quả các số liệu là rất cần thiết để giúp cho việc giải quyết những vấn đề tồn

động và mang lại lợi ích cho các điểm tham quan, cho ngành du lịch và cho khách hàng.

Khuyến nghị: Khuyến khích và hỗ trợ việc nghiên cứu đánh giá trước khi thực hiện dự án và các biện pháp giám sát đánh giá tác động môi trường, kinh tế-xã hội; tiến hành và hỗ trợ nghiên cứu các biện pháp dự đoán ảnh hưởng của du lịch, cũng như các giải pháp kỹ thuật giải quyết; tiến hành nghiên cứu sử dụng các kỹ năng, kinh nghiệm và ý kiến của người dân địa phương; thông báo các kết quả nghiên cứu và thông tin tới các cơ quan, cá nhân có trách nhiệm ra các quyết định về du lịch; phổ biến các kết quả nghiên cứu và điều tra đến các cơ quan trung ương, địa phương, đội ngũ cán bộ công nhân viên làm công tác du lịch và cộng đồng dân cư.

#### ***1.2.3.2. Chiến lược phát triển và quản lý du lịch:***

Du lịch không thể phát triển bền vững nếu thiếu quy hoạch và chiến lược phát triển và quản lý du lịch. Các chiến lược phát triển và quản lý du lịch bao gồm Chiến lược tình thế, Chiến lược tăng trưởng có giới hạn, Chiến lược hợp tác và Chiến lược toàn diện. Những chiến lược này khác nhau bởi mục tiêu, quy trình thực hiện và kết quả cuối cùng. Tuy nhiên, cả bốn chiến lược đều có giá trị trong các điều kiện phát triển và quản lý du lịch cụ thể.

- *Chiến lược tình thế:* Chiến lược này được thực hiện trên cơ sở của từng dự án cụ thể, trong những điều kiện cụ thể. Đây là chiến lược điển hình phát triển tại hầu hết các nước có ngành du lịch mới phát triển, đặc biệt là các nước Châu Á. Chiến lược này tập trung vào từng dự án riêng lẻ, làm tăng hiệu quả phát triển ngắn hạn. Chiến lược này cho phép sự tăng trưởng nhanh chóng, mặc dù sẽ có một số sự phát triển không bị giới hạn và bất hợp pháp. Thực thi Chiến lược này tạo ra công ăn việc làm, các cơ hội kinh doanh và tăng thu nhập. Các nhà đầu tư, các tổ chức kinh doanh và chính quyền địa phương có thể thu được lợi ích kinh tế từ những kết quả tài chính ngắn hạn. Đối với Chiến



lược này, mục đích về quy hoạch môi trường và xã hội thường được ưu tiên thấp hơn các mục tiêu về tài chính.

Chiến lược tình thế phù hợp với tình hình phát triển du lịch ở mức độ thấp. Tuy nhiên, cùng với sự tăng trưởng du lịch mang tính vật chất, sẽ có những thay đổi khác hẳn trên các lĩnh vực khách và sẽ gây ra những vấn đề trầm trọng hơn. Chính vì vậy, nếu để kéo dài Chiến lược tình thế sẽ không còn phù hợp, gây ra sự phát triển mất cân đối và phi năng suất.

- *Chiến lược tăng trưởng có giới hạn*: Chiến lược này đưa ra việc phát triển du lịch gắn với sự kiểm soát nghiêm ngặt môi trường. Chiến lược này được phát sinh do có những lo lắng về sự phát triển du lịch ồ ạt sẽ làm suy thoái chất lượng của các điểm du lịch và phá huỷ các sản phẩm du lịch hiện thời. Chiến lược tăng trưởng có giới hạn có tính hoạch định và chấp nhận chính sách phát triển du lịch tăng trưởng chậm, bắt buộc giảm bớt sự phát triển "bùng nổ" của du lịch trong ngắn hạn, chấp nhận sự phát triển chậm đối với trung hạn và dài hạn ở một số lĩnh vực và đưa ra các quy định nghiêm ngặt về môi trường.

Chiến lược tăng trưởng có giới hạn mang đến kết quả là môi trường được bảo vệ trong một giai đoạn nhất định. Tuy nhiên, thu nhập tài chính từ du lịch của các nhà đầu tư cũng như chính quyền địa phương giảm sút và nhu cầu về du lịch được đáp ứng ở những nơi khác. Với Chiến lược tăng trưởng có giới hạn, mục tiêu kế hoạch được đề ra và thực hiện trong một thời kỳ ngắn. Tuy nhiên, nếu duy trì Chiến lược này thì cuối cùng cũng sẽ thất bại và gây ra sự lộn xộn trong quy trình phát triển của ngành du lịch.

- *Chiến lược phát triển hợp tác*: Chiến lược này tập trung đến các dự án phát triển hỗn hợp. Các điểm du lịch được quy hoạch về môi trường, trong đó một số cơ sở lưu trú cùng sử dụng chung cơ sở hạ tầng, cơ sở vui chơi, giải trí và các phương tiện khác. Sự phát triển tổng hợp này đặc trưng cho sự phát triển ở các thành phố lớn.

Sự kiểm tra là ý tưởng chủ đạo về sự phát triển và quy hoạch hợp tác trong Chiến lược này. Rõ ràng, với một khu du lịch rộng lớn, nhiều cơ sở lưu trú và các thành phần khác, thì không thể điều hành được một môi trường tổng hợp các phương tiện du lịch trong một chương trình hành động mà không loại trừ các hoạt động và việc sử dụng đất bất hợp pháp. Chiến lược phát triển hợp tác tìm kiếm sự phát triển du lịch có chất lượng cao trong giới hạn của các dự án. Chính vì vậy, việc khuyến khích phát triển du lịch chất lượng cao giới hạn trong các dự án sẽ bỏ qua vùng bên ngoài các dự án và ngăn chặn sự liên kết với việc phát triển dân cư và những phát triển khác không liên quan đến du lịch. Kết quả của Chiến lược này là sự chú trọng phát triển du lịch cao cấp, loại trừ các hình thức phát triển du lịch khác. Chính vì vậy, sự suy thoái môi trường ngoài giới hạn của dự án, cộng đồng dân cư bên ngoài dẫn đến sự ùn tắc về giao thông và suy thoái của vùng dân cư gần đó.

- *Chiến lược phát triển toàn diện*: Đây là Chiến lược phát triển hợp tác được quy hoạch và bổ sung thêm quy hoạch đối với phong cảnh, địa điểm không nằm trong khu vực hợp tác, các khu dân cư, khu thương mại.

Đặc điểm hàng đầu trong quy hoạch phát triển du lịch của Chiến lược phát triển toàn diện là sự xác định địa điểm thích hợp cho sự phát triển ở quy mô lớn; định vùng cho khu dân cư và các khu vực khác, thiết kế những vùng được bảo vệ môi trường, đề ra những chính sách hướng tới phát triển du lịch một cách toàn diện như sự phát triển có tổ chức, ban hành các điều chỉnh nhằm khuyến khích phát triển du lịch, tăng tối đa lợi ích kinh tế, xã hội và môi trường; ngăn chặn những hành động tiêu cực của sự phát triển.

Chiến lược phát triển toàn diện là chiến lược được đề xuất đối với phát triển du lịch bền vững. Với sự tăng cường tối đa những ưu điểm của của Chiến lược phát triển hợp tác trong khi ngăn cản những điều nguy hiểm của Chiến lược tình huống. Vì vậy, Chiến lược này đạt được kết quả tốt thông qua việc

lập kế hoạch cân đối về phát triển du lịch có quy hoạch, ưu tiên hàng đầu cho việc phát triển và bảo tồn những chức năng có liên quan khác. Bằng cách này, lợi ích của du lịch được tối đa hoá và giảm thiểu những tiêu cực của các hoạt động du lịch.

Môi trường là yếu tố cấu thành quan trọng của sự phát triển bền vững trong du lịch. Đối với các Khu Bảo tồn Thiên nhiên cũng như Vườn Quốc gia, khi môi trường tự nhiên là tài nguyên du lịch chủ yếu, các biện pháp nghiêm ngặt được đề ra để bảo vệ môi trường tự nhiên cho sự phát triển du lịch. Hơn thế nữa, môi trường tự nhiên không phải là vấn đề đứng riêng biệt một cách độc lập. Sự bền vững chỉ đạt được khi vấn đề môi trường được xác định trong các hoạt động hợp tác cùng với các vấn đề phát triển và quản lý khác. Chiến lược phát triển toàn diện bao gồm cả việc lập kế hoạch theo thời gian là rất quan trọng đối với sự phát triển du lịch bền vững.

#### **1.2.4. Đánh giá tính bền vững của du lịch:**

Là một ngành kinh tế trọng yếu của thế giới, du lịch phụ thuộc rất nhiều vào sự thành công của các lĩnh vực kinh tế khác, đồng thời du lịch có thị trường biến động rất nhanh. Chính vì vậy, Du lịch là ngành kinh tế đặc biệt mong manh, rất dễ bị tổn thương dưới tác động không chỉ của các điều kiện kinh tế, văn hoá, xã hội, mà còn chính trị và cả thiên nhiên. Một thảm hoạ thiên tai, một vụ khủng bố, một cuộc nổi loạn, một thay đổi về chính trị hay một vụ việc nhỏ như ô nhiễm một bãi biển nào đó cũng có thể tác động khốc liệt đến các hoạt động du lịch ở đây; vì đơn giản khách du lịch sẽ chọn một điểm du lịch khác.

Để đánh giá tính bền vững của các hoạt động du lịch tại một điểm du lịch, khu du lịch, cần phải có những phương pháp thích hợp, rẻ tiền và tốn ít thời gian. Những phương pháp này một mặt là để đo sự thành công của công tác điều hành, quản lý du lịch, mặt khác, là để xây dựng hệ thống cảnh báo

giúp cho các nhà quản lý phát hiện sớm tình trạng lâm nguy của một điểm du lịch, khu du lịch để đưa ra những giải pháp cụ thể, kịp thời và có hiệu quả. Hiện nay, có hai phương pháp đánh giá tính bền vững của du lịch được sử dụng: Dựa vào việc xác định sức chứa (khả năng tải) và dựa vào bộ chỉ tiêu môi trường.

#### ***1.2.4.1. Đánh giá tính bền vững của hoạt động du lịch dựa vào sức chứa:***

Đây là phương pháp mà các nhà nghiên cứu cần phải xác định được sức chứa của khu du lịch, điểm du lịch, để xem khả năng khu du lịch, điểm du lịch đang xét có khả năng tiếp nhận được bao nhiêu du khách thì vừa. Nếu số du khách đến tham quan thường xuyên vượt sức chứa sẽ dẫn đến suy thoái môi trường nghiêm trọng và du lịch phát triển không bền vững.

Khái niệm sức chứa (khả năng tải) của điểm du lịch bắt nguồn từ nông nghiệp, trong việc chăn nuôi gia súc trên đồng cỏ. Các nhà chăn nuôi cần phải biết rõ vào từng mùa, đồng cỏ có thể nuôi được tối đa bao nhiêu gia súc. Sau đó khả năng tải được áp dụng vào lĩnh vực dân số để xác định số dân mà một vùng đất có thể tiếp nhận được (với một cuộc sống khấm khá trên một trình độ công nghệ nhất định). Việc áp dụng sức chứa vào lĩnh vực xã hội trở nên khó khăn vì tính đa giá trị của các hệ thống xã hội và nhân văn.

Đối với du lịch, có nhiều cách hiểu khác nhau về "sức chứa". Theo D'Amore, 1983 [7], "Sức chứa là điểm trong quá trình tăng trưởng du lịch mà người dân địa phương bắt đầu thay mất cân bằng do mức độ tác động xã hội không thể chấp nhận được của hoạt động du lịch". Shelby và Heberlein, 1987 [7] thì cho rằng "Sức chứa là mức độ sử dụng mà vượt qua nó thì vi phạm tiêu chuẩn môi trường". Năm 1990, Bob [7] đã đưa ra "Sức chứa là số lượng du khách cực đại sử dụng điểm du lịch có thể thoả mãn nhu cầu cao nhưng ít gây tác động xấu đến tài nguyên". Còn theo Luc Hens, 1998 [35] thì "Sức chứa là số lượng người cực đại có thể sử dụng điểm du lịch mà không gây suy thoái

đến mức không thể chấp nhận được đối với môi trường tự nhiên và không làm suy giảm đến mức không thể chấp nhận được việc thoả mãn các nhu cầu của du khách". Tổ chức Du lịch Thế giới UNWTO định nghĩa "Sức chứa là số lượng người tối đa đến thăm một điểm du lịch trong cùng một thời điểm mà không gây thiệt hại tới môi trường sống, môi trường kinh tế và môi trường văn hoá-xã hội; đồng thời không làm giảm sự thoả mãn của du khách tham quan".

Như vậy, sức chứa là số lượng người cực đại mà điểm du lịch có thể chấp nhận được, không gây suy thoái hệ sinh thái tự nhiên, không gây xung đột giữa cộng đồng dân cư địa phương với du khách và không gây suy thoái nền kinh tế của cộng đồng bản địa.

Đối với khái niệm sức chứa du lịch cần được phải hiểu từ các khía cạnh: vật lý (hạ tầng), sinh thái, tâm lý, xã hội và quản lý.

- *Về góc độ hạ tầng cơ sở*: Số lượng du khách tối đa mà một điểm du lịch có thể chứa được. Điều này liên quan đến những tiêu chuẩn tối thiểu về không gian, về nhu cầu sinh hoạt (nước sinh hoạt, điện, phòng ngủ, vui chơi giải trí...) của mỗi du khách.

- *Về góc độ sinh thái*: Số lượng khách du lịch mà tài nguyên ở điểm du lịch có thể đáp ứng mà không gây thiệt hại (xuống cấp quá mức) của môi trường tự nhiên, không ảnh hưởng đến tập tục sinh hoạt của các loài thú hoang dã và không làm cho hệ sinh thái bị phá vỡ.

- *Về góc độ tâm lý*: Số lượng du khách mà điểm du lịch có thể chứa được trước sức ép tâm lý gia tăng. Hay nói cách khác, mức độ thoả mãn của du khách không bị giảm xuống dưới mức bình thường do tình trạng đông đúc gây ra.

- *Về góc độ quản lý*: Số lượng khách tối đa mà điểm du lịch có thể phục vụ được. Nếu vượt quá giới hạn này thì năng lực quản lý (số lượng và trình độ nhân viên, phương tiện quản lý...) của điểm du lịch không đáp ứng được nhu cầu của du khách.

Ngoài ra, khái niệm sức chứa còn có thể mở rộng ra một số lĩnh vực khác như kinh tế và xã hội:

- *Kinh tế*: Số lượng khách du lịch có thể đón tiếp trước khi cộng đồng địa phương bắt đầu gánh chịu những vấn đề kinh tế. Điều này có nghĩa là nếu hoạt động du lịch gây phương hại đến các hoạt động kinh tế khác của địa phương thì có nghĩa là đã vượt qua khả năng tải.

- *Xã hội*: Số lượng khách du lịch từ đó có thể dẫn đến đổ vỡ xã hội hoặc sự phá huỷ văn hoá; tức là số lượng khách du lịch được cộng đồng địa phương chấp nhận (chịu đựng được).

Việc xác định sức chứa bao gồm cả ba giá trị: sinh thái, kinh tế và xã hội. Như vậy, việc xác định sức chứa là xác định số lượng khách du lịch cực đại mà điểm du lịch có thể chấp nhận, không gây suy thoái hệ sinh thái tự nhiên, không gây xung đột xã hội giữa cộng đồng dân cư địa phương và khách du lịch và không gây suy thoái nền kinh tế truyền thống của cộng đồng bản địa. Đây là một nghiên cứu chuyên sâu và khó khăn do có nhiều trở ngại. Phương pháp sức chứa thường chỉ được áp dụng tương đối dễ trong trường hợp điểm du lịch có những đặc tính như: Tính đồng nhất về đối tượng du lịch khá cao; kích thước nhỏ; độ độc lập cao, tách khỏi các khu vực hoạt động dân sinh khác; độ đồng nhất cao của khách du lịch. Thông thường, người ta chọn những yếu tố môi trường nhạy cảm nhất (tạo ra sức chứa thấp nhất) để xem xét khả năng tải của điểm du lịch, vì những yếu tố môi trường nhạy cảm thường bị khủng hoảng trước hết. Ví dụ, đối với các hòn đảo du lịch thì hai yếu tố nhạy cảm nhất là nước sinh hoạt và diện tích mặt bằng để xây dựng cơ sở hạ tầng, không gian xanh hay các điểm vui chơi giải trí. Có thể dựa vào hai yếu tố này để tính số lượng khách du lịch tối đa mà hòn đảo có thể tiếp nhận được (số lượng khách du lịch tối đa sẽ là tổng lượng nước sạch có thể cung cấp được hay tổng diện tích mặt bằng của hòn đảo sử dụng cho các hoạt động du lịch

chia cho mức tiêu thụ nước tối thiểu hay diện tích mặt bằng cần thiết cho một khách du lịch).

Theo Manning E.W. 1996 [46], đối với điểm du lịch, phương pháp xác định sức chứa gặp những trở ngại sau:

- Ngành du lịch phụ thuộc nhiều thuộc tính của môi trường - mỹ học, cuộc sống hoang dã, lối ra bờ biển và khả năng hỗ trợ những cách sử dụng tích cực như thể thao chèo thuyền. Mỗi thuộc tính đó có phản ứng riêng của nó tới nhiều cấp độ sử dụng khác nhau.

- Hoạt động của con người tác động lên hệ thống có thể từ từ và có thể tác động lên những bộ phận khác nhau của hệ thống với những mức độ khác nhau.

- Mọi môi trường du lịch là môi trường đa mục tiêu, cho nên phải tính đến cả việc sử dụng vào các mục đích khác, đồng thời xác định chính xác mức độ sử dụng cho du lịch.

- Cách sử dụng khác nhau sẽ dẫn đến tác động khác nhau. Tác động của 100 người đi bộ thì khác với 100 người đi xe đạp; 10 nhà nhiếp ảnh thì có tác động khác với 10 tay thợ săn.

- Các nền văn hoá khác nhau có mức độ nhạy cảm khác nhau với thay đổi.

Các công thức chung để tính sức chứa của một điểm du lịch được tính như sau:

$$\text{Sức chứa thường xuyên: } \text{CPI} = \frac{\text{AR}}{a} \quad (1.1)$$

Trong đó: CPI: sức chứa thường xuyên

AR: Diện tích của khu vực

a: Tiêu chuẩn không gian

$$\text{Sức chứa hàng ngày: } \text{CPD} = \text{CPI} \times \text{TR} = \frac{\text{TR}}{a} \quad (1.2)$$

Trong đó: CPD: Sức chứa hàng ngày

TR: Công suất sử dụng mỗi ngày

$$\text{Sức chứa hàng năm: } CPY = \frac{CPD}{PR} = \frac{AR \times TR}{a \times PR} \quad (1.3)$$

Trong đó: CPY: Sức chứa hàng năm

PR: Ngày sử dụng (tỷ lệ ngày sử dụng liên tục trong năm)

OR: Công suất sử dụng giường

Boullón (1985) đã đưa ra một công thức chung đơn giản để xác định sức chứa của một khu du lịch như sau:

$$\text{Sức chứa} = \frac{\text{Khu vực do du khách sử dụng}}{\text{Tiêu chuẩn trung bình cho mỗi cá nhân}} \quad (1.4)$$

Trong đó, tiêu chuẩn không gian trung bình cho mỗi cá nhân thường được xác định bằng thực nghiệm và thay đổi phụ thuộc vào hình thức hoạt động du lịch (Ví dụ: Nghỉ dưỡng biển: 30-40 m<sup>2</sup>/người; Picnic: 60-70 m<sup>2</sup>/người; Thể thao: 200-400 m<sup>2</sup>/người; Cắm trại: 100-200 m<sup>2</sup>/người).

Tổng số khách tham quan một ngày có thể được tính như sau:

**Số lượng khách tham quan hàng ngày = Sức chứa x Hệ số luân chuyển**

$$\text{Hệ số luân chuyển} = \frac{\text{Thời gian khu vực mở cửa cho khách tham quan}}{\text{Thời gian trung bình của một cuộc tham quan}} \quad (1.5)$$

**1.2.4.2. Đánh giá tính bền vững của các hoạt động du lịch dựa vào bộ chỉ tiêu môi trường của Tổ chức Du lịch Thế giới UNWTO:**

Chỉ thị môi trường là phép đo độ nhạy của môi trường và phát triển, là những thông tin tổng hợp giúp đánh giá các hoạt động bền vững của du lịch. Chỉ tiêu môi trường đòi hỏi những tiêu chuẩn như: Phải là một phép đo khách quan, ai đo cũng cho giá trị như nhau; có thể xác lập được với giá cả và thời gian hợp lý (xu thế là nhanh hơn và rẻ hơn); phản ánh các giá trị cập nhật.

Về mặt cấu trúc, thang phân loại chỉ tiêu môi trường gồm các hàng bậc: Chỉ tiêu đơn (indicator) - phản ánh một bộ phận nhỏ của vấn đề cần đánh giá;



bộ chỉ tiêu đơn (set of indicators) - là tập hợp các chỉ tiêu đơn phản ánh toàn bộ vấn đề (còn gọi là Hồ sơ môi trường - environmental file); và chỉ tiêu tổng hợp (index) - là dạng chỉ tiêu phản ánh một vấn đề lớn, đòi hỏi một số lượng lớn các số liệu, tài liệu cần phân tích (ví dụ như *Chỉ số phát triển con người HDI* Human Development Index).

Để đánh giá mức độ phát triển của một điểm du lịch cụ thể, chúng ta thường dùng các chỉ tiêu đơn và bộ chỉ tiêu đơn. Tổ chức Du lịch Thế giới WTO xây dựng hai bộ chỉ tiêu đơn là: Chỉ tiêu chung cho ngành du lịch bền vững và chỉ tiêu đặc thù cho các điểm du lịch. Ngoài ra, theo phương pháp PRA (Participatory Rapid Appraisal - Đánh giá nhanh có sự tham gia của cộng đồng), Hệ thống chỉ tiêu đánh giá nhanh tính bền vững của một điểm du lịch cũng được xây dựng.

**Bảng 1.3 : Các chỉ tiêu chung cho du lịch bền vững**

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Cách xác định</b>
1	Bảo vệ điểm du lịch	Loại bảo vệ điểm du lịch theo tiêu chuẩn IUCN
2	Áp lực (stress)	Số du khách viếng tham điểm du lịch (tính theo năm, theo tháng cao điểm)
3	Cường độ sử dụng	Cường độ sử dụng - thời kỳ cao điểm (người/ha)
4	Tác động xã hội	Tỷ số Du khách/Dân địa phương (thời kỳ cao điểm)
5	Mức độ kiểm soát	Các thủ tục đánh giá môi trường hoặc sự kiểm soát hiện có đối với sự phát triển của điểm du lịch và mật độ sử dụng
6	Quản lý chất thải	Phần trăm đường cống thoát tại điểm du lịch có xử lý (chỉ số phụ có thể là giới hạn kết cấu của năng

		lực cơ sở hạ tầng khác của điểm du lịch, ví dụ như cấp nước, bãi rác)
7	Quá trình lập quy hoạch	Có các kế hoạch nhằm phục vụ cho điểm du lịch (kể cả các yếu tố du lịch)
8	Các hệ sinh thái tới hạn	Số lượng các loài hiếm đang bị đe dọa
9	Sự thoả mãn của du khách	Mức độ thoả mãn của khách du lịch (dựa trên các phiếu thăm dò ý kiến)
10	Sự thoả mãn của địa phương	Mức độ thoả mãn của địa phương (dựa trên các phiếu thăm do ý kiến)

*Nguồn: Manning E.W, 1996 [46]*

Ngoài các chỉ tiêu chung cho ngành Du lịch, một số chỉ tiêu đặc thù của điểm du lịch cũng đã được UNWTO đưa ra, nhằm đánh giá tính bền vững của một điểm du lịch cụ thể. Bảng 1.4 cho chúng ta biết các chỉ tiêu đặc thù này.

***Bảng 1.4 : Các chỉ tiêu đặc thù của điểm du lịch***

<b>TT</b>	<b>Hệ sinh thái</b>	<b>Các chỉ tiêu đặc thù</b>
1	Các vùng bờ biển	Độ suy thoái (% bãi biển suy thoái, bị xói mòn). Cường độ sử dụng (số người/1m bãi biển) Hệ động vật bờ biển/động vật dưới biển (số loài chủ yếu nhìn thấy). Chất lượng nước (rác, phân và lượng kim loại nặng)
2	Các vùng núi	Độ xói mòn (% diện tích bề mặt bị xói mòn). Đa dạng sinh học (số lượng các loài chủ yếu).

		Lối vào các điểm chủ yếu (số giờ chờ đợi).
3	Các điểm văn hoá (các cộng đồng truyền thống)	<p>Áp lực xã hội tiềm tàng (tỷ số thu nhập bình quân từ du lịch/số dân địa phương).</p> <p>Tính mùa vụ (% số cửa hàng mở cửa quanh năm/tổng số cửa hàng).</p> <p>Xung đột (số vụ việc có báo cáo giữa dân địa phương và du khách)</p>
4	Các đảo nhỏ	<p>Lượng tiền tệ rò rỉ (% thua lỗ từ thu nhập trong ngành du lịch).</p> <p>Quyền sở hữu (% quyền sở hữu nước ngoài hoặc không thuộc địa phương đối với các cơ sở du lịch).</p> <p>Khả năng cấp nước (chi phí, khả năng cung ứng).</p> <p>Các thước đo cường độ sử dụng (ở quy mô toàn đảo cũng như đối với các điểm chịu tác động).</p>

*Nguồn: Manning E.W, 1996 [46]*

Bộ chỉ tiêu của UNWTO đã được sử dụng nhiều nơi để đánh giá tính bền vững của một điểm du lịch và hoạt động du lịch. Tuy nhiên, nhiều chỉ tiêu không xác thực, khó đánh giá và rất khó xác minh chính xác như mức độ thoả mãn của du khách dựa trên phiếu tham dò, loại bảo vệ điểm du lịch, tỷ lệ động vật trên bờ biển/động vật dưới biển, độ xói mòn đất, lượng tiền rò rỉ...Chính vì vậy, việc áp dụng các chỉ thị này chưa thật rộng rãi.

Hệ thống môi trường tổng hợp tại điểm du lịch ngoài 3 phân hệ: phân hệ sinh thái tự nhiên, phân hệ xã hội-nhân văn, phân hệ kinh tế còn xuất hiện phân hệ thứ 4, đó là nhu cầu của khách du lịch. Sự xuất hiện của phân hệ thứ 4 khiến cho mô hình hệ thống truyền thống bị biến đổi, tạo ra những biến động

manh mẽ về cấu trúc, các mối quan hệ ... trong hệ thống. Tính bền vững của hệ thống mới chỉ đạt được khi tạo lập được mỗi cân bằng mới mà không biến đổi thành một hệ thống suy thoái. Mối quan hệ mới - *Du lịch bền vững*- sẽ được thiết lập nếu thoả mãn các yêu cầu sau:

- Nhu cầu của du khách: Được đáp ứng cao độ
- Phân hệ sinh thái tự nhiên: Không bị suy thoái
- Phân hệ kinh tế: Tăng trưởng cho cả các doanh nghiệp và cộng đồng địa phương.
- Phân hệ xã hội nhân văn: Giữ gìn được bản sắc văn hoá truyền thống của cộng đồng địa phương trên cơ sở tăng cường văn minh do mở rộng giao lưu với du khách, với các nền văn hoá khác nhau.

***Bảng 1.5: Hệ thống chỉ tiêu môi trường dùng để đánh giá nhanh tính bền vững của điểm du lịch***

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Cách xác định</b>
1. Bộ chỉ tiêu về đáp ứng nhu cầu của khách du lịch	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ % số khách trở lại / tổng số khách</li> <li>- Số ngày lưu trú bình quân / đầu du khách</li> <li>- Tỷ lệ % các rủi ro về sức khoẻ (bệnh tật, tai nạn) do du lịch / số lượng du khách</li> </ul>
2. Bộ chỉ tiêu để	<ul style="list-style-type: none"> <li>- % chất thải chưa được thu gom và xử lý</li> <li>- Lượng điện tiêu thụ/du khách/ngày (tính theo mùa)</li> <li>- Lượng nước tiêu thụ/du khách/ngày (tính theo mùa)</li> <li>- % diện tích cảnh quan bị xuống cấp do xây dựng/tổng diện tích sử dụng do du lịch.</li> </ul>

<p>đánh giá tác động của du lịch lên phân hệ sinh thái tự nhiên</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- % số công trình kiến trúc không phù hợp với kiến thức bản địa (hoặc cảnh quan)/tổng số công trình.</li> <li>- Mức độ tiêu thụ các sản phẩm động, thực vật quý hiếm (phổ biến-hiếm hoi-không có)</li> <li>- % khả năng vận tải sạch/khả năng vận tải cơ giới (tính theo trọng tải)</li> </ul>
<p>3. Bộ chỉ tiêu đánh giá tác động lên phân hệ kinh tế</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- % vốn đầu tư từ du lịch cho các phúc lợi xã hội của địa phương so với tổng giá trị đầu tư từ các nguồn khác</li> <li>- % số chỗ làm việc trong ngành du lịch dành cho người địa phương so với tổng số lao động địa phương</li> <li>- % GDP của kinh tế địa phương bị thiệt hại do du lịch gây ra hoặc có lợi do du lịch mang lại</li> <li>- % chi phí vật liệu xây dựng địa phương/tổng chi phí vật liệu xây dựng</li> <li>- % giá trị hàng hoá địa phương/tổng giá trị hàng hoá tiêu dùng cho du lịch</li> </ul>
<p>4. Bộ chỉ tiêu đánh giá tác động</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ số Doxey</li> <li>- Sự xuất hiện các bệnh/dịch liên quan tới du lịch</li> <li>- Tệ nạn xã hội liên quan đến du lịch</li> <li>- Hiện trạng các di tích lịch sử-văn hoá của địa phương</li> </ul>

của du lịch lên phân hệ xã hội- nhân văn	(so với dạng nguyên thủy) - Số người ăn xin/tổng số dân địa phương - Tỷ lệ % mất giá đồng tiền vào mùa cao điểm du lịch - Độ thương mại hoá của các sinh hoạt văn hoá truyền thống (lễ hội, ma chay, cưới xin, phong tục, tập quán...) xác định thông qua trao đổi với các chuyên gia.
--	---

### 1.2.5. Kinh nghiệm phát triển du lịch của một số nước

#### 1.2.5.1. Một số điển hình phát triển du lịch không bền vững:

- *Pattaya (Thái Lan)*: Trong hơn hai thập kỷ từ năm 1970, Pattaya đã đầu tư xây dựng từ 400 lên đến 21.000 phòng khách sạn. Sự tập trung phát triển ở các cơ sở lưu trú trong một thời gian ngắn tại một địa điểm đã gây ra những ảnh hưởng tiêu cực. Biển bị ô nhiễm nghiêm trọng và vào năm 1989, Ủy ban Môi trường Quốc gia Thái Lan tuyên bố việc tắm biển trở nên không an toàn. Cùng với các đặc điểm tự nhiên khác, sự đánh mất cây cối, động vật hoang dã đã làm cho môi trường trở nên thô ráp, cần cỗi. Sự phát triển bất hợp lý, sự ùn tắc giao thông, thiếu nước sinh hoạt, xung đột về chính trị và xã hội gia tăng là vấn đề phổ biến và gây khó khăn cho khu du lịch. Khung cảnh của khu du lịch ban đầu bị mất đi, sự hấp dẫn đối với du khách giảm sút. Sau cao điểm năm 1988, số lượng khách du lịch đến Pattaya giảm đi rõ rệt. Mãi đến năm 1993, khi những giải pháp hữu hiệu được đưa ra nhằm giải quyết các vấn đề cấp thiết thì xu hướng phát triển tiêu cực mới được đảo ngược và số lượng khách du lịch lại tăng trở lại.

Có thể nhận thấy, dấu hiệu của việc đánh mất sự nổi tiếng của Pattaya là sự suy thoái về môi trường: Ô nhiễm, sự phá huỷ môi trường tự nhiên, sạt

lỡ, lũ lụt, đánh mất cây cối, động vật hoang dã... Sự phát triển du lịch trong trường hợp của Pattaya là quá trình phản thu hút quyến rũ, đô thị hoá phản hấp dẫn. Điều quan trọng ở đây là phải nhận thức được vấn đề phát du lịch và bảo vệ môi trường là không thể tách rời nhau. Phát triển và quản lý khu du lịch bao gồm nhiều mối quan hệ tổng hợp của nhiều yếu tố, trong đó môi trường là rất quan trọng. Mọi sự cố gắng đưa vấn đề môi trường tách biệt khỏi những vấn đề khác sẽ dẫn đến thất bại. Để du lịch phát triển có hiệu quả, điều quan trọng là các chính sách phát triển phải đề cập đến tất cả các vấn đề.

- *Đảo Canary (Tây Ban Nha)*: Đảo Canary là quần đảo gồm 7 đảo và một số đảo nhỏ ở Đại Tây Dương, cách Tây Ban Nha lục địa khoảng 1.500 km, nổi tiếng là trung tâm đa dạng sinh học với sự tập trung của các loài đặc hữu, có nhiều cảnh quan đẹp, phong phú, khí hậu lý tưởng. Canary đã trở thành điểm đến quen thuộc của du khách Châu Âu. Du lịch trên các hòn đảo Canary bắt đầu từ cuối thế kỷ 19 với một số ít khách du lịch Châu Âu vì lý do chữa bệnh. Từ 8.000 khách du lịch vào năm 1900, quần đảo Canary đã đón 2 triệu khách vào năm 1975; 7,4 triệu khách vào năm 1990 và 13 triệu khách vào năm 1999. Ngành du lịch-dịch vụ chiếm 76,8% tổng thu nhập kinh tế. Rõ ràng, nền kinh tế của Canary phụ thuộc vào du lịch quá nhiều.

Sự tập trung đầu tư vào bất động sản đã bùng nổ ở Canary vào những năm 60 và 70. Sự bùng nổ này kết hợp với việc bất hợp lý trong quy hoạch phát triển cơ sở hạ tầng du lịch là nguyên nhân của quá tải du lịch. Nói một cách chính xác, kẻ thù nguy hiểm nhất của du lịch Canary là việc kinh doanh bất động sản do du lịch gây ra và việc quản lý hành chính không sẵn sàng để kiểm soát. Hậu quả của quá trình xây dựng không quy hoạch đã tác động đến giai đoạn điều hành như: tiêu thụ nước, cạnh tranh về công việc với các nhân tố khác, tắc nghẽn giao thông, sự quá tải của các khu vực bảo vệ, các cuộc đi săn thú hoang dã bằng xe jeep... Tốc độ tăng trưởng của yêu cầu xây dựng, dịch vụ đã thu hút nhiều nguồn lực từ bên ngoài hòn đảo này và tạo ra áp lực

về đất đai. Sự tham gia của nước ngoài trong việc mua bán đất đai, sự gia tăng của các bất động sản với dấu hiệu của ngôn ngữ nước ngoài đã tạo ra môi trường không tốt cho cư dân địa phương và gây ra cảm giác Canary là của người nước ngoài. Vấn đề này trở nên tồi tệ hơn tại các đảo Lanzarote và Fuerteventura, nơi mà cư dân địa phương đang dần dần trở thành là người thiểu số.

Không còn tranh cãi gì nữa, vai trò kinh tế của du lịch ở quần đảo Canary qua hầu hết các số liệu phản ánh một tình trạng phát triển không bền vững. Các đảo ở Canary thải ra nhiều rác thải trung bình cao nhất Tây Ban Nha (2kg/người); mật độ phương tiện đi lại bằng 150% giá trị trung bình của Tây Ban Nha (666 phương tiện đi lại trên 1.000 dân). Mức độ khai thác du lịch bất hợp pháp đang ở mức cao (trên 20% hoặc thậm chí có nơi trên 50%, như ở Fuerteventura có 36.000 giường bất hợp pháp trên 35.000 giường hợp pháp). Tham nhũng phổ biến nhưng không được xem xét và các phương tiện truyền thông, báo chí đã dấu thông tin.

Tóm lại, mục tiêu phát triển du lịch ở đây đã bị đảo ngược: "Canary cho ngành công nghiệp du lịch" chứ không phải là "Du lịch cho Canary". Sự quá tải của du lịch đã tạo ra những vấn đề về môi trường và xã hội cũng như sự lệ thuộc vào bên ngoài quá nhiều. Các đảo ở Canary đang bị cuốn hút quá nhiều vào du lịch, phụ thuộc quá nhiều vào du lịch và không hiểu số phận của các hòn đảo này ra sao khi du lịch bị thất bại. Kịch bản cuối cùng: Các hòn đảo ở Canary giống như những quả chanh bị vắt kiệt trôi nổi trên đại dương.

#### ***1.2.5.2. Một số kinh nghiệm phát triển du lịch bền vững:***

- *Khu Bảo tồn Annapurna (ACAP) - Nê Pan:* Ở Khu bảo tồn Annapurna (ACAP), phát triển du lịch sinh thái được sử dụng như là đòn bẩy để phát triển cộng đồng và bảo tồn thiên nhiên trong khu bảo tồn. Phí tham quan được đầu tư trở lại để công tác bảo tồn sự đa dạng sinh học và các hoạt động phát triển cộng đồng bền vững ở ACAP.



Trong Khu bảo tồn, các chương trình đã được đưa vào với mục tiêu giảm bớt sức ép đối với nguồn tài nguyên rừng, cải thiện chất lượng cuộc sống của cộng đồng dân cư địa phương và làm cho du lịch có trách nhiệm hơn. Các vườn ươm đã được xây dựng nhằm cung cấp cây giống cho cộng đồng và các chương trình trồng rừng. Để giải quyết vấn đề củi đốt, các kho chứa dầu hoả, khí hoá lỏng và các máy phát điện thuỷ lực loại nhỏ được xây dựng dưới sự quản lý của cộng đồng. Tại những khu vực thường xuyên có khách tham quan, các chương trình chăn nuôi, lâm nghiệp, nông nghiệp được triển khai nhằm tăng thu nhập cho người dân địa phương, đồng thời cung cấp lương thực thực phẩm cho khách du lịch. Ngoài ra, các chương trình giáo dục du khách cũng như người dân bản địa và công tác thông tin được ưu tiên triển khai thực hiện. Hoạt động chủ yếu ở ACAP là xây dựng năng lực địa phương, rồi cuối cùng chính người dân địa phương là người quyết định cuộc sống của mình. Họ là những nhân tố hoạt động chính và họ là những người hưởng lợi chính. Cộng đồng dân cư địa phương được tổ chức đào tạo và giao trách nhiệm để bảo vệ chất lượng các nguồn tài nguyên thiên nhiên và nhân văn riêng có của mình; là nhân tố chính thu hút du khách cũng là cơ sở nền tảng cho nguồn sinh nhai bền vững.

Thành công của Dự án Bảo tồn khu vực Annapurna đã khuyến khích nhiều dự án khác ở Nê Pan làm theo mô hình du lịch sinh thái của ACAP. Trong tất cả các dự án này, các nỗ lực của du lịch sinh thái đều hướng đến việc làm cho du lịch có trách nhiệm hơn, lợi ích hơn cho xã hội và môi trường cũng như có lợi về mặt kinh tế và có thể quản lý được ở cấp cộng đồng. Các bài học được rút ra từ những kinh nghiệm về du lịch sinh thái ở Nê Pan đó là: Hoạch định trước và quản lý nhằm nâng cao sức chứa du lịch; sự tham gia của người dân và khả năng có được sự bền vững; xúc tiến mối quan hệ liên ngành nhằm phân chia rộng rãi hơn các lợi ích du lịch; tiếp thị sản phẩm nhằm đầu tư

bền vững; giáo dục và vấn đề nhạy bén trong sự tôn trọng song phương giữa du khách và người dân địa phương.

- *Du lịch Thenmala - Kerala, Ấn Độ*: Mục tiêu của việc phát triển du lịch ở Thenmala là: Phát triển Thenmala và vùng lân cận thành điểm đến du lịch hấp dẫn; Xúc tiến du lịch sinh thái trên cơ sở các nguyên tắc bền vững; Xây dựng các điểm đến du lịch theo đúng quy hoạch, trong đó nhấn mạnh việc phát triển du lịch bền vững, làm mẫu hình cho các chương trình phát triển du lịch khác.

Để đạt được các mục tiêu trên, ba nhóm sản phẩm du lịch đã được đầu tư phát triển là: Du lịch thân thiện với môi trường, Du lịch sinh thái và Du lịch hành hương. Du lịch thân thiện với môi trường được phát triển ở ngoại vi Khu Bảo tồn hoang dã Shenduruney với mục đích giảm áp lực lên Khu Bảo tồn. Trong khu bảo tồn chỉ dành cho những khách du lịch sinh thái thực sự. Những du khách khác có thể trải nghiệm các sản phẩm du lịch thân thiện với môi trường như: các lối mòn tự nhiên nhỏ, xe đạp địa hình hay lối đi bộ trên cao nhìn xuống. Nhằm giảm thiểu tác động lên hệ thống sinh thái rừng trong Khu Bảo tồn, một số phương tiện được cung cấp ở Thenmala như: Du thuyền trên Hồ, các lối đi bộ, khán đài vòng, đài phun nước có nhạc, xe đạp địa hình... Du lịch sinh thái được quy hoạch phát triển trong khu rừng xung quanh. Trung tâm Giáo dục môi trường được thành lập. Khu Bảo tồn hoang dã Shenduruney có tiềm năng rất lớn để phát triển du lịch sinh thái và ngoài ra, một loạt các điểm du lịch vệ tinh trong vòng bán kính 50km cũng đã có Trung tâm Du lịch sinh thái. Du lịch hành hương thân thiện với môi trường cũng được phát triển. Tuyến du lịch hành hương nối Thenmala với ba điểm linh thiêng nằm trong Vùng rừng linh thiêng nổi tiếng Sabarimala (nơi có khoảng 10 triệu lượt du khách viếng thăm trong vòng 2 tháng).

Để đạt được các mục tiêu đề ra, Tổ chức Xúc tiến Du lịch sinh thái đã phối hợp chặt chẽ với Phòng Quản lý rừng, Phòng Thuỷ lợi và Phòng Du lịch triển khai nhiều hoạt động cụ thể. Về cơ sở lưu trú, cận chuyển khách trong khu vực được khối tư nhân đảm nhận. Quy hoạch về xây dựng được quản lý chặt chẽ. Không có xây dựng tạm bợ trong các khu rừng, cơ sở lưu trú được xây dựng tách biệt, ưu tiên ở những nơi xa rừng.

- *Chương trình phát triển của Koronayitu (Fiji)*: Koronayitu là vùng rừng nhiệt đới rộng lớn duy nhất ở miền Tây Viti Levu (hòn Đảo lớn nhất của Fiji) chưa bị chặt phá. Koronayitu chứa đựng hệ động thực vật bản địa rất phong phú, đặc biệt có loài gỗ thông caori lâu năm của Fiji có giá trị rất cao trên thị trường và luôn bị đe dọa chặt phá. Ngoài ra, khu vực này còn có 48 làng quê cổ nhất của Fiji và 8 vùng tôn giáo. Đối với vùng này, sức ép không chỉ từ phía các Công ty khai thác gỗ mà còn từ khai thác quặng (một Giấy phép khai thác vàng ở phía Đông Koronayitu đã được cấp). Thu nhập của hộ gia đình rất thấp (chỉ 30 đồng Fiji mỗi tuần).

Năm 1992, Chính phủ New Zealand đã tài trợ một chương trình thí điểm giúp Koronayitu đưa một phần của vùng này thành Vườn Quốc gia với cơ hội phát triển du lịch quy mô nhỏ nhằm mục đích bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế của các làng quê. Ngoài việc phát triển du lịch sinh thái, dân cư địa phương còn thành lập các vùng nuôi thủy sản và sản xuất hàng lưu niệm quy mô nhỏ. Tháng 9 năm 1993, Công viên Văn hoá và phiêu lưu mạo hiểm được khánh thành như là giai đoạn I của Dự án "Phát triển Vườn Quốc gia Koroyanitu" và đã đón 12 vị du khách đầu tiên. Các lối mòn đi bộ đến các di tích lịch sử, các điểm danh lam thắng cảnh đã được xây dựng. Các làng quê cũng đã thành lập Hiệp hội Hợp tác xã Du lịch sinh thái và xây dựng tour du lịch "Fijian Vanua Tour". Thành công của Chương trình này đã được ông Giám đốc Vườn Quốc gia đánh giá "Chương trình này đã đem lại cho chúng ta

hy vọng rằng chúng ta có thể đầu tư phát triển hơn là vay mượn của tương lai - chúng ta có thể giữ gìn di sản của chúng ta và để lại tài sản thừa kế cho thế hệ mai sau".

Một số thành quả cụ thể do Chương trình đem lại:

+ Giáo dục được cải thiện. Số lượng trẻ em đến trường tăng gấp đôi và chất lượng được nâng lên.

+ Phụ nữ tham gia nhiều hơn vào các quyết định của cộng đồng, Câu lạc bộ Phụ nữ có thu nhập ổn định từ nguồn bán hàng lưu niệm cho du khách.

+ Xây dựng Vườn cây dược liệu thuốc đầu tiên ở Fiji phục vụ cho cộng đồng dân cư và du khách.

+ Nạn cháy rừng đã được dập tắt. Đã xây dựng phân khu bảo vệ động vật hoang dã. Vườn ươm được thiết lập, những nơi rừng bị chặt phá được trồng lại. Cộng đồng dân cư phản đối mạnh mẽ việc khai thác gỗ và thống nhất không phá rừng.

+ Thu nhập của Vườn Quốc gia trong năm đầu tiên đã bằng toàn bộ thu nhập của toàn vùng trước khi có Dự án. Ngôi trường thứ hai tại vùng này đã được xây dựng vào năm 1994.

### ***1.2.5.3. Những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam:***

- Nhận thức đúng đắn của các cấp uỷ đảng, chính quyền, của các ngành, cộng đồng dân cư cũng như các doanh nghiệp về vị trí quan trọng của phát triển du lịch bền vững, những đóng góp của ngành du lịch vào phát triển kinh tế-xã hội, tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, bảo vệ môi trường sinh thái, thúc đẩy các ngành nghề khác phát triển là tiền đề và là điều kiện cần thiết cho sự phát triển bền vững của ngành du lịch.

- Vai trò của chính quyền địa phương, nhất là cấp xã, thôn bản là rất quan trọng trong việc giải phóng mặt bằng; theo dõi, giám sát, phối hợp tháo gỡ khó khăn cho các dự án đầu tư phát triển du lịch và đặc biệt khuyến khích cộng đồng dân cư địa phương tham gia vào các hoạt động du lịch và các hoạt động bảo tồn.

- Xã hội hoá quá trình phát triển du lịch bền vững đối với điều kiện của nước ta nói chung và Quảng Bình nói riêng nhằm huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển du lịch, trong đó có sự tham gia tích cực của cộng đồng dân cư, các doanh nghiệp trong và ngoài nước, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ là một trong những giải pháp quan trọng để phát triển du lịch bền vững.

- Sự tham gia của cộng đồng dân cư địa phương là tối cần thiết cho du lịch phát triển bền vững, đặc biệt là những điểm du lịch nhạy cảm với môi trường như ở các Khu bảo tồn thiên nhiên hay vườn quốc gia. Người dân địa phương, nền văn hoá, môi trường, lối sống và truyền thống của họ là những nhân tố quan trọng thu hút du khách. Phát triển du lịch bền vững mang lại những lợi ích kinh tế, môi trường và văn hoá cho cộng đồng và ngược lại, sự tham gia thực sự của cộng đồng làm phong phú thêm kinh nghiệm và sản phẩm du lịch.

- Cộng đồng dân cư địa phương phải được hưởng các nguồn lợi kinh tế từ hoạt động du lịch một cách công bằng. Một phần đáng kể lợi nhuận từ hoạt động du lịch phải được đầu tư để cải thiện môi trường sống của cộng đồng dân cư địa phương.

### ***TÓM LẠI:***

1. Du lịch bền vững là xu thế phát triển của du lịch đang được tất cả các nước trên thế giới quan tâm. Phát triển du lịch phải dựa trên cơ sở bền vững,

có nghĩa là về mặt sinh thái phải được đảm bảo lâu dài, đồng thời phải có hiệu quả về khía cạnh kinh tế và phải công bằng về mặt xã hội và dân tộc đối với cộng đồng địa phương. Du lịch phải có tính bền vững, phải đặt sự lành mạnh của một điểm du lịch, khu du lịch một cách lâu dài về mặt môi trường và xã hội lên trên nguồn lợi trước mắt.

2. Để du lịch phát triển bền vững, cần phải tuân thủ những nguyên tắc du lịch bền vững. Những nguyên tắc này khuyến nghị ngành du lịch cần phải tiến hành triển khai những hoạt động cụ thể nào để phát triển du lịch một cách bền vững, đồng thời khuyến cáo những hoạt động nào cần phải giảm thiểu và những hoạt động nào không được triển khai trong phát triển du lịch xét về khía cạnh bền vững.

3. Để đánh giá hoạt động du lịch ở một khu du lịch, điểm du lịch có bền vững hay không có thể sử dụng phương pháp đánh giá dựa vào sức chứa hay dựa vào bộ chỉ tiêu môi trường của UNWTO. Mỗi một phương pháp có những điểm mạnh, điểm yếu cũng như tính khả thi và chi phí nhất định của nó. Việc lựa chọn phương pháp đánh giá tính bền vững của phát triển du lịch phụ thuộc vào điều kiện cụ thể của từng điểm du lịch trong từng giai đoạn phát triển.

4. Những ví dụ điển hình về phát triển du lịch bền vững cũng như không bền vững tại một số điểm du lịch, khu du lịch trên Thế giới (chủ yếu là tại các khu bảo tồn và vườn Quốc gia) là những bài học kinh nghiệm vô cùng quý báu cho việc hoạch định chiến lược phát triển bền vững của ngành du lịch nước ta nói chung và cho các khu bảo tồn và vườn Quốc gia, trong đó có vườn Quốc gia Phong Nha-Kẻ Bàng nói riêng.

## CHƯƠNG 2

### THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG Ở PHONG NHA-KẸ BÀNG

#### 2.1. TỔNG QUAN VỀ PHONG NHA-KẸ BÀNG

##### 2.1.1. Đặc điểm tự nhiên:

- *Vị trí địa lý:* Di sản Thiên nhiên Thế giới Vườn Quốc gia Phong Nha-Kẻ Bàng nằm về phía Tây-Bắc tỉnh Quảng Bình, dọc biên giới Việt-Lào; được giới hạn trong toạ độ  $17^{\circ}20'-17^{\circ}48'$  vĩ độ Bắc và  $105^{\circ}46'-106^{\circ}24'$  kinh độ Đông trên địa phận 9 xã thuộc hai huyện bao gồm các xã Dân Hoá, Hoá Sơn, Trung Hoá, Thượng Hoá (huyện Minh Hoá) và Xuân Trạch, Thượng Trạch, Tân Trạch, Phúc Trạch, Sơn Trạch (huyện Bố Trạch). VQG Phong Nha-Kẻ Bàng nằm cách thành phố Đồng Hới 40 km theo hướng Tây Bắc, cách thủ đô Hà Nội 500 km về phía Nam. Phía Tây và Tây Nam VQG giáp với nước CHDCND Lào có chung đường biên giới dài khoảng 50 km; phía Bắc giáp Quốc lộ 15A; phía Đông và Đông Nam giáp xã Trường Sơn, huyện Quảng Ninh. Chiều dọc của VQG nơi dài nhất là 70 km từ đèo Mụ Giạ đến núi U Bò theo hướng Tây Bắc-Đông Nam; chiều ngang nơi rộng nhất là 31 km từ Tây Gát (xã Xuân Trạch) đến biên giới Việt-Lào theo hướng Đông Bắc-Tây Nam. Tổng diện tích vùng trung tâm của VQG (core zone) là 147.945 ha và vùng đệm (buffer zone) là 195.400 ha.

- *Địa hình, địa mạo:* Địa hình VQG Phong Nha-Kẻ Bàng là một vùng núi đá vôi (karst) chiếm hầu hết diện tích. Đây chính là khối núi đá vôi liên tục rộng lớn nhất của Việt Nam, phạm vi trải rộng sang Lào, với diện tích gần 200.000 ha. Nếu tính toàn bộ khối núi đá vôi liên tục cả về phía Việt Nam và Lào thì đây là một trong những khối núi đá vôi rộng lớn nhất hành tinh. Phong Nha-Kẻ Bàng là vùng karst cổ có ý nghĩa và giá trị nhất ở Đông Nam Á và thế

giới thể hiện ở các đặc điểm: là khu vực có cấu trúc địa chất phức tạp, thành phần thạch học và quy luật phân bố đa dạng; là khu vực có lịch sử vỏ Trái đất lâu dài từ Kỷ Ordovic (464 triệu năm về trước); và là khu có các quá trình địa chất nội-ngoại sinh phức tạp đã và đang diễn ra, là nguyên nhân tạo ra sự đa dạng của địa hình và địa mạo của khu vực. Ngoài kiểu địa hình núi đá vôi, VQG còn có kiểu địa hình phi đá vôi (phi karst) và kiểu địa hình chuyển tiếp. Trong vùng núi đá vôi hầu như không có sông suối trên bề mặt, mà chỉ thấy ở vành ngoài. Các mắt hút nằm rải rác trong các thung lũng đưa nước thoát theo các sông ngầm.

- *Khí hậu, thủy văn*: Khí hậu của VQG PN-KB mang đặc trưng của khí hậu Quảng Bình, là khí hậu nhiệt đới gió mùa; mùa hè khô nóng và mùa mưa đến muộn, chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của bão và đới lạnh phía Bắc. Nhiệt độ hàng năm biến động từ 23 đến 25<sup>0</sup>C. Nhiệt độ giữa các tháng giao động khá lớn, cực đại vào tháng 7 (trên 29<sup>0</sup>C) và cực tiểu vào tháng 1 (17<sup>0</sup>C). Nhiệt độ cao nhất tuyệt đối đo được là 41,6<sup>0</sup>C (tháng 5/1992) và thấp nhất tuyệt đối là 5,5<sup>0</sup>C (tháng 11/1993). VQG nằm trong vùng có lượng mưa lớn, bình quân từ 2.000 đến 2.500 mm/năm, tập trung vào tháng 9 và tháng 10. Khu vực Phong Nha-Kẻ Bàng nằm gọn trong lưu vực của các dòng sông Rào Thương, sông Chày, sông Troóc, sông Sơn là thượng nguồn của sông Gianh. Mùa mưa từ tháng 9 đến tháng 11 thường xảy ra lũ, mùa nước cạn từ tháng 1 đến tháng 7 các khe nhỏ trở thành các "khe chết".

- *Đặc điểm dân tộc*: Hầu hết các dân tộc thiểu số của tỉnh Quảng Bình đều có mặt và sinh sống tập trung trong vùng trung tâm và vùng đệm của VQG. Ngoài dân tộc Kinh (chủ yếu sống ở trong vùng đệm của VQG), trong khu vực còn có hai dân tộc thiểu số được xếp hạng trong số 54 dân tộc Việt Nam là dân tộc Bru Vân Kiều và dân tộc Chứt. Tại VQG Phong Nha-Kẻ Bàng, dân tộc Bru Vân Kiều gồm các tộc người: Vân Kiều, Khùa, Ma Coong, Sộ và



Tri; dân tộc Chứt gồm các tộc người: Sách, Mày, Rục và Arem. Các tộc người này thường phân bố tập trung thành từng bản riêng rẽ, hoặc đôi khi sống xen kẽ lẫn nhau trong cùng một bản. Một xã thường có một vài tộc người cùng làm ăn, sinh sống.

### **2.1.2. Các phân khu chức năng**

VQG Phong Nha-Kẻ Bàng được quy hoạch thành ba phân khu chức năng căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ của VQG; vào điều kiện tự nhiên đặc trưng của vùng núi đá vôi điển hình và rộng lớn; vào tài nguyên rừng và giá trị đa dạng sinh học cần được bảo vệ; vào hiện trạng phân bố dân cư, làng bản, tập quán sinh sống, tập quán canh tác. Ba phân khu chức năng bao gồm: Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt, phân khu phục hồi sinh thái và phân khu dịch vụ-hành chính.

- *Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt*: Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của VQG có tổng diện tích 65.259 ha, bao gồm 2 phân khu. Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt 1 nằm ở phía Bắc VQG với diện tích 48.045 ha trên địa phận các xã thuộc huyện Bố Trạch là Thượng Trạch (44.787 ha), Xuân Trạch (2.562 ha) và Tân Trạch (696 ha). Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt 2 nằm ở phía Đông-Nam VQG trên địa phận các xã Tân Trạch (16.554 ha) và Thượng Trạch (660 ha) cũng thuộc huyện Bố Trạch. Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt có chức năng bảo vệ toàn vẹn tài nguyên rừng và đất rừng, cảnh quan thiên nhiên và các tài nguyên sinh học, các di tích văn hoá- lịch sử nằm trong phân khu. Trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt chỉ cho phép tiến hành các hoạt động sau đây:

+ Nghiên cứu khoa học về rừng, về động thực vật, về dân tộc học, về địa lý, về cảnh quan thiên nhiên, về hệ thống hang động, về khí hậu, chế độ thủy văn theo các chương trình đã đề ra của VQG. Các hoạt động khác nằm ngoài chương trình phải được nghiên cứu, lập kế hoạch và phải được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho phép. Các hoạt động nghiên cứu, thám

hiếm, du lịch sinh thái, đi bộ ngắm cảnh được thiết kế trên một số tuyến nhất định; còn phần lớn diện tích rừng trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt phải được bảo vệ, tuyệt đối không tác động.

+ Các hoạt động học tập, nghiên cứu, khảo sát thực địa về rừng và sinh vật, về hệ sinh thái của các viện nghiên cứu, các trường Đại học và các trường chuyên nghiệp.

+ Cho phép mở một số tuyến tham quan, du lịch sinh thái, đi bộ ngắm cảnh như tuyến du lịch từ đường 20 tại điểm lên A, qua Rào Con tới hang Ên - U Bò và đỉnh Co Preu (với độ cao 1.213m). Tuyến du lịch này cần phải được thiết kế chi tiết để đảm bảo không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường cũng như tài nguyên rừng.

- *Phân khu phục hồi sinh thái*: Phân khu phục hồi sinh thái có tổng diện tích 17.449 ha trên địa phận các xã Tân Trạch (8.487 ha), Thượng Trạch (6.024 ha), Phúc Trạch (1.147 ha), Xuân Trạch (948 ha) và Sơn Trạch (843 ha) thuộc huyện Bố Trạch. Phân khu phục hồi sinh thái được tiến hành các thực nghiệm, nghiên cứu về lâm sinh, động vật, thực vật, địa chất, thủy văn và có các chức năng:

+ Bảo vệ tài nguyên rừng, đất rừng, cảnh quan thiên nhiên, các tài nguyên sinh học và di tích văn hoá- lịch sử của Phân khu.

+ Phục hồi lại các diện tích rừng đã bị tác động bởi bom đạn trong chiến tranh và tác động của con người bằng biện pháp khoanh nuôi bảo vệ phục hồi rừng.

- *Phân khu dịch vụ-hành chính*: Phân khu dịch vụ-hành chính có tổng diện tích 4.311 ha nằm trên địa bàn hai xã Sơn Trạch (3.162 ha) và Tân Trạch (249 ha) thuộc huyện Bố Trạch. Nhiệm vụ chủ yếu của phân khu dịch vụ-hành chính là bảo vệ và phục hồi sinh thái rừng. Trong phân khu dịch vụ-hành chính được phép tổ chức các hoạt động du lịch, xây dựng vườn thực vật bảo

tồn những nguồn gen quý hiếm, trụ sở Ban Quản lý VQG và các công trình phục vụ khác.

### **2.1.3. Vườn Quốc gia Phong Nha-Kẻ Bàng Di sản Thiên nhiên Thế giới**

- Ngày 9/9/1986, Chính phủ đã ký quyết định số 194/CP xếp Phong Nha là *Khu rừng cấm Quốc gia*. Bộ Văn hoá cũng đã có quyết định số 236-VH/QĐ ghi nhận động Phong Nha và bến phà Xuân Sơn là *Di sản Quốc gia*.

- Năm 1993, *Khu Bảo tồn Thiên nhiên* Phong Nha được Chính phủ chính thức quyết định thành lập trên tổng diện tích 41.132 ha.

- Năm 2000, *Khu Bảo tồn Thiên nhiên* Phong Nha được Chính phủ quyết định nâng Khu Bảo tồn Thiên nhiên Phong Nha lên thành *Vườn Quốc gia Phong Nha-Kẻ Bàng* với tổng diện tích 147.945 ha.

- Qua nhiều chuyến khảo sát thực địa, nghiên cứu, hội thảo của các tổ chức trong nước và Quốc tế, của nhiều cơ quan Trung ương và địa phương, hồ sơ "*Di sản Thiên nhiên động Phong Nha*" đã được UBND tỉnh Quảng Bình hoàn thành theo mẫu của UNESCO và gửi đi Paris trước ngày 30/06/1998.

- Sau khi nhận được hồ sơ "*Di sản Thiên nhiên động Phong Nha*", tháng 2/1999 phái đoàn chuyên gia kỹ thuật của IUCN đại diện cho UNESCO đã đến Quảng Bình để thẩm định hồ sơ. Sau khi đi khảo sát thực địa và tham khảo các tài liệu, Đoàn thẩm định đã có báo cáo gửi Hội đồng Di sản Thế giới họp tại Marrakesh, Maroc từ ngày 29/11/1999 đến ngày 4/12/1999, trong đó nêu rõ:

+ Đánh giá cao và khẳng định những giá trị toàn cầu nổi bật của Di sản Thiên nhiên Phong Nha và những giá trị này đáp ứng những tiêu chuẩn của UNESCO để được công nhận là Di sản Thiên nhiên Thế giới (tiêu chí 1: Lịch sử trái đất và những đặc điểm địa chất; tiêu chí 4: Đa dạng sinh học và các loài bị đe dọa).

+ Đề nghị bổ sung, sửa đổi: Xác định lại tên gọi chính thức là "*Di sản Thiên nhiên Thế giới Vườn Quốc gia Phong Nha-Kẻ Bàng*", đồng thời kiện toàn bộ máy quản lý, xây dựng bổ sung bản đồ địa chất, điều chỉnh các văn bản, tư liệu.

- Ngày 23/02/2000, Văn phòng Chính phủ đã có công văn số 620/VPCP-VX gửi các Bộ liên quan, Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam và UBND tỉnh Quảng Bình điều chỉnh, bổ sung hồ sơ đăng ký VQG Phong Nha-Kẻ Bàng vào danh sách Di sản Thiên nhiên Thế giới. Để hoàn chỉnh hồ sơ, cần phải chứng minh được 4 vấn đề:

+ Tính đa dạng địa chất, địa mạo và lịch sử quá trình phát triển vỏ trái đất ở khu vực.

+ Chứng minh hang động có tuổi cổ và có các thể hệ hang động với độ tuổi khác nhau.

+ Tính độc đáo, đặc sắc, nổi trội của các danh lam thắng cảnh và của hệ thống hang động.

+ Tính đa dạng sinh học với nhiều loài động thực vật đang có nguy cơ tuyệt chủng.

- Năm 2002, UBND tỉnh Quảng Bình đã cùng với các bộ liên quan, Ủy ban Quốc gia UNESCO của Việt Nam đã hoàn chỉnh Hồ sơ trình UNESCO công nhận là DSTNTG.

- Ngày 5/7/2003, tại cuộc họp lần thứ 27 diễn ra tại trụ sở UNESCO ở thủ đô Paris-Cộng hòa Pháp, Ủy ban Di sản Thế giới đã chính thức công nhận Vườn Quốc gia Phong Nha-Kẻ Bàng là "*Di sản Thiên nhiên Thế giới*". Phong Nha-Kẻ Bàng xứng đáng là đại diện điển hình nhất về địa chất, địa mạo về thể loại hình karst của Thế giới, có giá trị như là một trong những đại diện trong quá trình vận động kiến tạo của Trái đất, xứng đáng được ưu tiên bảo vệ ở mức độ toàn cầu.

## **2.2. TIỀM NĂNG DU LỊCH CỦA PHONG NHA-KẼ BÀNG**

### **2.2.1. Tiềm năng du lịch thiên nhiên**

Vườn Quốc gia Phong Nha-Kẻ Bàng là khu karst cổ rộng lớn là một trong những khu karst có ý nghĩa và có giá trị nhất ở Đông Nam Á và Thế giới. Đặc biệt, Phong Nha-Kẻ Bàng có tiềm năng du lịch thiên nhiên vô cùng phong phú. Phong Nha-Kẻ Bàng chứa đựng nhiều cảnh quan thiên nhiên tuyệt đẹp; đa dạng sinh học với nhiều loại động vật, thực vật quý hiếm đang bị đe dọa và có nguy cơ tuyệt chủng; và hệ thống hang động kỳ vĩ, độc đáo. Có thể nhận thấy Phong Nha-Kẻ Bàng có tiềm năng rất to lớn để phát triển nhiều loại hình du lịch như du lịch sinh thái, du lịch thể thao (đi bộ ngắm cảnh, đi xe đạp trong rừng), du lịch mạo hiểm, du lịch kết hợp với nghiên cứu khoa học, du lịch kết hợp với bảo tồn, du lịch hang động...

#### ***2.2.1.1. Cảnh quan thiên nhiên:***

Khu vực PN-KB và vùng phụ cận là một vùng núi đá vôi chiếm hầu hết diện tích, có lịch sử phát triển địa chất phức tạp và lâu dài. Mỗi giai đoạn được đánh dấu bởi những thành tạo địa chất đặc trưng cho các hoạt động kiến tạo đứt gãy, chuyển động nâng trôi, uốn nếp tạo núi và chuyển động sụt lún tạo các bồn trũng trầm tích. Các bối cảnh kiến tạo là nguyên nhân tạo ra tính đa dạng địa chất, đa dạng địa hình địa mạo, mạng lưới thủy văn, tạo ra những cảnh quan huyền bí, những cánh rừng hoang sơ nguyên thủy như một bảo tàng thiên nhiên khổng lồ.

Trong diện tích của VQG Phong Nha-Kẻ Bàng kiểu địa hình núi đá vôi chiếm phần lớn. Tại đây, các dãy núi đá vôi phát triển hầu như liên tục, thành phần tương đối đồng chất, không phân lớp. Địa hình núi đá vôi bị chia cắt mãnh liệt với các dãy núi đá vôi cao trên 1.000 m, với những vách đá dựng đứng, xếp lớp. Quá trình karst do hoà tan và ngưng đọng các-bon-nát hình thành nên các nhũ đá, măng đá, nấm đá, chuông đá, cột đá đa dạng, phức tạp,

đẹp kỳ diệu và rất hấp dẫn. Nhiều nơi đá vôi bị mài mòn tạo nên những cổng trời, rừng đá, cầu đá, giếng đá rất kỳ thú.

Trong vùng có hàng chục đỉnh núi cao trên 1.000m, hiểm trở, điển hình là các đỉnh cao Co Rilata 1.128m, Co Pru 1.213m, U Bò 1.009m, Phu Tạo 1.174m...là các điểm hấp dẫn cho thể thao leo núi và thám hiểm. Xen kẽ giữa các đỉnh cao trên 1.000m là các đỉnh cao từ 800 đến 1.000m cũng là tiêu điểm cho du lịch sinh thái và mạo hiểm như các đỉnh Phu Sinh 902m, Núi Ma Ma 835m, Phu On Boi 933m...Trong Vườn Quốc gia PN-KB có hàng trăm thung lũng núi đá kín. Các thung lũng này có những cây gỗ lớn, thẳng, đua nhau vươn cao để lấy ánh sáng. Tiếng địa phương gọi những thung lũng kín này là Hung. Có 3 thung lũng điển hình là Thung Lớn ở phía Bắc, Thung Dài ở trung tâm và Thung Rộng ở gần cửa khẩu Cà Roòng - Noọng Ma tiếp giáp với nước CHDCND Lào. Các thung lũng này là những khu vực rất điển hình về rừng rậm nhiệt đới ở núi đá vôi. Những cánh rừng này hầu như còn ở trạng thái nguyên sinh rất hấp dẫn đối với khách du lịch sinh thái và nghiên cứu khoa học.

Phong Nha-Kẻ Bàng nằm gọn trong lưu vực của các dòng sông Rào Thương, sông Chày, sông Troóc, sông Son...đều là thượng nguồn của sông Gianh. Nước trong vùng núi đá vôi thoát theo các sông ngầm rồi theo hang động chảy vào các con sông. Các dòng sông này có nước trong xanh chảy giữa vùng núi đá có rừng tạo nên những cảnh đẹp thơ mộng như những bức tranh thủy mặc quyến rũ du khách.

#### **2.2.1.2. Hệ thống hang động:**

Vùng Phong Nha-Kẻ Bàng có lượng mưa khá cao, trong khi đó các dòng sông trong vùng hầu như không có dòng chảy trên mặt. Điều đó chứng tỏ rằng các dòng chảy ngầm phát triển rất mạnh; tạo thành một quần thể hang động phong phú, kỳ vĩ; là thiên đường cho bộ môn hang động học và du lịch

hang động. Đến nay, sau hơn 10 năm hợp tác thám hiểm và nghiên cứu hang động giữa Hội Nghiên cứu Hang động Hoàng gia Vương quốc Anh và Khoa Địa lý, Trường Đại học Khoa học tự nhiên Hà Nội, hệ thống hang động ở Phong Nha-Kẻ Bàng được phát hiện và đo vẽ với tổng chiều dài đạt gần 100km với trên 30 hang động. Hệ thống hang động Phong Nha-Kẻ Bàng được đánh giá là một trong những cảnh quan hang động đẹp nhất trên thế giới với 7 cái nhất: Hang có con sông ngầm đẹp nhất; có cửa hang cao và rộng nhất; có bãi cát, bãi đá ngầm đẹp nhất; có hồ nước ngầm đẹp nhất; có hang khô rộng và đẹp nhất; là hang nước dài nhất và có hệ thống thạch nhũ kỳ ảo và tráng lệ nhất.

Các hang động ở Phong Nha-Kẻ Bàng được chia thành 3 hệ thống chính: Hệ thống hang Phong Nha, hệ thống hang Hang Vòm và hệ thống hang Rục Mòn.

- Hệ thống hang Phong Nha (xem Bảng 1 phần Phụ lục) bắt nguồn từ phía Nam của khối núi đá vôi Kẻ Bàng. Cửa chính của hệ thống hang này là hang Khe Ry và hang Én nằm ở độ cao trên mực nước biển khoảng 300m, còn độ cao tương đối là 0 mét. Các cửa hang của hệ thống này nhìn chung đều rộng và cao (Ví dụ: Hang Én có hai cửa vào, trong đó cửa vào ở phía trên có chiều cao 70m và rộng 100m). Các cửa hang này là nơi thường có các dòng suối đổ vào và được bắt nguồn từ khu vực địa hình phát triển trên đá phi karst. Vì vậy, ngay ở cửa hang đã gặp các trầm tích vụn thô (cuội-sỏi). Các hang Khe Ry, hang Én, hang Thung... tạo nên phần thượng nguồn của hang Phong Nha. Các hang động trong hệ thống hang Phong Nha phân bố theo dạng cành cây. Hướng chung của các hang trong hệ thống này là Đông Bắc-Tây Nam.

- Hệ thống hang Vòm (xem Bảng 2 phần Phụ lục) có quy mô đáng kể và được bắt nguồn từ hang Rục Cà Roòng nằm ở độ cao khoảng 360m so với mực nước biển. Toàn bộ hệ thống hang Vòm có hướng chung là từ Tây-Nam

lên Đông-Bắc, phát triển trên một đứt gãy chính trong khu vực. Sông Rục Cà Ròng chảy về phía hạ lưu lúc thì ẩn mình trong các hang, lúc lại xuất hiện trên những đoạn thung lũng hẹp và sâu để cuối cùng đổ về sông Chày ở cửa hang Vòm. Cả hai hệ thống hang Phong Nha và hang Vòm hợp với nhau đổ về sông Son, rồi ra sông Gianh và cuối cùng chảy ra biển.

- Hệ thống hang Rục Mòn nằm trên địa phận huyện Minh Hoá và có quy mô nhỏ hơn. Tuy nhiên, ở đây cũng có một số hang động có quy mô như hang Rục Mòn có chiều dài (đã được đo vẽ) 2.863m, độ sâu 49m; hang Tiên với chiều dài 2.500m, độ sâu 51m và còn có rất nhiều hang chưa được khảo sát.

Hệ thống hang động ở Phong Nha-Kẻ Bàng rất phong phú, đa dạng và đẹp hiếm thấy; gồm đủ cả hang khô, hang ngầm, hang nước, hang nổi. Về mặt hình thái, hầu hết các hang động ở Phong Nha-Kẻ Bàng đều cao, rộng, trong hang có nhiều ngách, phòng rộng. Phần lớn các hang đều có bình đồ khá phức tạp, mặt cắt ngang của các hang có dạng khá đẳng thước và được xếp vào kiểu hang có quan hệ với mực nước ngầm trong khu vực và phát triển qua nhiều chu kỳ. Trong các hang động phân bố khá nhiều thạch nhũ, tạo nên các măng đá, nhũ đá, cột đá, viền đá, hoa đá với màu sắc, hình thù kỳ thú, muôn màu muôn vẻ.

Hiện nay, Hội nghiên cứu Hang động Vương quốc Anh đang tiếp tục hợp tác với Trường Đại học Khoa học Tự nhiên-Hà Nội trong việc nghiên cứu, khảo sát và đo vẽ chi tiết toàn bộ hệ thống hang động ở Phong Nha-Kẻ Bàng. Trong lần nghiên cứu lần thứ 9 mới đây nhất (tháng 4/2005), Đoàn nghiên cứu Hang động đã đo vẽ thêm được 12 km của 7 hang mới, trong đó 2 hang ở huyện Quảng Ninh, 2 hang ở huyện Minh Hoá và 3 hang ở huyện Bố Trạch. Trong đó, có hang Dật dài 1,2 km nằm trong hệ thống hang Phong Nha; đưa tổng chiều dài của hệ thống hang Phong Nha được đo vẽ lên trên 47 km; xếp thứ hai hệ thống hang dài nhất ở Đông Nam Á. Các nhà nghiên cứu hang động



Hoang gia Anh và Trường Đại học Khoa học Tự nhiên-Hà Nội hy vọng rằng, với những chuyến nghiên cứu, khảo sát trong tương lai, hệ thống các hang động ở Phong Nha-Kẻ Bàng sẽ được bổ sung, kéo dài và sẽ là một trong những hệ thống hang động dài nhất, tuyệt đẹp nhất không chỉ của Châu Á mà còn của cả Thế giới.

### **2.2.1.3. Tính đa dạng sinh học:**

Đặc điểm địa hình, khí hậu, thủy văn, đất đai đã tạo Phong Nha-Kẻ Bàng thành một trong những trung tâm đa dạng sinh học tiêu biểu của Trái đất. Theo đánh giá của Quỹ Quốc tế về Bảo tồn Thiên nhiên (WWF), Phong Nha-Kẻ Bàng nằm trong vùng sinh thái Bắc Trường Sơn là một trong 238 vùng sinh thái quan trọng nhất trên toàn cầu. Với sự đa dạng, độc đáo và các nguy cơ đe dọa, VQG Phong Nha-Kẻ Bàng đã và đang được xếp vào danh sách các khu vực bảo vệ đa dạng sinh học quan trọng ưu tiên trong *Kế hoạch hành động bảo tồn đa dạng sinh học Quốc gia*. Tại Phong Nha-Kẻ Bàng chúng ta có thể thấy sự đa dạng về thảm thực vật, đa dạng hệ thực vật và cả đa dạng hệ động vật.

- *Đa dạng thảm thực vật*: Trong vùng Phong Nha-Kẻ Bàng, rừng kín thường xanh che phủ tới 96,2% diện tích VQG, trong đó rừng nguyên sinh ít bị tác động chiếm 92,2% tổng diện tích. Có thể khẳng định Phong Nha-Kẻ Bàng là một Vườn Quốc gia có độ che phủ và tỷ lệ rừng nguyên sinh lớn nhất trong hệ thống các khu rừng đặc dụng của nước ta. Thảm thực vật rừng ở VQG Phong Nha-Kẻ Bàng có các kiểu và phụ kiểu thảm thực vật như sau:

+ Rừng kín thường xanh nhiệt đới ẩm trên núi đá vôi dưới độ cao 800m với tổng diện tích 110.00ha, chiếm 74,7% diện tích VQG. Có thể nhận thấy hầu như toàn bộ địa hình núi đá vôi ở đây đều được phủ kín bằng kiểu rừng này, với thành phần thực vật chủ yếu là cây nhiệt đới. Rừng ở đây phân thành 3 tầng rõ rệt: Tầng sinh thái, tầng dưới tán và tầng thảo quyết.

+ Rừng kín thường xanh nhiệt đới núi thấp trên núi đá vôi độ cao trên 800m có diện tích 12.600ha, chiếm 8,5% diện tích VQG. Đây là một phụ kiểu rừng núi đá vôi độc đáo ở nước ta, bởi vì ở Việt Nam, hầu hết các vùng núi đá vôi có độ cao dưới 800m so với mặt biển. Thành phần thực vật ở đây chủ yếu là các loài đặc trưng cho vùng núi cao như các loài cây lá rộng.

+ Rừng kín thường xanh nhiệt đới ẩm trên núi đất độ cao dưới 800m với diện tích 12.220 ha, chiếm 8,2% diện tích VQG. Tại đây, phổ biến là các quần hệ thực vật thường xanh. Do đất tương đối sâu, dày, ẩm nên thảm cây sinh trưởng khá tốt, có nhiều cây gỗ có đường kính trên 1m.

- *Đa dạng hệ thực vật:* VQG Phong Nha-Kẻ Bàng là nơi giao lưu của hai khu hệ thực vật miền Nam và miền Bắc nước ta. Phong Nha-Kẻ Bàng là ranh giới tận cùng phía Nam của một số loài thực vật phía Bắc như nghiến, chò nước và cũng là ranh giới cuối cùng phía Bắc của một số loài thực vật phía Nam như dầu de, dầu đọt tím. Đa dạng hệ thực vật ở đây được thể hiện ở đa dạng thành phần loài, đa dạng về nguồn gen thực vật cũng như đa dạng về tài nguyên thực vật.

+ Đa dạng thành phần loài: Qua các cuộc khảo sát hệ thực vật tại Phong Nha-Kẻ Bàng, bước đầu đã thống kê được 1.762 loài thực vật bậc cao có mạch với 710 chi, 162 loài. Trong đó, quyết thực vật có 23 họ, 76 chi, 195 loài; thực vật hạt trần 6 họ, 10 chi, 14 loài và thực vật hạt kín 133 họ, 624 chi, 1.553 loài.

+ Đa dạng về nguồn gen thực vật: PN-KB là trung tâm phân bố của một số loài thực vật đặc hữu hẹp, với 13 loài. Đặc biệt có Tấu Đá, một loài cây gỗ lớn họ Dầu mới được phát hiện (xem bảng 4 phần Phụ lục). Trong số các loài đã thống kê, có 51 loài thực vật được coi là có nguy cơ bị tiêu diệt, trong đó có 38 loài ghi trong Sách Đỏ của Việt Nam và 25 loài được ghi trong danh sách các loài bị đe dọa toàn cầu (xem bảng 5 phần Phụ lục).

+ Đa dạng về tài nguyên thực vật: Theo số liệu thống kê ở Phong Nha-Kẻ Bàng có trên 800 loài cây tài nguyên, thuộc 7 nhóm công dụng như: nhóm lấy gỗ (với các loại cây gỗ quý hiếm, có giá trị kinh tế cao như huê mộc, mun sọc, huỳnh, giáng hương..); nhóm cây dầu nhựa với 86 loài (trong đó cây cho nhựa cứng: 19 loài, tinh dầu: 46 loài, dầu béo: 21 loài); nhóm cây làm thuốc 186 loài; nhóm cây ăn được 156 loài; nhóm cây dùng đan lát và cho sợi 42 loài; nhóm cây làm cảnh và bóng mát 93 loài và nhóm cây cho thuốc nhuộm 54 loài.

- Đa dạng hệ động vật: Điều kiện sinh cảnh thuận lợi của Phong Nha-Kẻ Bàng không chỉ tạo điều kiện cho sự phát sinh, phát triển của hệ thực vật mà còn là nơi ở, ăn và cư trú an toàn cho các loài động vật. Những kết quả khảo sát bước đầu đã giúp thống kê được 1.074 loài động vật có xương sống thuộc 338 giống với 134 họ, 43 bộ; 352 loài động vật không xương sống, trong đó ngành thân mềm có 10 loài thuộc 8 chi, 6 họ và ngành chân khớp 292 loài thuộc 5 lớp (xem bảng 6 phần phụ lục). Trong hệ động vật ở Phong Nha-Kẻ Bàng có 68 loài được ghi trong Sách đỏ của Việt Nam (1994), 44 loài được ưu tiên bảo vệ mức độ toàn cầu và được ghi trong Sách đỏ các loài động vật có nguy cơ đe dọa của IUCN (1997) (xem bảng 7 phần Phụ lục). Sự đa dạng về hệ động vật ở Phong Nha-Kẻ Bàng thể hiện ở đa dạng nhóm thú, nhóm chim, nhóm bò sát và lưỡng cư, nhóm cá và cả nhóm bướm.

+ Đa dạng nhóm thú: Lớp thú ở Phong Nha-Kẻ Bàng đã điều tra được 140 loài thuộc 64 giống, 31 họ, 10 bộ. Trong số các loài thú đã phát hiện ở VQG Phong Nha-Kẻ Bàng có 35 loài đã được ghi trong Sách đỏ Việt Nam, 19 loài đã được thống kê trong Sách đỏ của IUCN 1997. Hai loài thú mới được phát hiện là mang sao la (xem bảng 8 phần Phụ lục). Phong Nha-Kẻ Bàng có khu hệ thú tương đối phong phú, nhiều loài bị đe dọa tập trung ở đây như: hổ, gấu, sơn dương, mang lớn, sói đỏ...

+ Đa dạng nhóm chim: Bước đầu đã thống kê được 302 loài thuộc 57 họ và 18 bộ, trong đó có 15 loài chim đã được ghi trong Sách đỏ Việt Nam và 19 loài chim cần được bảo vệ ở mức độ toàn cầu (IUCN Red List of Threatened Animal, 1997) (xem bảng 9 phần Phụ lục).

+ Đa dạng nhóm bò sát và lưỡng cư: Đến nay, đã thống kê được 99 loài bò sát thuộc 43 giống, 14 họ, 3 bộ và 47 loài lưỡng cư thuộc 9 giống, 6 họ, 1 bộ. Trong nhóm bò sát và lưỡng cư ở Phong Nha-Kẻ Bàng có 18 loài đã được ghi trong Sách đỏ Việt Nam, 6 loài ghi trong Sách đỏ của IUCN (xem bảng 10 phần phụ lục).

+ Đa dạng nhóm cá: So với các khu bảo tồn ở Việt Nam, khu hệ cá Phong Nha-Kẻ Bàng có số loài nhiều nhất với 162 loài thuộc 85 giống, 31 họ và 11 bộ. Sự phong phú của các loài cá ở Phong Nha-Kẻ Bàng là do ở đây có địa hình phức tạp, nhiều sinh cảnh và nhiều sông suối bị cách ly. Phong Nha-Kẻ Bàng là nơi có thành phần cá nước ngọt đa dạng nhất Việt Nam với chỉ số về đa dạng cá nước ngọt cao gấp 25 lần so với cả nước (162 loài/4.000 km<sup>2</sup> ở Phong Nha-Kẻ Bàng so với 544 loài/ 330.991 km<sup>2</sup> trong cả nước). Có 4 loài cá đặc hữu hẹp chỉ gặp ở Phong Nha-Kẻ Bàng và vùng lân cận là cá dầy, cá gáy hoa, cá nghét và cá Phong Nha, trong đó cá Phong Nha (*Chele quangbinhensis*) là một loài mới cho khoa học.

+ Đa dạng nhóm bướm: Nghiên cứu bước đầu của Trung tâm Nhiệt đới Việt-Nga đã ghi nhận được 261 loài bướm thuộc 11 họ. Hầu hết các nhóm bướm ở Việt Nam đều có mặt ở vùng này với số loài chiếm tới 1/5 đến 1/4 số loài bướm của Việt Nam.

Hiện nay, để hoàn chỉnh hồ sơ trình UNESCO công nhận VQG Phong Nha-Kẻ Bàng là Di sản Thiên nhiên Thế giới lần thứ hai về tiêu chí *Đa dạng sinh học*, nhiều đoàn khảo sát, nghiên cứu của trong nước và quốc tế đã tìm kiếm, phát hiện nhiều loài động thực vật mới, các loài quý hiếm, có nguy cơ

đe dọa tuyệt chủng. Trong năm 2005, tại Phong Nha-Kẻ Bàng các nhà khoa học đã phát hiện thêm nhiều loài thực vật có nguy cơ tuyệt chủng cao như: Bách xanh đá (*Calocendrustropenstris* Aver), Lan hài đốm (*Paphiopedilum concolor*), Lan hài xanh (*Paphiopedilum malipoense*), Lan hài xoắn (*Paphiopedilum dianthum*); phát hiện 10 loài cá mới và 4 loài bò sát cho khoa học là: Tắc kè Phong Nha (*Cyrtodactylus phongnhakebangensis*), Rắn mai gầm Thành (*Calamaria thanh* sp.n.), Rắn lục Trường Sơn (*Trimeresurus truongsonensis*) và Thần lằn tai (*Tropidophorus noggei* sp.n.); tái phát hiện sau 50 năm loài Rắn lục sừng (*Trimeresurus cornutus*).

Phong Nha-Kẻ Bàng gồm nhiều sinh cảnh quan trọng và có ý nghĩa đối với việc bảo tồn đa dạng sinh học và là nơi có nhiều loài động vật và thực vật quý hiếm đang bị đe dọa. Lớp che phủ rừng ở Phong Nha-Kẻ Bàng có nhiều kiểu thảm thực vật phong phú và đa dạng, là mẫu điển hình của thảm thực vật trên núi đá vôi và hầu như không thấy ở nước ta cũng như tại các nước khác trong khu vực. Đây là điều kiện hết sức thuận lợi để phát triển các loại hình du lịch như: du lịch sinh thái, du lịch kết hợp với nghiên cứu khoa học, ngắm chim, quan sát động vật hoang dã, đi bộ ngắm cảnh (trekking), du lịch thám hiểm...

## **2.2.2. Tiềm năng du lịch nhân văn**

### **2.2.2.1. Các di tích lịch sử-văn hoá:**

Trong khu vực PN-KB núi, sông, cảnh vật đan cài vào nhau; làng trong núi, núi trong làng như một bức tranh hùng vĩ và nên thơ. Vùng núi đá vôi trùng điệp này trải qua hàng nghìn năm khai khẩn, kiến tạo của người dân bản địa đã đọng lại nhiều giá trị lịch sử-văn hoá to lớn dưới nhiều hình thức khác nhau. Quần thể các di tích lịch sử-văn hoá ở Phong Nha-Kẻ Bàng bao gồm hệ thống các di tích văn hoá tiền sử và sơ sử, di tích văn hoá Chăm và văn hoá Việt Cổ, di tích lịch sử đấu tranh cách mạng nhất là trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Các di tích lịch sử-văn hoá tiêu biểu cho các thời kỳ bao gồm:

- *Thời kỳ tiền sử*: Thời kỳ tiền sử có các di tích khảo cổ học thời đại đồ đá giữa và đồ đá mới như Di chỉ Minh Cầm, hang Rào, hang Yên Lạc.

+ Di chỉ Minh Cầm: Di chỉ này được E. Patte (người Pháp) phát hiện và khai quật năm 1922. Trong hang tìm được mộ táng của một trẻ em khoảng 9 tuổi; một số công cụ như rìu, bôn đá có vai, công cụ đẽo bằng đá; đồ trang sức và đồ gốm. Di chỉ Minh Cầm có thể vừa là điểm mộ táng vừa là nơi cư trú của cư dân thuộc thời đại đồ đá mới.

+ Di chỉ hang Rào: Di chỉ này được H. Mansuy và J. Fromaget phát hiện và khai quật vào các năm 1923 và 1924. Trong tầng văn hoá ở Di chỉ hang Rào có nhiều vỏ ốc nước ngọt, ốc núi, xương thú các loại. Trong hang còn có di cốt người và các di tích khảo cổ học thuộc về hậu kỳ thời đại đồ đá mới.

+ Hang Yên Lạc: Hang Yên Lạc do M. Colani phát hiện và khai quật vào năm 1930. Tầng văn hoá ở đây cấu tạo bằng vỏ trai nước ngọt có lẫn nhiều xương thú. Đã tìm thấy trong hang 301 công cụ đá thuộc văn hoá Hoà Bình và cả một số hiện vật thuộc giai đoạn muộn hơn như gốm hoa văn thừng, mảnh vòng đá mài.

- *Các di tích Chăm Pa*: Các dấu tích ở Hang Bi Ký trong Động Phong Nha có thể cho thấy đây là một thánh đường Chăm từ thế kỷ đến đầu thế kỷ XI. Qua chuyến khảo sát vào tháng 7 năm 1995 của Trường Đại học Quốc gia Hà Nội, một số nhận định được đưa ra như sau:

+ Các mảnh gốm thô không men điển hình của gốm Chăm Pa cùng với các mảnh gốm có men, hoa văn hình cánh sen có niên đại từ thế kỷ X đến thế kỷ XI. Đây là thời kỳ cuối cùng của người Chăm Pa ở vùng này.

+ Các viên gạch Chăm và dấu vết các nền móng cùng các vật liệu kiến trúc cho thấy trước kia đã có một kiến trúc gạch kết hợp với đá của người Chăm và đây có thể là một thánh đường của vùng Bắc Chăm Pa.

+ Tất cả các di vật và phế tích Chăm này phải có niên đại muộn nhất là thế kỷ XI.

- *Di tích Phong trào Cần Vương*: Đánh úp Kinh thành Huế thất bại, Tôn Thất Thuyết rước vua Hàm Nghi chạy lên miền núi phía Tây Quảng Bình. Tại đây, vua Hàm Nghi ra chiếu Cần Vương kêu gọi nhân dân phò vua, cứu nước. Căn cứ kháng chiến chống pháp của vua Hàm Nghi cuối thế kỷ XIX được đặt tại núi Ma Rai (huyện Minh Hoá).

- *Di tích lịch sử đường Hồ Chí Minh*: Trong chiến tranh kháng chiến chống Mỹ cứu nước, đường mòn Hồ Chí Minh qua Quảng Bình là nơi bị đánh phá ác liệt nhất và cũng là nơi ghi nhận những chiến công hiển hách nhất của dân tộc ta. Trong số bảy Di tích lịch sử đường mòn Hồ Chí Minh được Bộ Văn hoá-Thông tin ra quyết định công nhận là Di tích lịch sử Quốc gia, thì có năm Di tích nằm trong PN-KB. Bao gồm: *Khu di tích Xuân Sơn-Phong Nha* với bến phà Xuân Sơn nổi tiếng; *Các trọng điểm trên đường 20 "Quyết thắng"* với các địa danh đã đi vào lịch sử như Cua chữ A, ngầm Ta Lê, đèo Phu La Nhích; *Các trọng điểm trên đường 12* như đèo Mụ Giạ, Cổng Trời, Cha Lo, Bãi Dinh; *Các hang động ở các xã Hoá Thanh, Hoá Tiến (huyện Minh Hoá)* là nơi Bộ Tư lệnh Binh Đoàn 559 đóng Sở Chỉ huy, là nơi trú quân, cất dấu hàng hoá, kho dự trữ chiến lược; *Hang 8 Thanh niên Xung phong trên đường 20 Quyết thắng*.

#### **2.2.2.2. Bản sắc văn hoá các dân tộc ít người:**

Trong khu vực Phong Nha-Kẻ Bàng sinh sống chủ yếu là người dân tộc Chứt, Bru-Vân Kiều và một số ít người dân tộc Kinh. Dân tộc "Chứt" ở Quảng Bình bao gồm các nhóm: Sách, Mày, Rục, Arem, Mã Liềng với khoảng 3.500 người phân bố ở 6 xã thuộc 2 huyện Minh Hoá và Bố Trạch. Danh xưng "Chứt" có nghĩa là "Rèm Đá", "Núi Đá". Vào những năm 60 của thế kỷ XX, các nhóm thuộc tộc người Chứt được xem là những dân tộc riêng biệt. Đến cuối năm 1973, Nhà nước công nhận các nhóm Sách, Mày, Rục, Arem, Mã Liềng là cùng một dân tộc với tộc danh là "Chứt". Dân tộc Bru-Vân Kiều gồm

các tộc người: Vân Kiều, Khùa, Ma Coong, Trì và Sộ; phân bố chủ yếu ở các xã Thượng Trạch, Tân Trạch (huyện Bố Trạch) và Dân Hoá (huyện Minh Hoá).

Trong một khu vực sinh tồn rộng lớn với đa dạng các điều kiện sống, lại tồn tại gần như tách biệt nhau, các dân tộc ít người ở Phong Nha-Kẻ Bàng dù là một cư dân nông nghiệp, nhưng sinh học kinh tế của từng nhóm tộc người có những đặc điểm khác nhau. Bản của các dân tộc ít người trong vùng Phong Nha-Kẻ Bàng thường có quy mô nhỏ, thậm chí có bản chỉ có từ 3 đến 5 nóc nhà như một vài bản của người Rục, Arem, Mã Liềng. Cơ cấu kinh tế chung của các dân tộc ít người trong vùng Phong Nha-Kẻ Bàng gồm các hình thái: ruộng nước, nương rẫy, chăn nuôi, một số nghề phụ và kinh tế khai thác (săn bắn, đánh bắt cá, hái lượm). Tuy nhiên, lương thực thực phẩm trong bữa ăn hàng ngày không phải được cung cấp chủ yếu từ chăn nuôi, trồng cây mà nhờ vào săn bắn, đánh bắt cá và hái lượm.

Trước đây, việc dời bản để lập bản mới đối với các dân tộc ít người ở đây rất tùy tiện. Thường khi vùng đất xung quanh bản, nguồn lợi tự nhiên cạn kiệt (như cây nhúc, cây ghen đã hết; thú vật, chim muông, cá dưới khe nghèo nàn, đất đai khô cằn...) hoặc trong bản có người chết bất đắc kỳ tử, có dịch bệnh triền miên...thì đồng bào lại dời bản đi nơi khác. Khi lập bản mới, Trưởng Bản có vai trò quyết định. Trưởng Bản thường lấy ý kiến của Thầy Cúng và Hội đồng Già làng rồi tổng hợp các ý kiến để đi đến quyết định cuối cùng.

Ngày nay, với chính sách định canh, định cư của Đảng và Nhà nước, với sự hỗ trợ của các đơn vị trong nước, dự án của các tổ chức chính phủ và phi chính phủ, nhiều bản của đồng bào dân tộc ít người đã được xây dựng như bản Ò Ò, bản Ón của người Rục (huyện Minh Hoá); Bản Ca Xen, bản Chuối, bản Cáo của người Mã Liềng (huyện Minh Hoá); bản km 39 đường 20 của



người Arem (huyện Bố Trạch). Tuy nhiên, một số bản vẫn còn duy trì lối sống du canh, du cư.

Bên cạnh đặc trưng văn hoá vật thể được thể hiện qua các làng bản, nhà cửa, y phục, trang sức..., trong quá trình lao động sản xuất ra của cải vật chất, đồng bào dân tộc ít người ở Phong Nha-Kẻ Bàng đã sáng tạo ra những giá trị văn hoá tinh thần rất đặc sắc, mang đậm đà sắc thái riêng của mình. Văn hoá phi vật thể của các dân tộc ít người ở đây được thể hiện thông qua kho tàng văn nghệ dân gian cũng như tín ngưỡng. Về cơ bản, kho tàng văn nghệ dân gian được thể hiện qua chuyện cổ, dân ca và nhạc cụ. Chuyện cổ của các dân tộc ít người ở đây đề cập đến nguồn gốc sinh ra các dân tộc, sự tích các hiện tượng tôn giáo, tín ngưỡng, sự tích các loài cây, công cụ lao động... Trong các chuyện cổ cũng thường lấy hạnh phúc con người, tình yêu đôi lứa, tình nghĩa vợ chồng làm cốt lõi. Dân ca của đồng bào trong vùng Phong Nha-Kẻ Bàng rất đặc sắc, đượm tính trữ tình. Với nội dung phong phú, dân ca được sử dụng trong nhiều khung cảnh và bằng lời ca dịu ngọt, mang giai điệu trầm lắng, đi vào tâm thức con người; phản ánh tình yêu lao động, tình yêu đôi lứa, yêu tự do. Nhạc cụ dân gian của đồng bào dân tộc ít người ở Phong Nha-Kẻ Bàng tuy còn đơn giản về kết cấu nhưng tương đối đa dạng về loại hình. Hiện nay, do tác động của thời gian các nhạc cụ dân tộc bị mai một dần, một số nhạc cụ chỉ còn tồn tại trong tiềm thức của đồng bào. Tín ngưỡng tôn giáo của đồng bào ở đây là một tín ngưỡng đa phân, pha trộn với những yếu tố vật linh còn khá đậm đà và những tín ngưỡng của cư dân nông nghiệp lâu đời.

Tóm lại, đồng bào các dân tộc ít người ở PN-KB và văn hoá của họ đang là đối tượng nghiên cứu của các lĩnh vực khoa học, đồng thời là địa chỉ hấp dẫn để phát triển loại hình du lịch văn hoá các dân tộc ít người.

## **2.3. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG Ở PHONG NHA-KÊ BÀNG THỜI KỲ 1996-2004**

### **2.3.1. Tình hình hoạt động quản lý, kinh doanh du lịch:**

#### ***2.3.1.1. Kết quả hoạt động kinh doanh du lịch:***

- *Đối với du lịch Quảng Bình:* Kể từ khi tách tỉnh, trở lại địa giới cũ (năm 1989) Quảng Bình mặc dù có tiềm năng du lịch rất lớn nhưng do nhiều điều kiện khác nhau nên du lịch hầu như không phát triển). Có thể nhận thấy du lịch Quảng Bình mới bắt đầu phát triển từ năm 1995, khi động Phong Nha trở lại đón du khách sau một thời gian dài bị lãng quên. Mãi đến năm 2001, du lịch Quảng Bình mới thực sự khởi sắc khi Chương trình phát triển du lịch được sự quan tâm của Lãnh đạo cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương và được đưa vào một trong 4 chương trình phát triển kinh tế trọng điểm của tỉnh (bao gồm các chương trình Phát triển Du lịch, Đẩy mạnh Xuất khẩu, Nuôi và chế biến thuỷ sản, Sản xuất hàng tiêu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn). Trong một thời không dài, từ 2001 đến nay, du lịch Quảng Bình đã đạt được nhiều thành quả quan trọng góp phần vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển kinh tế-xã hội, tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho cộng đồng dân cư và thúc đẩy các ngành nghề khác phát triển; đồng thời du lịch còn góp phần tích cực vào công tác xoá đói giảm nghèo. Du lịch Quảng Bình đang dần dần trở thành một điểm đến hấp dẫn, độc đáo, đặc sắc cho du khách trong và ngoài nước; nhiều điểm du lịch như Phong Nha-Kẻ Bàng, Nhật Lệ, Đá Nhảy...đã trở nên nổi tiếng. Thời kỳ 2001-2005, du lịch Quảng Bình được Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII xác định là ngành kinh tế quan trọng và định hướng trong thời kỳ 2006-2010 là ngành kinh tế quan trọng có tính đột phá của tỉnh (Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV).

**Bảng 2.1 : Kết quả hoạt động kinh doanh của Du lịch Quảng Bình**

<b>Năm</b>	<b>Tổng số lượt khách</b>	<b>Khách Quốc tế</b>	<b>Doanh thu thuần túy (tr. đ)</b>	<b>Nộp ngân sách (Tr. đ)</b>
<b>1996</b>	48.481	1.040	12.041	1.263
<b>1997</b>	92.124	2.549	14.160	1.753
<b>1998</b>	118.826	2.145	14.264	2.208
<b>1999</b>	135.680	2.336	16.003	2.654
<b>2000</b>	242.955	3.637	18.483	3.205
<b>2001</b>	295.437	5.341	22.148	3.035
<b>2002</b>	325.242	5.377	26.527	4.000
<b>2003</b>	399.799	4.941	35.262	5.404
<b>2004</b>	615.522	6.573	57.690	13.000

*Nguồn: Báo cáo thống kê-  
Sở Thương mại và Du lịch Quảng Bình*

Từ 1996 đến 2004, số lượng khách du lịch đến Quảng Bình tăng nhanh, cơ sở hạ tầng được cải thiện nhiều (quốc lộ 1A, đường Hồ Chí Minh với hai nhánh Đông Tây, các đường ngang đã được hoàn thành; sân bay Đồng Hới đang được cải tạo, nâng cấp để có thể đón khách vào cuối năm 2006; cảng biển Hòn La đang được triển khai xây dựng...), chất lượng phục vụ du lịch dần dần được nâng lên, đội ngũ cán bộ nhân viên phục vụ có bước trưởng thành khá.

- *Về cơ sở lưu trú du lịch:* Năm 1996, cả tỉnh chỉ mới có 16 CSLTDL với 282 phòng thì đến năm 2004 đã xây dựng được 95 CSLTDL với 1.655 phòng. Trước năm 2001, Quảng Bình chưa có khách sạn nào được xếp hạng sao (từ một sao trở lên), thì đến nay đã có 7 khách sạn được xếp hạng một và hai sao, một số khách sạn đạt tiêu chuẩn 3 và 4 sao đang làm thủ tục để được xếp hạng, một số khách sạn đạt tiêu chuẩn 5 sao đang được triển khai xây dựng.

Bên cạnh Phong Nha-Kẻ Bàng, nhiều khu du lịch mới có chất lượng cao đã và đang được hình thành như Khu du lịch Mỹ Cảnh, Quang Phú, Đá Nhảy, Vũng Chùa-Đảo Yến, suối nước khoáng nóng Bang.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả rất khả quan đã đạt được trong những năm qua, Du lịch Quảng Bình vẫn còn nhiều điểm yếu cần phải được khắc phục sớm. Đó là sản phẩm du lịch còn nghèo nàn, đơn điệu; khu vui chơi giải trí, trung tâm thương mại, siêu thị chưa được xây dựng; thời gian lưu trú của du khách quá thấp (khoảng 1,06 ngày/khách); số lượng khách du lịch quốc tế đến Quảng Bình không đáng kể (chỉ chiếm khoảng hơn 1%); các lễ hội chưa được tổ chức tốt để có thể thu hút du khách; sản xuất hàng lưu niệm không được đầu tư, các làng nghề truyền thống chưa được khôi phục; loại hình du lịch văn hoá-lịch sử mặc dù rất có tiềm năng nhưng chưa được khai thác; liên doanh liên kết du lịch chưa được đẩy mạnh; hoạt động lữ hành không phát triển; hiệu quả kinh doanh du lịch chưa cao; môi trường sinh thái đang bị ảnh hưởng...

- *Đối với Phong Nha-Kẻ Bàng*: Động Phong Nha được phát hiện từ rất nhiều thế kỷ về trước. Từ những năm 1920 - 1930, Phủ Toàn quyền Đông Dương bắt đầu tổ chức tour du lịch đến Phong Nha do Tổ chức du lịch thuộc địa tại Đông Dương thực hiện. Năm 1937, Phòng Du lịch của toà Khâm sứ Pháp ở Huế đã cho xuất bản một tờ gấp giới thiệu về du lịch tỉnh Quảng Bình, trong đó có nêu lên vẻ đẹp của động Phong Nha và tuyến du lịch này đã được xếp vào hàng thứ hai ở Đông Dương. Vào thời gian đó, Pháp đã cho xây dựng một nhà khách gần cửa động. Trong chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ, các hoạt động du lịch ở đây bị ngưng trệ. Những năm chiến tranh ác liệt của Mỹ, động Phong Nha được sử dụng làm nơi trú ẩn cho thuyền bè, đặc biệt cho các phà phục vụ bến phà Xuân Sơn. Đây là một trong những trọng điểm bị đánh phá ác liệt nhất trong chiến tranh chống Mỹ (bom Mỹ đã đánh sập một phần cửa động Phong Nha).

Sau khi hoà bình được lập lại, Quảng Bình được nhập vào tỉnh Bình Trị Thiên (1976) và do điều kiện kinh tế, giao thông đi lại khó khăn, Phong Nha-Kẻ Bàng hầu như bị quên lãng. Năm 1989, Bình Trị Thiên được tách tỉnh, Quảng Bình trở lại địa giới cũ và kể từ đó du lịch ở Phong Nha-Kẻ Bàng mới được hình thành. Tuy nhiên, mãi đến năm 1995, du lịch Quảng Bình nói chung và Phong Nha-Kẻ Bàng nói riêng mới có điều kiện phát triển. Đối với VQG Phong Nha-Kẻ Bàng, nhất là sau khi được UNESCO chính thức công nhận là Di sản Thiên nhiên Thế giới (2003), du lịch ở đây đã thực sự khởi sắc. Tổng số lượt khách du lịch đến tham quan Phong Nha-Kẻ Bàng trong thời gian 1995-2004 tăng bình quân 40%/năm, một mức tăng trưởng có thể nói là rất cao.

Báo cáo thống kê của Sở Thương mại và Du lịch Quảng Bình cho thấy số lượng khách du lịch đến tham quan Phong Nha-Kẻ Bàng tăng rất nhanh trong thời gian qua. Tuy nhiên, số lượng khách quốc tế còn quá ít, chiếm chưa đến 1% tổng số lượt khách du lịch; mặc dù đã có sự tăng trưởng mạnh sau khi Phong Nha-Kẻ Bàng được công nhận là Di sản Thiên nhiên Thế giới. Nguyên nhân chủ yếu là cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch còn yếu kém; mà cơ bản nhất là du khách phải mất thời gian quá nhiều để có thể đến với Phong Nha-Kẻ Bàng (từ Huế đến Phong Nha-Kẻ Bàng phải đi bằng đường bộ và phải mất ít nhất 4 giờ, hay từ Hà Nội vào phải mất 10 tiếng). Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch chất lượng chưa thật cao. Phong Nha-Kẻ Bàng lại ở xa các trung tâm du lịch lớn, việc hợp tác liên doanh với các công ty lữ hành quốc tế triển khai chưa thật có hiệu quả. Công tác tuyên truyền quảng bá cho du lịch Quảng Bình nói chung và cho Di sản Thiên nhiên Thế giới Phong Nha-Kẻ Bàng nói riêng ra thị trường quốc tế còn yếu, thiếu tính chuyên nghiệp.

**Bảng 2.2. Kết quả hoạt động kinh doanh du lịch tại  
Phong Nha-Kẻ Bàng**

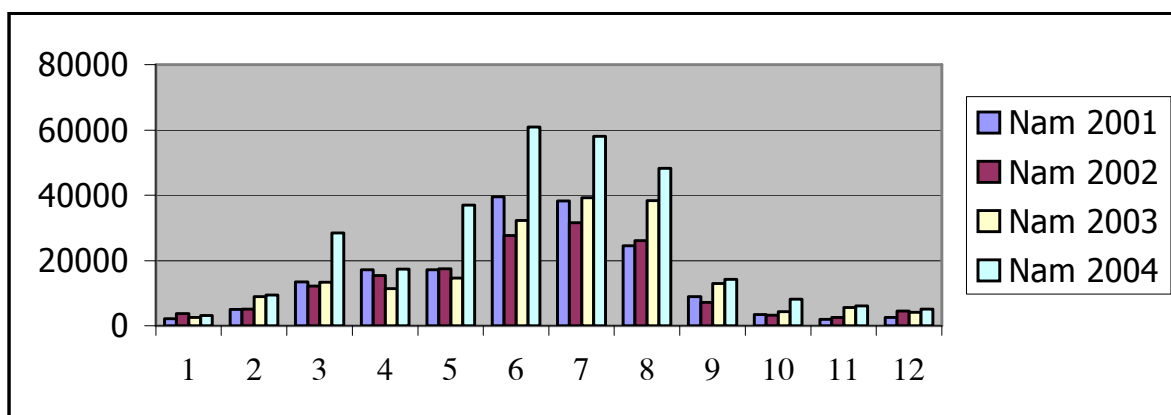
Năm	Lượt khách			Doanh thu (triệu đồng)		
	Tổng số	Khách quốc tế	Khách nội địa	Tổng DT	Bán vé tham quan	Vận chuyển
<b>1995</b>	<b>7.650</b>	250	7.400	<b>167</b>	121	45
<b>1996</b>	<b>13.170</b>	470	12.700	<b>291</b>	212	79
<b>1997</b>	<b>29.588</b>	994	28.594	<b>566</b>	448	117
<b>1998</b>	<b>48.000</b>	667	47.333	<b>1.039</b>	751	288
<b>1999</b>	<b>81.404</b>	822	80.582	<b>1.746</b>	1.258	488
<b>2000</b>	<b>125.514</b>	965	124.549	<b>2.745</b>	1.930	815
<b>2001</b>	<b>135.555</b>	1.015	134.540	<b>3.537</b>	2.656	881
<b>2002</b>	<b>158.742</b>	1.427	157.315	<b>4.848</b>	3.817	1.031
<b>2003</b>	<b>196.291</b>	1.463	194.820	<b>6.320</b>	4.848	1.472
<b>2004</b>	<b>331.679</b>	2.241	329.438	<b>10.696</b>	8.208	2.487

*Nguồn: Báo cáo thống kê-  
Sở Thương mại và Du lịch Quảng Bình*

Du lịch ở Phong Nha-Kẻ Bàng có tính thời vụ rất cao, tập trung chủ yếu vào các tháng 6, tháng 7 và tháng 8 (đây là những tháng nghỉ hè của học sinh, sinh viên và đồng thời là thời gian có thời tiết rất tốt để sau khi tham quan Phong Nha-Kẻ Bàng du khách có thể tắm biển ở các bãi biển của Quảng Bình như Nhật Lệ-Quang Phú, Bảo Ninh, Vũng Chùa, Hải Ninh...). Những tháng còn lại, đặc biệt là các tháng từ tháng 10 cho đến tháng 1 năm sau, số lượng du khách đến Phong Nha-Kẻ Bàng không đáng kể. Mùa này trùng với mùa

mưa và trong một số ngày khi nước sông Sơn dâng lên cao tàu thuyền không thể vào động Phong Nha được. Bảng 2.3. cho chúng ta thấy rất rõ số lượng khách du lịch đến tham quan Phong Nha-Kẻ Bàng qua từng tháng, từ năm 2001 đến năm 2004 và tính mùa vụ rất rõ rệt của du lịch ở đây.

**Bảng 2.3. Biểu đồ lượng khách du lịch đến Phong Nha-Kẻ Bàng hàng tháng**



Nam / tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
<b>Nam 2001</b>	2255	5096	13404	17153	17222	39552	38269	24536	8894	3537	1983	2650
<b>Nam 2002</b>	3697	5136	12205	15418	17480	27659	31572	26114	7205	3279	2689	4554
<b>Nam 2003</b>	2639	8916	13312	11439	14615	32240	39236	38330	12987	4372	5652	4215
<b>Nam 2004</b>	3149	9467	28412	17403	37044	60967	58113	48272	14217	8203	6193	5145

*Nguồn: Báo cáo Thống kê của Sở Thương mại và Du lịch Quảng Bình*

### **2.3.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý, kinh doanh du lịch:**

Bộ máy quản lý, kinh doanh du lịch tại Phong Nha-Kẻ Bàng còn rất chồng chéo, chưa tách bạch công tác quản lý Nhà nước về Du lịch và hoạt động kinh doanh du lịch. Mô hình bộ máy quản lý, kinh doanh du lịch không thống nhất và thường xuyên thay đổi. Cho đến nay, chỉ trong vòng chưa đến 10 năm, tổ chức bộ máy ở đây đã thay đổi 3 lần; từ năm 1995 đến 2000, từ 2000 đến 2003 và từ 2003 đến nay .

- *Thời gian từ năm 1995 đến năm 2000*: Trước năm 1995, du lịch ở PN-KB còn mang tính tự phát, chưa hình thành bộ máy kinh doanh và quản lý du lịch. Vào thời gian này khách du lịch chỉ mới tham quan động Phong Nha theo từng tốp riêng lẻ. Sau 1995, tại Trung tâm đón khách Phong Nha có một số đơn vị cùng kinh doanh du lịch. Ban Quản lý Di tích Danh thắng tỉnh (trực thuộc Sở Văn Hoá-Thông tin) được giao nhiệm vụ bán vé tham quan, phối hợp với xã Sơn Trạch điều hành đội thuyền vận chuyển khách, hướng dẫn du lịch và quản lý các hoạt động du lịch ở trong động Phong Nha. Công ty Du lịch tỉnh kinh doanh ăn uống, bán hàng lưu niệm và nhà nghỉ. Xã Sơn Trạch kinh doanh bãi đỗ xe (bao gồm cả giữ xe và kinh doanh các chỗ bán hàng trong bãi đỗ xe) và quản lý các hộ kinh doanh dịch vụ du lịch.

Đối với hoạt động Quản lý Nhà nước, ngày 20 tháng 6 năm 1998, UBND tỉnh Quảng Bình đã có quyết định số 714/QĐ-UB về việc ban hành Quy chế Quản lý Khu bảo tồn Thiên nhiên và các di tích danh thắng Phong Nha-Kẻ Bàng. Quy chế này nêu lên các nội dung của công tác bảo vệ, trách nhiệm quản lý, bảo vệ. Theo quy chế này, Ban Quản lý Di tích-Danh thắng (trực thuộc Sở Văn hoá-Thông tin) chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch trùng tu, tôn tạo, quản lý bảo, vệ các di tích lịch sử-văn hoá và danh lam thắng cảnh; tổ chức hướng dẫn việc tham quan các điểm du lịch; phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng tuyên truyền giới thiệu rộng rãi các di tích văn hoá-lịch sử và danh thắng trong Khu bảo tồn.

- *Từ năm 2000 đến năm 2003*: Tháng 4 năm 2000, động Tiên Sơn được đầu tư xây dựng (làm đường lên xuống, lắp đặt hệ thống điện, nhà vệ sinh, hệ thống nước) và chính thức đón những du khách đầu tiên đến tham quan. Do số lượng du khách đến tham quan tăng nhanh và do có quá nhiều đầu mối cùng quản lý, kinh doanh tại một điểm du lịch, UBND tỉnh Quảng Bình đã quyết định giao cho Công ty Du lịch Quảng Bình độc quyền kinh doanh và quản lý



các hoạt động du lịch-dịch vụ ở khu vực Phong Nha (bao gồm bán vé tham quan, cùng với đại diện đội thuyền điều hành thuyền vận chuyển du khách, kinh doanh ăn uống, nhà nghỉ, bán hàng lưu niệm, kinh doanh bãi đỗ xe, các địa điểm bán hàng, hướng dẫn du lịch...). Với mô hình này, Công ty Du lịch tỉnh đã đánh mất tính năng động, sáng tạo, kinh doanh hiệu quả, vì Công ty Du lịch được hưởng một phần rất lớn (33%) từ doanh số bán vé tham quan động Phong Nha, động Tiên Sơn. Ngoài ra Công ty còn được kinh doanh bãi đỗ xe, các địa điểm buôn bán tại Trung tâm và trước cửa động. Ban Quản lý Di tích Danh thắng và Chính quyền địa phương hầu như không có vai trò gì trong các hoạt động kinh doanh, quản lý du lịch tại đây.

- *Từ năm 2003 đến nay:* Sau khi Phong Nha-Kẻ Bàng được UNESCO công nhận là Di sản Thiên nhiên Thế giới, UBND tỉnh Quảng Bình đã ra quyết định số 65/2003/QĐ-UB ngày 28 tháng 11 năm 2005 về việc tổ chức lại bộ máy của Ban Quản lý VQG Phong Nha-Kẻ Bàng. Theo quyết định này Ban Quản lý VQG có 11 nhiệm vụ, trong đó nhiệm vụ liên quan đến du lịch là "Tổ chức hướng dẫn các hoạt động du lịch văn hoá, sinh thái; các hoạt động bảo tồn môi trường, bảo vệ đa dạng sinh học và cảnh quan Di sản Thiên nhiên Thế giới VQG Phong Nha-Kẻ Bàng". Tổ chức bộ máy của Ban Quản lý VQG gồm 2 phòng chuyên môn (Hành chính-Tổ chức và Kế hoạch-Tài chính) và 3 đơn vị trực thuộc (Hạt kiểm lâm, Trung tâm nghiên cứu khoa học và Cứu hộ, Trung tâm Du lịch văn hoá và sinh thái). Trung tâm Du lịch Văn hoá và Sinh thái là đơn vị sự nghiệp có thu, tự đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên. Ngoài ngân sách địa phương cấp cho BQL VQG (là đơn vị sự nghiệp), hàng năm, BQL VQG được giữ lại 38% trong tổng doanh thu bán vé vào động Phong Nha và động Tiên Sơn cho các hoạt động của mình. Trung tâm du lịch Văn hoá và Sinh thái được BQL VQG giao 8 nhiệm vụ, trong đó có "tổ chức quản lý các hoạt động du lịch văn hoá và sinh thái. Khai thác có hiệu quả các

giá trị của DSTNTG VQG Phong Nha-Kẻ Bàng qua các hoạt động, các loại hình du lịch khác" và "tổ chức các hoạt động đưa đón, hướng dẫn khách tham quan..., tổ chức bán vé, thu phí và lệ phí tham quan trong khu vực quản lý của VQG Phong Nha-Kẻ Bàng". Công ty Du lịch Quảng Bình (hiện nay đã liên doanh với Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn) chỉ còn kinh doanh ăn uống và cơ sở lưu trú du lịch với quy mô nhỏ. Với mô hình này, chính quyền địa phương (nhất là UBND xã Sơn Trạch) cũng như Ban Quản lý Di tích Danh thắng tỉnh (thuộc Sở Văn hoá-Thông tin) hầu như không tham gia vào các hoạt động quản lý, kinh doanh du lịch-dịch vụ tại đây.

Tất cả mô hình tổ chức bộ máy quản lý, kinh doanh du lịch trên đây đều chưa hợp lý và có nhiều khiếm khuyết. Hiện nay, Ban Quản lý Vườn Quốc gia (đơn vị quản lý Di sản) lại là người vừa quản lý, lại vừa kinh doanh các hoạt động du lịch; chính quyền địa phương không tham gia quản lý các hoạt động du lịch trên địa bàn và nguồn lợi từ du lịch không được phân phối cho địa phương. Rõ ràng, ở Khu du lịch PN-KB cần thiết phải thay đổi mô hình quản lý hiện nay. UBND tỉnh Quảng Bình cần phải ra quyết định thành Ban Quản lý Khu du lịch Phong Nha-Kẻ Bàng với các thành viên đại diện cho các cấp, các ngành, địa phương, VQG để quản lý việc thực hiện quy hoạch và đầu tư phát triển; quản lý tài nguyên du lịch, vệ sinh môi trường, trật tự trị an; và quản lý các hoạt động kinh doanh dịch vụ.

### ***2.3.1.3. Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch:***

- *Về cơ sở hạ tầng:* Trước đây, PN-KB hầu như nằm biệt lập với các khu vực khác xung quanh do đường giao thông đi lại rất khó khăn. Kể từ khi đường Hồ Chí Minh được xây dựng, hoàn thành và đưa vào sử dụng, du khách từ phía Bắc, phía Nam và từ CHDCND Lào có thể tiếp cận DSTNTG một cách thuận lợi bằng đường Hồ Chí Minh. Hiện nay, từ thành phố Đồng Hới, du khách có thể đến với PN-KB bằng đường bộ với thời gian không đến một giờ

đồng hồ. Một số tuyến đường ngang như Hoàn Lão-Sơn Trạch, Ba Trại-Thọ Lộc đã được hoàn thành nối liền Phong Nha-Kẻ Bàng với Quốc lộ 1A. Du khách cũng có thể tiếp cận DSTNTG bằng đường sông đi từ cảng Gianh hay cầu Gianh qua sông Gianh và sông Son.

Được xác định là Khu du lịch chuyên đề của cả nước và là khu du lịch quan trọng nhất của Quảng Bình, PN-KB được sự quan tâm rất lớn của các cấp, các ngành. Trong thời gian qua, hàng chục tỷ đồng từ ngân sách Trung ương và địa phương đã đầu tư vào đây để xây dựng cơ sở hạ tầng. Nhiều công trình đã được đưa vào sử dụng như: bãi chứa rác thải, bãi đỗ xe, đường giao thông nội vùng, bến thuyền... Một số công trình đang triển khai xây dựng như: hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống lưới điện, mạng lưới bưu chính viễn thông.

Tuy nhiên, có thể nhận thấy cơ sở hạ tầng ở PN-KB chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển du lịch ở đây. Hệ thống thoát nước chưa được xây dựng; hệ thống xử lý nước thải, rác thải chưa có; hệ thống cấp nước sạch đang được xây dựng, nhưng công suất không đáp ứng được nhu cầu tăng quá nhanh của khách du lịch; các dịch vụ y tế, cấp cứu chưa được triển khai; các phòng thí nghiệm, trạm quan trắc môi trường chưa có...

- *Về cơ sở lưu trú và kinh doanh ăn uống*: Bên cạnh cơ sở hạ tầng được nhà nước chú trọng đầu tư, các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh du lịch chưa thật chú trọng xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch. Hiện nay, tại PH-KB mới chỉ có 6 cơ sở lưu trú quy mô nhỏ, đạt tiêu chuẩn tối thiểu với tổng số 75 phòng. Các cơ sở lưu trú này chỉ có thể phục vụ các đoàn du khách có số lượng ít, yêu cầu chất lượng phòng ngủ không cao. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến hầu như tất cả khách du lịch đến PN-KB chỉ đi về trong ngày mà không ngủ lại qua đêm. Cũng như cơ sở lưu trú du lịch, các nhà hàng kinh doanh ăn uống tại PN-KB hiện nay phần lớn có quy mô nhỏ, mang nặng

tính gia đình. Chất lượng các món ăn chưa cao không cao, ít được cải tiến theo nhu cầu của khách. Nhân viên phục vụ phần lớn không được qua đào tạo mà chủ yếu là con em trong gia đình. Việc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường đang là vấn đề lớn.

- *Các cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch khác:* Có thể nhận thấy, các cơ sở vật chất kỹ thuật khác phục vụ du lịch ở PN-KB hiện nay còn quá nghèo nàn. Khu vui chơi giải trí, trung tâm thương mại, siêu thị chưa có; các dịch vụ như bưu điện, y tế chưa được xây dựng. Các dịch vụ khác như điểm truy cập internet; chăm sóc sức khoẻ, chăm sóc sắc đẹp; trung tâm thể thao; dịch vụ ăn uống, giải trí chưa có.

- *Phương tiện vận chuyển khách du lịch:* Du khách đến với PN-KB chủ yếu bằng đường bộ (có thể tiếp cận PN-KB bằng đường thủy dọc theo sông Gianh rồi lên sông Son, nhưng tuyến đường thủy này chưa được triển khai). Du khách từ Trung tâm đón khách Phong Nha đi bằng thuyền máy với thời gian khoảng 30 phút để đến thăm động Phong Nha và động Tiên Sơn. Hiện nay, ở PN-KB có đội thuyền với gần 300 thuyền vận chuyển khách. Hầu hết các thuyền này chưa đủ tiêu chuẩn để vận chuyển khách (tiếng ồn của động cơ quá lớn, ô nhiễm khí thải, chỗ ngồi cho khách không thoải mái). Thực chất đây là các thuyền vận chuyển hàng hoá (cát, sạn...) của cộng đồng dân cư địa phương dọc sông Son. Vào mùa ngoài du lịch (từ tháng 10 đến tháng 2 năm sau) khi số lượng khách du lịch đến quá ít, các thuyền một vài ngày mới có một chuyến chở khách du lịch (phải xếp hàng theo thứ tự), nên các chủ thuyền dùng thuyền để vận chuyển hàng hoá. Thu nhập từ vận chuyển hàng hoá là nguồn thu nhập đáng kể cho cộng đồng dân cư vùng Phong Nha-Kẻ Bàng từ trước khi du lịch ở đây chưa phát triển (ở PN-KB, đặc biệt là ở xã trung tâm Sơn Trạch đất nông nghiệp trung bình trên hộ gia đình rất ít, nên người dân phải tìm nhiều kế sinh nhai, trong đó có vận chuyển hàng hoá bằng thuyền máy).

#### **2.3.1.4. Lực lượng lao động:**

Hiện nay, Trung tâm Du lịch văn hoá và sinh thái thuộc Ban Quản lý VQG đang trực tiếp quản lý, kinh doanh các hoạt động du lịch tại khu Trung tâm đón khách Phong Nha. Trung tâm hiện có 135 cán bộ, nhân viên, trong đó 50% có trình độ Đại học. Ngoài ra, trong Trung tâm đón khách Phong Nha còn có trên 1.100 lao động trực tiếp cung cấp, phục vụ các dịch vụ du lịch như: Vận chuyển du khách bằng thuyền: 600 người, thợ nhiếp ảnh: 300 người, bán hàng lưu niệm, giải khát...: 200 người. Phần lớn những người lao động nay là người dân địa phương, trình độ văn hoá không cao và chưa được qua đào tạo các nghiệp vụ về du lịch.

Ngoài ra, xung quanh Trung tâm đón khách Phong Nha có hàng ngàn lao động trực tiếp kinh doanh ăn uống, lưu trú, cung cấp các dịch vụ cho du khách. Số lao động này cũng phần lớn là người dân địa phương chưa được qua đào tạo.

#### **2.3.2. Đánh giá thực trạng phát triển du lịch bền vững ở VQG Phong Nha-Kẻ Bàng**

Vườn Quốc gia Phong Nha-Kẻ Bàng là vùng sinh thái nhạy cảm, trong đó giá trị tài nguyên rất lớn, dễ bị tổn thương khi vùng được sử dụng cho mục tiêu phát triển du lịch. Phong Nha-Kẻ Bàng là nơi có tính đa dạng sinh học cao và là nơi sinh sống của các dân tộc ít người có trình độ học vấn thấp, kinh tế khó khăn. Phát triển du lịch ở Phong Nha-Kẻ Bàng là giải pháp hữu hiệu góp phần xoá đói giảm nghèo, hạn chế chặt tẻ nạn phá rừng và săn bắt động vật hoang dã. Tuy nhiên, việc phát triển du lịch một cách ô ạt, không bền vững sẽ dẫn đến những suy thoái nặng nề cho vùng sinh thái nhạy cảm này. Chính vì vậy, phát triển du lịch bền vững ở PN-KB là rất cần thiết để giữ gìn Di sản Thiên nhiên Thế giới cho các thế hệ mai sau.

Để đánh giá thực trạng phát triển du lịch hiện nay ở Di sản Thiên Nhiên Thế giới Phong Nha-Kẻ Bàng có bền vững hay không, Luận án sử dụng hai phương pháp đánh giá là đánh giá dựa vào "sức chứa" của khu du lịch và dựa vào hệ thống chỉ tiêu môi trường để đánh giá nhanh tính bền vững của khu du lịch.

### ***2.3.2.1. Đánh giá tính bền vững của các hoạt động du lịch ở Phong Nha-Kẻ Bàng dựa vào "sức chứa":***

Có thể nhận thấy, áp dụng phương pháp đánh giá hoạt động du lịch ở PN-KB dựa vào sức chứa là tương đối dễ và với các hoạt động du lịch hiện nay ở đây là rất phù hợp bởi vì, khu du lịch này có những đặc tính sau:

- Tính đồng nhất về đối tượng du lịch khá cao (hiện nay, mới chỉ có loại hình du lịch là tham quan động Phong Nha và động Tiên Sơn, các loại hình du lịch khác đang trong giai đoạn hình thành).
- Kích thước nơi diễn ra các hoạt động du lịch không lớn (hầu như toàn bộ các hoạt động du lịch chỉ diễn ra ở khu trung tâm xã Sơn Trạch trên một diện tích không lớn và hai động Phong Nha và Tiên Sơn).
- Độ cô lập cao, hầu như tách khỏi các khu vực hoạt động dân sinh khác.
- Độ đồng nhất cao của du khách (trên 98% là du khách nội địa với mục đích chủ yếu hiện nay là tham quan hang động).

Mặc dù Vườn Quốc gia PN-KB có diện tích rất lớn là 147.945 ha, nhưng hầu hết mọi hoạt động du lịch chỉ diễn ra trên một phạm vi rất nhỏ; bao gồm hai động Phong Nha, động Tiên Sơn và Trung tâm Du lịch Phong Nha (khu trung tâm xã Sơn Trạch). Xã Sơn Trạch thuộc huyện Bố Trạch là xã miền núi, dân số không đông và tương đối cô lập, tách khỏi các khu vực đông dân cư khác. Trên thực tế, khách du lịch hiện nay đến tham quan PN-KB là chỉ đến thăm động Phong Nha, động Tiên Sơn (sản phẩm du lịch ở đây chỉ đơn thuần là tham quan hang động) và chính vì thế, rất nhiều người hiểu nhầm rằng, Di

sản Thiên nhiên Thế giới PN-KB chỉ là động Phong Nha và hệ thống hang động. Hiện nay, các loại hình du lịch khác như: du lịch sinh thái, du lịch làng bản các dân tộc ít người, du lịch văn hoá lịch sử, du lịch kết hợp với nghiên cứu khoa học, kết hợp với bảo tồn... ở Phong Nha-Kẻ Bàng đang còn trong giai đoạn hình thành.

Hoạt động du lịch ở PN-KB có tính thời vụ rất cao, chủ yếu tập trung vào thời gian từ tháng 3 đến tháng 9 hàng năm. Một mặt, do điều kiện khí hậu (từ tháng 10 đến tháng 2 năm sau là mùa mưa); mặt khác, do khách du lịch đến đây phần lớn là khách nội địa (chiếm trên 98%) nên phụ thuộc nhiều vào thời gian nghỉ hè của học sinh và các ngày lễ lớn. Vào thời gian cao điểm (nhất là vào các ngày lễ 30/4 và 1/5) số lượng du khách đến PN-KB đã đạt đến con số 5.000 - 8.000 người. Trong khi đó, theo các kết quả nghiên cứu tính toán và số liệu thực tế thì động Phong Nha, động Tiên Sơn chỉ có thể tiếp nhận tối đa khoảng 3.500 khách/ngày. Số lượng du khách tối đa 3.500 người ("sức chứa" hiện nay sẽ được tính toán cụ thể sau) mà khu Du lịch PN-KB có thể tiếp nhận được trong ngày là dựa trên một số cơ sở thực tế như sau:

- Lối vào và lối ra của động Phong Nha, động Tiên Sơn là một. Vì vậy, nếu số lượng khách du lịch vượt quá con số trên thì gây ra ùn tắc ở cửa ra vào, đồng thời nếu lưu lượng du khách trong động quá lớn sẽ ảnh hưởng đến sự an toàn của du khách.

- Sông Sơn dẫn du khách vào động Phong Nha và động Tiên Sơn tương đối nhỏ, nếu số lượng du khách quá lớn thì các bến thuyền trước cửa động sẽ quá tải, không đủ chỗ để neo đậu cho số lượng thuyền chở du khách lên xuống quá lớn, sự ùn tắc tất nhiên xảy ra.

- Năng lực của cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch hiện nay (như đã đề cập ở phần trước) tại Trung tâm đón khách Phong Nha không đảm bảo phục vụ cho số lượng du khách đông như thế.

- Với phương thức vận chuyển khách như hiện nay, mỗi thuyền chở một đoàn khách cả đi và về, cho nên trong thời gian khách tham quan động các chủ thuyền phải chờ khách để đón về. Chính vì vậy, số lượng thuyền (chờ khách về) tập trung quá lớn ở trong động Phong Nha và trước cửa hang, gây nên sự ùn tắc và sự lãng phí chờ đợi của các chủ thuyền.

Để có được sức chứa cụ thể của khu du lịch ta có thể tính toán sức chứa tại một số điểm nút (có sức chứa thấp nhất) là Trung tâm đón khách Phong Nha và tại hai động Phong Nha và Tiên Sơn, những nơi thường bị ùn tắc khi số lượng khách du lịch quá đông.

+ *Tại Trung tâm đón khách Phong Nha:*

Ngoài bãi đỗ xe, Trung tâm đón khách có diện tích 5.000 m<sup>2</sup> để đón khách, giới thiệu về Phong Nha-Kẻ Bàng, bán hàng lưu niệm, bán vé...Thời gian lưu lại của du khách tại Trung tâm khoảng 15 phút (0,25 giờ). Các dịch vụ ăn uống, giải khát nằm ở ngoài Trung tâm. Thời gian hoạt động của Trung tâm là 8 giờ (từ khoảng 8 giờ đến 16 giờ) và diện tích cần thiết cho mỗi du khách là 10 m<sup>2</sup>. Như vậy sức chứa hàng ngày của khu Trung tâm là:

$SC \text{ (khu Trung tâm)} = 5.000 \text{ m}^2/10 \text{ m}^2/\text{khách} \times 8 \text{ giờ/ngày} /0,25 \text{ giờ} = 16.000 \text{ khách/ngày}$

*Ghi chú:*  $8 \text{ giờ/ngày}/0,25 \text{ giờ} = 32 \text{ lần/ngày}$  là hệ số luân chuyển khách trong ngày.

+ *Tại động Phong Nha:*

Qua nhiều năm khảo sát, nghiên cứu, thì tại động Phong Nha, số lượng thuyền vào động bị hạn chế do bến thuyền trong động có sức chứa quá ít. Hiện nay, để đi tham quan hang Bi Ký (một trong những hang của động Phong Nha), khách du lịch mất khoảng 20 phút (1/3 giờ), sức chứa của bến thuyền trong hang Bi Ký là 12 chiếc (đây là số lượng thuyền lớn nhất mà bến thuyền ở hang Bi Ký có thể chứa được để thuyền vẫn có thể lưu thông ra vào được),



trung bình một chiếc thuyền chở 12 người. Như vậy sức chứa trung bình của động Phong Nha là:

SC (động PN) = 12 thuyền x 12 người/thuyền x 8 giờ/ngày/1/3 giờ = 3.456 khách/ngày.

+ *Tại động Tiên Sơn:*

Với chiều dài sử dụng cho du khách tham quan vào khoảng 400 m và chiều rộng trung bình là 10 m, diện tích động Tiên Sơn dành cho du khách là 4.000 m<sup>2</sup>. Nếu diện tích cần thiết cho mỗi du khách là 10 m<sup>2</sup> (nếu diện tích cho một du khách trong hang dưới 10 m<sup>2</sup> thì việc đi lại sẽ rất khó khăn và có thể xảy ra tình trạng thiếu không khí) và thời gian thăm động Tiên Sơn là 30 phút (không kể thời gian lên xuống động) thì sức chứa của động Tiên Sơn là:

SC (động Tiên Sơn) = 4.000 m<sup>2</sup>/10m<sup>2</sup>/người x 8 giờ/ngày x 1/2giờ = 6.400 khách/ngày

Như vậy, qua tính toán sức chứa hàng ngày hiện nay của khu du lịch Phong Nha-Kẻ Bàng là: 3.456 khách/ngày. Sức chứa cả năm đối với khu du lịch này là: SC (cả năm) = 3.456 khách/ngày x 7 tháng x 30 ngày/tháng = 725.760 khách/năm (tính trung bình mỗi năm mùa du lịch kéo dài 7 tháng). Rõ ràng, sức chứa hàng năm của khu du lịch lớn hơn gấp hai lần so với số lượng khách du lịch đến tham quan Phong Nha-Kẻ Bàng vào năm 2004. Tuy nhiên, vào những ngày cao điểm của mùa du lịch khi số lượng khách du lịch đến tham quan đạt trên 3.500 khách/ngày thì khu du lịch này thực sự đã quá tải.

Tóm lại, có thể nhận thấy hoạt động du lịch ở PN-KB hiện nay đã vượt quá khả năng tải của khu du lịch vào những ngày cao điểm. Nếu để tình trạng này kéo dài, sự phát triển du lịch không bền vững sẽ xảy ra; sự "bùng nổ" về du lịch sẽ gây nhiều tác động tiêu cực cả về kinh tế, môi trường và xã hội. Trong thời gian tới, việc mở rộng không gian du lịch (tạo thêm các sản phẩm

du lịch mới ở các điểm khác trong Phong Nha-Kẻ Bàng; mở thêm các tuyến du lịch sinh thái, đi bộ ngắm cảnh, ngắm chim, động vật hoang dã, mở rộng các loại hình dịch vụ..); nâng cấp cơ sở hạ tầng, tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch; thay đổi phương tiện và cải tiến phương thức vận chuyển khách du lịch hiện hành là những giải pháp quan trọng để mở rộng sức chứa của khu du lịch. Có như vậy, khu du lịch Phong Nha-Kẻ Bàng mới tăng được sức chứa và có thể đón thêm số lượng lớn khách du lịch đến tham quan, thưởng ngoạn.

### ***2.3.2.2. Đánh giá hoạt động của du lịch tại PN-KB dựa vào hệ thống chỉ thị đánh giá nhanh tính bền vững của điểm du lịch:***

Bằng phương pháp đánh giá PRA (Phương pháp đánh giá nhanh có sự tham gia của cộng đồng), tính bền vững của các hoạt động du lịch ở vườn Quốc gia Phong Nha-Kẻ Bàng được đánh giá dựa vào 4 bộ chỉ tiêu về đáp ứng nhu cầu của du khách, bộ chỉ tiêu để đánh giá tác động của du lịch lên phân hệ sinh thái tự nhiên, bộ chỉ tiêu đánh giá tác động lên phân hệ kinh tế và bộ chỉ tiêu đánh giá tác động của du lịch lên phân hệ xã hội-nhân văn. Trong mỗi bộ chỉ tiêu, các chỉ tiêu cụ thể (như đã nêu trong Hệ thống chỉ tiêu môi trường dùng để đánh giá nhanh tính bền vững của khu du lịch ở Chương I) sẽ được đánh giá một cách chi tiết.

#### *- Về đáp ứng nhu cầu của du khách:*

Nhìn chung, qua các cuộc khảo sát, du khách đến tham quan PN-KB tương đối hài lòng về các dịch vụ hiện nay ở đây. Việc tổ chức các dịch vụ như giới thiệu về khu du lịch, bán vé, vận chuyển khách, hướng dẫn du lịch được triển khai tương đối tốt và trên 80% khách du lịch hài lòng về các dịch vụ này. Tuy chưa có các cuộc điều tra chính thức về tỷ lệ số khách du lịch quay trở lại tham quan PN-KB, nhưng qua các cuộc phỏng vấn du khách, qua điều tra của Sở Thương mại Du lịch Quảng Bình và Trung tâm Du lịch

Sinh thái - Văn hoá Phong Nha cũng như xem xét nguồn khách du lịch đến tham quan, có thể nhận thấy tỷ lệ phần trăm khách du lịch quay trở lại tham quan PN-KB là không lớn, chỉ chiếm vào khoảng 15%. Nguyên nhân chủ yếu là sản phẩm du lịch ở đây còn quá đơn điệu và nhiều năm qua chưa có những sản phẩm du lịch mới. Ngoài việc tham quan động Phong Nha và động Tiên Sơn, du khách hầu như không còn điểm nào để thưởng ngoạn nữa. Vào những ngày cao điểm, khi số lượng du khách vượt quá sức chứa, chất lượng phục vụ du lịch ở đây không được đảm bảo, gây nhiều bức xúc cho khách tham quan.

Theo số liệu điều tra cũng như kết quả phỏng vấn khách du lịch của Sở Thương mại và Du lịch Quảng Bình trong những năm qua, hầu hết khách du lịch đến tham quan PN-KB không ở lại lưu trú qua đêm mà chỉ đi về trong ngày. Tỷ lệ khách lưu trú qua đêm (chỉ một đêm) ở Phong Nha-Kẻ Bàng chưa đến 1% và do đó, số ngày lưu trú bình quân là 1 ngày/khách. Nguyên nhân chủ yếu như đã nêu trên là sản phẩm du lịch quá nghèo nàn. Thêm vào đó, hiện tại ở Phong Nha mới chỉ có 6 cơ sở lưu trú quy mô nhỏ, đạt tiêu chuẩn tối thiểu với 75 phòng; các dịch vụ khác như vui chơi giải trí, truy cập internet, siêu thị, trung tâm thương mại không có.

Trong thời gian vừa qua, việc đảm bảo an toàn, sức khoẻ cho du khách ở PN-KB rất được chú trọng. Các biện pháp đảm bảo an toàn đường thuỷ, an toàn đi lại trong các động cho khách du lịch đã được triển khai có hiệu quả. Mặc dù số lượng thuyền vận chuyển khách du lịch ở PN-KB là rất lớn (trên 300 thuyền) và các chủ phương tiện là người địa phương, nhưng với sự trợ giúp của các cấp, các ngành, các chủ phương tiện đã được tập huấn, được học tập, đảm bảo đủ tiêu chuẩn vận chuyển du khách bằng đường thuỷ. Ngoài ra, các biển báo hiệu dọc sông Son từ Trung tâm đón khách đến động Phong Nha đã được lắp đặt để đảm bảo cho thuyền bè đi lại được an toàn. Chính vì vậy, trong suốt quá trình kinh doanh vận chuyển khách du lịch, hầu như chưa có vụ tai nạn nào xảy ra ở PN-KB.

Tuy nhiên, hiện nay ở PN-KB dịch vụ về y tế, chăm sóc sức khỏe và cấp cứu phục vụ khách du lịch chưa được triển khai. Cách Trung tâm đón khách Phong Nha khoảng 1 km có Trạm Y tế có nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng dân cư địa phương dọc tuyến đường Hồ Chí Minh. Trung tâm Y tế xã Sơn Trạch đến nay vẫn chưa có địa điểm để xây dựng sau khi có quy hoạch phải dời đi. Ngoài ra, một số dịch vụ thể thao như sân tennis, sân gôn, sân bóng chuyền, chèo thuyền, bể bơi... chưa có.

*- Đánh giá tác động của du lịch lên phân hệ sinh thái tự nhiên:*

Kể từ khi đón những người khách du lịch đầu tiên cho mãi đến năm 2002, PN-KB không hề có hệ thống thu gom và xử lý chất thải. Tuy nhiên, do lượng chất thải còn ít và các đơn vị, hộ kinh doanh du lịch rất có ý thức trong việc tự xử lý chất thải nên việc ô nhiễm môi trường chưa xảy ra nghiêm trọng. Năm 2002, từ nguồn vốn ngân sách cho cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch, PN-KB đã xây dựng được một bãi chứa rác thải, được trang bị một xe thu gom rác thải và hệ thống thùng nhựa đựng chất thải. Hiện nay, công tác thu gom rác thải, giữ gìn môi trường ở khu vực Trung tâm Phong Nha do Công ty TNHH Tràng An đảm nhận. Đây là công ty tư nhân tự hoạch toán kinh doanh, nhưng có sự hỗ trợ một phần kinh phí từ nguồn thu bán vé tham quan động Phong Nha và động Tiên Sơn (mức hỗ trợ là 1% trên tổng doanh thu). Tuy nhiên, hoạt động thu gom và xử lý rác thải ở PN-KB hiện nay chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển du lịch bền vững. Công ty TNHH Tràng An chỉ thu gom rác thải, vận chuyển ra bãi rác để chôn lấp. Đây là một công ty tư nhân và các hoạt động hầu như phụ thuộc hoàn toàn vào hỗ trợ của Nhà nước; sự đóng góp của doanh nghiệp, các cơ sở kinh doanh cho công tác bảo vệ môi trường không đáng kể. Hoạt động xử lý rác thải, nước thải chưa được triển khai.

Như đã trình bày ở trên, do số lượng du khách lưu trú qua đêm ở PN-KB còn quá ít, nên lượng điện, lượng nước tiêu thụ trên đầu khách du lịch không

lớn. Hiện nay, hệ thống cung cấp nước sạch cho PN-KB đang được triển khai xây dựng và mạng lưới cung cấp điện chuẩn bị được nâng cấp, cải tạo; đủ phục vụ cho một Thị tứ Du lịch trong tương lai.

Đến nay, ở PN-KB chỉ mới đưa khách tham quan động Phong Nha và động Tiên Sơn. Các công trình xây dựng còn rất ít, các điểm tham quan mới, các sản phẩm du lịch mới đang trong gian đoạn nghiên cứu, chuẩn bị triển khai. Chính vì vậy, diện tích cảnh quan bị xuống cấp, các công trình xây dựng không phù hợp với kiến trúc bản địa là không đáng kể. Cái khó khăn nhất của PN-KB hiện nay là nhu cầu đầu tư phát triển du lịch ở đây rất lớn, nhiều công ty đã chuẩn bị các dự án đầu tư nhưng Quy hoạch tổng thể cũng như Quy hoạch chi tiết phát triển du lịch ở đây lại chưa có. Hiện nay, tỉnh Quảng Bình với sự hỗ trợ của Tổng Cục Du lịch đang mời các chuyên gia nước ngoài đến tư vấn cho các quy hoạch này. Tuy nhiên, do chưa có quy hoạch và các xã ở VQG là những xã miền núi (nên không thể áp dụng Quy chế quản lý đô thị), cho nên một số hộ gia đình đã tự xây cất nhà cao tầng (trên đất thổ cư lâu đời của họ) với kiến trúc không phù hợp với cảnh quan thiên nhiên và kiến trúc bản địa. Khu vực Trung tâm Phong Nha đã có quy hoạch. Tuy nhiên, chính quyền địa phương quản lý quy hoạch chưa thật nghiêm túc. Tình trạng xây dựng, trồng cây trái phép với mục đích đền bù khi triển khai các dự án vẫn còn phổ biến.

Ban Quản lý Vườn Quốc gia PN-KB đã và đang phối hợp chặt chẽ với các cấp, các ngành, các địa phương tích cực đấu tranh chống khai thác, vận chuyển, buôn bán lâm sản, động vật hoang dã trái phép. Nhìn chung, công tác này đã có nhiều tiến bộ đáng kể. Số lượng các vụ khai thác, vận chuyển, buôn bán lâm sản, động vật hoang dã trái phép bị xử lý đã giảm nhiều so với trước. Tuy nhiên, ở một số địa bàn, các hoạt động này vẫn còn lén lút xảy ra, nhiều nhà hàng ăn uống vẫn còn kinh doanh các đặc sản rừng (mặc dù UBND tỉnh

Quảng Bình đã có chỉ thị cấm kinh doanh ăn uống các đặc sản rừng); tình trạng buôn lậu gỗ quý hiếm có giá trị rất cao như huê mộc, mun sọc... vẫn xảy ra tương đối thường xuyên.

*- Đánh giá tác động của du lịch lên phân hệ kinh tế:*

Các hoạt động du lịch ở PN-KB thời gian qua đạt được nhiều kết quả khả quan và ngành du lịch cũng đã có nhiều đóng góp cho nền kinh tế của địa phương. Tuy nhiên, nguồn vốn đầu tư du lịch cho các phúc lợi xã hội của địa phương còn rất hạn chế. Phong Nha-Kẻ Bàng nói riêng và Quảng Bình nói chung vẫn chưa xây dựng được cơ chế đầu tư cho các công trình phúc lợi xã hội từ nguồn thu của các hoạt động du lịch. Chính vì vậy, các công trình phúc lợi xã hội của địa phương vẫn trông chờ chủ yếu vào ngân sách Nhà nước hạn hẹp.

Một trong những thành quả lớn nhất mà du lịch PN-KB đạt được trong những năm qua là sự tham gia của cộng đồng dân cư địa phương vào các hoạt động du lịch. Du lịch đã giải quyết cho cư dân địa phương gần 600 việc làm trong vận chuyển khách, trên 300 thợ nhiếp ảnh và hàng trăm lao động cho các dịch vụ khác như ăn uống, bán hàng lưu niệm và các dịch vụ khác. Du lịch đã làm thay đổi bộ mặt của xã Sơn Trạch; từ một xã nghèo miền núi trở thành một xã có thu nhập cao nhất của cả tỉnh, đời sống nhân dân được nâng lên, số hộ nghèo giảm rõ rệt. Tuy nhiên, do các hoạt động du lịch phần lớn chỉ diễn ra ở khu vực Trung tâm đón khách (thuộc xã Sơn Trạch), vì vậy cộng đồng dân cư các dân tộc ít người ở PN-KB hầu như chưa tham gia vào các hoạt động du lịch. Trên thực tế, các hoạt động du lịch vẫn chưa đem lại lợi ích cho đồng bào các dân tộc ít người ở đây; chưa tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập, giảm áp lực lên môi trường sinh thái.

Nhìn một cách tổng thể, du lịch Phong Nha-Kẻ Bàng không chỉ góp phần tăng trưởng kinh tế cho vùng Phong nha-Kẻ Bàng mà còn đóng góp rất

quan trọng cho nền kinh tế của tỉnh. Nhờ có Phong Nha-Kẻ Bàng du lịch Quảng Bình đã có bước đột phá. Năm 2004, Quảng Bình đã đón trên 610.000 lượt khách vượt chỉ tiêu đề ra cho năm 2005 là 500.000 lượt khách; tổng doanh thu đạt trên 70 tỷ đồng. Du lịch Quảng Bình đã góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo công ăn, việc làm, tăng thu nhập cho người dân, góp phần xoá đói giảm nghèo. Du lịch Quảng Bình đang thực sự dần dần trở thành nền kinh tế quan trọng của tỉnh nhà.

Với tốc độ tăng trưởng cao trong thời gian vừa qua, nhu cầu về xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch và các dự án phát triển du lịch ở vùng PN-KB là rất lớn. Tuy nhiên, chi phí vật liệu địa phương (sản xuất ở trong tỉnh) cho các công trình xây dựng phục vụ du lịch còn rất thấp so với tổng chi phí xây dựng. Hầu hết nguyên vật liệu xây dựng, trang thiết bị đều phải đưa từ nơi khác đến. Các công trình xây dựng chỉ sử dụng một số vật liệu xây dựng địa phương có giá trị thấp như cát, sạn, gạch.

Cùng với sự phát triển của du lịch, nền kinh tế của địa phương đã có những bước chuyển dịch tích cực nhằm cung cấp hàng hoá, dịch vụ cho ngành du lịch. Hiện nay, phần lớn hàng hoá phục vụ cho ngành du lịch như lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, nhiều loại hình dịch vụ đã được cung cấp từ các địa phương trong tỉnh. Quảng Bình cũng đã đề ra Chương trình phát triển hàng thủ công mỹ nghệ (một trong bốn Chương trình kinh tế trọng điểm) nhằm khôi phục các làng nghề truyền thống, du nhập các nghề mới mà địa phương có lợi thế về nguyên liệu, lao động, tay nghề để sản xuất các mặt hàng thủ công mỹ nghệ phục vụ cho xuất khẩu cũng như làm hàng lưu niệm phục vụ du khách. Tuy nhiên, Chương trình này đang gặp nhiều khó khăn và thực tế qua 4 năm thực hiện thì hầu hết các mục tiêu của Chương trình đề ra đều không đạt kế hoạch. Số lượng và chủng loại hàng lưu niệm sản xuất trên địa bàn từ nguồn nguyên liệu và nhân công địa phương hầu như không đáng kể.

*- Đánh giá tác động của du lịch lên phân hệ xã hội-nhân văn:*

Qua xem xét, đánh giá quá trình phát triển du lịch thời gian qua ở Phong Nha-Kẻ Bàng có thể nhận thấy tác động của du lịch lên phân hệ xã hội-nhân văn mang nhiều tính tích cực hơn là tiêu cực. Các tệ nạn xã hội liên quan đến du lịch như mại dâm, ma tuý, tội phạm...không có chiều hướng gia tăng và luôn nằm trong tầm kiểm soát của các cấp chính quyền địa phương. Nạn ăn xin, chèo kéo khách, cò môi... hầu như không có ở Phong Nha-Kẻ Bàng. Lối sống truyền thống của cộng đồng dân cư địa phương vẫn được giữ gìn, các sinh hoạt văn hoá truyền thống như các lễ hội, phong tục, tập quán vẫn được giữ vững và không bị thương mại hoá. Chất lượng của các di tích văn hoá-lịch sử được cải thiện thông qua công tác trùng tu, tôn tạo nhằm phục vụ du khách tốt hơn. Tuy nhiên, như đã đề cập ở trên, cộng đồng các dân tộc ít người ở Phong Nha-Kẻ Bàng hầu như chưa tham gia vào các hoạt động du lịch, chưa tiếp xúc với du khách, cho nên việc đánh giá tác động du lịch lên phân hệ xã hội-nhân văn đối với vùng lõi của VQG là chưa thể xác định được. Trong thời gian tới, khi hoạt động du lịch ở Phong Nha-Kẻ Bàng được mở rộng, khi mà du lịch Làng bản các dân tộc ít người được triển khai, khi mà đồng bào các dân tộc ít người ở đây tham gia trực tiếp vào các hoạt động du lịch-dịch vụ, thì cần có một đánh giá cụ thể, chính xác hơn tác động của du lịch lên lối sống truyền thống, phong tục tập quán, bản sắc văn hoá...của cộng đồng dân cư địa phương.

Chỉ số Doxey về bối rối trong du lịch: Doxey 1975, đã đề xuất chỉ số đo đạc mối quan hệ giữa du khách và cộng đồng dân cư địa phương trong vòng đời của một điểm du lịch. Theo IUCN 1998, chỉ số Doxey bao gồm các chỉ số: 1. *Phản phơ* (Hãng say phát triển du lịch; Cảm giác đôi bên thoả mãn; Nhiều cơ hội để địa phương tham gia; Nhiều nguồn tiền và nhiều quan hệ hay), 2. *Hững hờ* (Ngành công nghiệp du lịch mở rộng; Du khách như là một hiện tượng thường nhật; Quan tâm nhiều hơn đến kiếm lời; Quan hệ con người trở



nên hình thức hơn), 3. *Bức bối* (Ngành công nghiệp du lịch gần đạt đến điểm bão hoà; Có nhu cầu về mở rộng cơ sở vật chất kỹ thuật; Có sự can thiệp vào lối sống của người dân địa phương), 4. *Đối kháng* (Bức bối trở nên lộ liễu hơn; Khách du lịch bị coi như là một dấu hiệu của tất cả cái gì xấu xa; Lịch sự đòi bên tiến về con đường đối kháng), 5. *Giai đoạn cuối* (Môi trường thay đổi không thể tránh khỏi; Nguồn lực thay đổi và loại khách cũng thay đổi; Nếu điểm du lịch đủ lớn để đương đầu với loại hình du lịch ô ạt thì nó sẽ tiếp tục phát triển thêm một thời gian).

Qua nghiên cứu, khảo sát thực trạng phát triển du lịch những năm gần đây ở VQG PN-KB cho thấy, hiện nay du lịch PN-KB đang ở giai đoạn đầu của *Giai đoạn phát triển* (giai đoạn 3 của Vòng đời phát triển của điểm du lịch theo Wong, 1993). Trải qua *Giai đoạn phát hiện* (discovery), khi khách du lịch phát hiện và bị thu hút bởi cảnh quan thiên nhiên, hệ thống hang động của VQG PN-KB, thái độ của người dân địa phương đối với du khách rất thân thiện và cởi mở. Trong *Giai đoạn tham gia* (involvement), quan hệ chủ-khách vẫn thân thiện. Tuy nhiên, trong giai đoạn này, số lượng khách du lịch tăng nhanh đã nảy sinh sức ép lên lịch vực cơ sở hạ tầng, có cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch và dịch vụ công cộng. Hiện nay, du lịch PN-KB đang ở trong giai đoạn đầu của *Giai đoạn phát triển* (development). Số lượng khách du lịch tăng nhanh, nhiều dự án đầu tư phát triển du lịch được triển khai. Các mối quan hệ giữa khách du lịch với người dân địa phương, giữa các cơ sở kinh doanh du lịch địa phương và ngoài địa phương, giữa các cơ sở kinh doanh du lịch với các cơ sở không tham gia kinh doanh du lịch vẫn đang còn thân thiện. Trên thực tế, các mối mâu thuẫn, xung đột vẫn chưa xuất hiện. Xét về chỉ số Doxey, sự phát triển du lịch ở PN-KB hiện nay vẫn đang trong giới hạn kiểm soát được. Quan hệ giữa du khách với người dân địa phương vẫn cởi mở, thân thiện.

Tóm lại, dựa vào hệ thống chỉ tiêu môi trường dùng để đánh giá nhanh tính bền vững của điểm du lịch, sự phát triển của du lịch hiện nay ở Phong Nha-Kẻ Bàng được đánh giá là vẫn nằm trong tầm kiểm soát, vẫn có tính bền vững tuy không cao. Một số chỉ tiêu như tỷ lệ du khách quay trở lại, số ngày lưu trú, mức độ tiêu thụ các sản phẩm động thực vật quý hiếm, vốn đầu tư cho phúc lợi xã hội từ các hoạt động du lịch đang ở mức báo động cần phải có hướng giải quyết. Tuy nhiên, phần lớn các chỉ tiêu khác được đáp ứng tương đối tốt. Nhìn chung lại, phát triển du lịch hiện nay ở Phong Nha-Kẻ Bàng vẫn đáp ứng được nhu cầu của du khách, phân hệ sinh thái tự nhiên chưa bị suy thoái, phân hệ kinh tế có sự tăng trưởng cho cả doanh nghiệp và cộng đồng địa phương, phân hệ xã hội nhân văn vẫn giữ được bản sắc văn hoá truyền thống được tăng cường văn minh do mở rộng giao lưu với du khách.

### ***TÓM LẠI:***

1. Di sản Thiên nhiên Thế giới PN-KB có tiềm năng du lịch thiên nhiên và nhân văn rất đa dạng và phong phú. Ở đây có điều kiện thuận lợi để phát triển nhiều loại hình du lịch hấp dẫn, độc đáo; trong đó có nhiều loại hình du lịch thân thiện với môi trường và có tính bền vững cao như: du lịch sinh thái, du lịch kết hợp với nghiên cứu, du lịch làng bản các dân tộc ít người, đi bộ ngắm cảnh, du lịch hang động, du lịch mạo hiểm, du lịch văn hoá- lịch sử...

2. Trong những năm vừa qua, du lịch ở PN-KB đã có những bước tiến bộ vượt bậc; đã có nhiều đóng góp quan trọng cho nền kinh tế của địa phương; tạo nhiều công ăn việc làm, tăng thu nhập cho cộng đồng dân cư địa phương; góp phần xoá đói giảm nghèo; góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế; tạo điều kiện cho các ngành kinh tế khác phát triển. Đặc biệt, từ khi được công nhận là DSTNTG, PN-KB đã trở thành trung tâm du lịch của tỉnh và của cả nước, là động lực thúc đẩy du lịch trong vùng phát triển.

3. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý các hoạt động du lịch hiện nay ở PN-KB là chưa hợp lý. UBND tỉnh Quảng Bình cần phải ra quyết định thành Ban Quản lý Khu du lịch PN-KB để quản lý việc thực hiện quy hoạch và đầu tư phát triển; quản lý tài nguyên du lịch, vệ sinh môi trường, trật tự trị an; và quản lý các hoạt động kinh doanh dịch vụ thay cho mô hình hiện nay.

4. Sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương vào các hoạt động du lịch và bảo tồn ở PN-KB có ý nghĩa rất quan trọng trong phát triển du lịch bền vững. Tuy nhiên, qua đánh giá, nhiều tiêu chí của hoạt động du lịch tại PN-KB đang ở mức báo động trên khía cạnh phát triển bền vững. Số ngày lưu trú bình quân của du khách quá thấp, vốn đầu tư từ du lịch cho các công trình phúc lợi xã hội rất ít, việc thu gom và xử lý chất thải chưa tốt... là những yếu tố cần sớm được cải thiện nếu không muốn Di sản Thiên nhiên Thế giới bị đe dọa. Đặc biệt, vào những ngày cao điểm, số lượng du khách đã vượt quá sức chứa của khu du lịch. Thêm vào đó, cộng đồng các dân tộc ít người ở PN-KB hầu như chưa tham gia vào các hoạt động du lịch và du lịch thực sự chưa đem lại lợi ích cho họ. Nếu không có những giải pháp hữu hiệu như xây dựng các sản phẩm du lịch mới, mở thêm các tuyến du lịch, nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch, nâng cao hiểu biết và khuyến khích cộng đồng các dân tộc ít người tham gia vào các hoạt động du lịch...thì "sự bùng nổ" của du lịch ở Phong Nha-Kẻ Bàng trong thời gian gần đây sẽ là hiểm họa cho tương lai.

## **CHƯƠNG 3**

### **CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG Ở PHONG NHA-KÊ BÀNG**

#### **3.1. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH Ở PHONG NHA-KÊ BÀNG**

Quảng Bình hội đủ đặc trưng của các loại địa hình: đồng bằng, rừng núi, sông biển, hải đảo. Đặc điểm địa lý, khí hậu, sự hình thành cộng đồng dân cư và quá trình vận động xã hội đã tạo cho Quảng Bình một hệ thống giá trị du lịch thiên nhiên và nhân văn đa dạng, phong phú, trong đó đặc biệt có DSTNTG Phong Nha-Kẻ Bàng. Với những tiềm năng và lợi thế, Du lịch Quảng Bình đã được Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2001-2005 xác định là ngành kinh tế quan trọng của tỉnh. Trong dự thảo văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2006-2010, Du lịch được định hướng phát triển thành ngành kinh tế quan trọng có tính đột phá của Quảng Bình.

##### **3.1.1. Đối với Du lịch Quảng Bình**

###### **3.1.1.1. Mục tiêu phát triển du lịch ở Quảng Bình:**

- *Mục tiêu chung:* Nằm ở Bắc Trung Bộ, tỉnh Quảng Bình có tiềm năng du lịch rất đa dạng và phong phú để phát triển nhiều loại hình du lịch. Chương trình phát triển du lịch được đưa vào là một trong bốn Chương trình kinh tế trọng điểm của tỉnh. Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Bình lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2001-2005 đã định hướng "Phát triển nhanh du lịch thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh. Tăng cường đầu tư phát triển du lịch, trước hết là các tuyến, các điểm như: Khu Du lịch Phong Nha-Kẻ Bàng, Đông Hới-Đá Nhảy. Mở thêm các tuyến du lịch Đèo Ngang-Hòn La, Thạch Bàn, suối nước khoáng nóng Bang, đường Hồ Chí Minh..., mở thêm các tour du lịch trong

nước và ngoài nước. Coi trọng công tác đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ du lịch, nâng cao chất lượng phục vụ du lịch, tăng cường giữ gìn trật tự, bảo vệ môi trường sinh thái". Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Bình lần thứ XIV nhiệm kỳ 2006-2010 đã xác định "Du lịch là ngành kinh tế quan trọng của tỉnh có tính đột phá"

Xác định phát triển du lịch là thế mạnh của tỉnh, ngày 31 tháng 5 năm 2001, UBND tỉnh Quảng Bình đã ra quyết định số 17/2001/QĐ-UB triển khai "Chương trình phát triển du lịch Quảng Bình thời kỳ 2001-2005" với mục tiêu chung là: "Phát triển du lịch góp phần vào tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng dần tỷ trọng du lịch-dịch vụ trong GDP của tỉnh, tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho người dân, tạo nguồn thu ngoại tệ, tăng nguồn thu cho ngân sách, tạo tiền đề cho các ngành nghề khác phát triển, đảm bảo an toàn cho du khách, giữ gìn phát huy bản sắc văn hoá, gắn liền với bảo vệ môi trường sinh thái, đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội". Trong thời kỳ 2001-2005, Quảng Bình xác định Du lịch là ngành kinh tế quan trọng và đề ra mục tiêu du lịch sẽ là ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh trong những năm sau 2005.

- *Một số mục tiêu cụ thể* (Chương trình phát triển du lịch của tỉnh):

+ Phấn đấu đến năm 2005, Quảng Bình sẽ đón 500.000 lượt khách (tăng bình quân 20%/năm), trong đó có 10.000 lượt khách quốc tế.

+ Doanh số du lịch thuần tuý đạt 45 tỷ đồng (tăng trung bình 20%/năm) vào năm 2005.

+ Tăng thời gian lưu trú bình quân của du khách từ 1,01 ngày/khách năm 2000 lên 1,5 ngày/khách vào năm 2005.

### ***3.1.1.2. Định hướng phát triển không gian lãnh thổ du lịch:***

Tổ chức lãnh thổ du lịch là sự phân hoá không gian của du lịch, căn cứ trên sự phân bố tài nguyên du lịch, các điều kiện về cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch cùng với các mối liên hệ giữa các ngành, các địa

phương trong tỉnh. Tổ chức lãnh thổ du lịch là một bộ phận không thể tách rời các định hướng phát triển kinh tế-xã hội, yêu cầu về an ninh-quốc phòng của tỉnh cũng như định hướng phát triển sản phẩm du lịch của ngành. Dựa vào điều kiện môi trường du lịch tự nhiên và nhân văn, điều kiện kinh tế-xã hội, điều kiện cơ sở hạ tầng ..., Quảng Bình đã định hướng phát triển 4 tiểu vùng du lịch (khu du lịch) trọng điểm của tỉnh là: Khu Du lịch Phong Nha-Kẻ Bàng, Khu Du lịch Đồng Hới-Đá Nhảy, Khu Du lịch Vũng Chùa-Đảo Yến, Khu Du lịch suối nước khoáng nóng Bang.

- *Khu Du lịch Phong Nha-Kẻ Bàng*: Đây được xác định không chỉ là khu du lịch trọng điểm của tỉnh mà còn là của cả nước. Với cảnh quan thiên nhiên hoang sơ có vẻ đẹp độc đáo, tính đa dạng sinh học cao, hệ thống hang động kỳ vĩ, các làng bản dân tộc ít người với bản sắc văn hoá đặc sắc, với nhiều di tích văn hoá lịch sử, PN-KB có khả năng phát triển nhiều loại hình du lịch hấp dẫn. Tuy nhiên, là một Di sản Thiên nhiên Thế giới công tác bảo tồn và phát huy các giá trị của Di sản ở PN-KB phải được đặt lên hàng đầu. Cần có các giải pháp hữu hiệu để bảo vệ môi trường sinh thái, gìn giữ tài nguyên du lịch cho các thế hệ mai sau.

Phong Nha-Kẻ Bàng là khu du lịch có tính đột phá của tỉnh, là hạt nhân, là động lực hỗ trợ cho các khu du lịch khác trong tỉnh phát triển. Tất cả các tuyến du lịch trong tỉnh đều lấy PN-KB là điểm nhấn của chương trình. Đối với du khách, đến Quảng Bình, trước hết là đến với PN-KB (qua khảo sát của Phòng Du lịch-Sở Thương mại và Du lịch Quảng Bình thì khoảng 80% du khách đến Quảng Bình tham quan PN-KB).

- *Khu Du lịch Đồng Hới - Đá Nhảy*: Đây là Khu du lịch trung tâm của cả tỉnh, có nhiều thuận lợi về cơ sở hạ tầng, điều kiện kinh tế-xã hội, tài nguyên du lịch. Đặc biệt, sau khi thị xã Đồng Hới được Thủ tướng Chính phủ ký quyết định nâng cấp lên Thành phố (năm 2004) và sân bay Đồng Hới được khởi

công xây dựng lại để đưa vào sử dụng vào cuối năm 2006, thì du lịch ở đây càng có điều kiện để phát triển. Đồng Hới, Đá Nhảy được thiên nhiên ban tặng nhiều cảnh quan thiên nhiên tuyệt đẹp; nhiều bãi biển hoang sơ, độc đáo như: Nhật Lệ, Bảo Ninh, Quang Phú, Nhân Trạch và đặc biệt là Đá Nhảy, nơi núi biển hoà quyện vào nhau. Đồng Hới cũng là nơi tập trung nhiều nhất các di tích văn hoá-lịch sử của cả tỉnh như Quảng Bình Quan, Luỹ Đào Duy Từ, Thành Đồng Hới, bến đò Mẹ Suốt... Với vị trí chiến lược và là nơi hội tụ các tuyến đường giao thông (đường bộ, đường sắt, đường hàng không, đường biển), Đồng Hới không chỉ là Khu Du lịch trung tâm của cả tỉnh mà còn là nơi trung gian đón và nhận khách du lịch từ các tuyến du lịch trong cả nước.

- *Khu Du lịch Vũng Chùa-Đảo Yến*: Nằm ở phía Bắc của tỉnh, Khu Du lịch Vũng Chùa-Đảo Yến được xác định không chỉ thu hút du khách đến tham quan mà còn là nơi tiếp nhận các tour du lịch từ phía Bắc đến Quảng Bình trước khi đi tham quan PN-KB, Đồng Hới; các tour du lịch bằng đường biển qua cảng biển Hòn La; các tour du lịch quốc tế từ Lào, Đông-Bắc Thái Lan qua đường 8 (cửa khẩu Quốc tế Cầu Treo), đường 9 (cửa khẩu Quốc tế Lao Bảo) và đường 12 (cửa khẩu Quốc tế Cha Lo) trong tương lai. Định hướng sản phẩm du lịch ở Vũng Chùa-Đảo Yến là du lịch biển (nghỉ dưỡng, thám hiểm các rặng san hô trắng và đen ở trong vịnh Vũng Chùa, các đảo trong vùng, thể thao biển...) kết hợp với tham quan các di tích văn hoá-lịch sử như Hoàn Sơn Quan được xây dựng dưới thời Minh Mạng năm thứ 14 (năm 1833), Đền thờ Công chúa Liễu Hạnh được xây dựng từ thời Thiên hiệu Hậu Lê (1557), làng nghề truyền thống, làng chiến đấu Cảnh Dương...

- *Khu Du lịch suối nước khoáng nóng Bang*: Nằm cách thành phố Đồng Hới 60km về phía Nam, trên địa bàn xã Kim Thủy-huyện Lệ Thủy, suối nước khoáng thiên nhiên Bang là nguồn nước khoáng duy nhất tại Việt Nam có nhiệt độ sôi tại lỗ phun 105<sup>0</sup>C. Với nhiều nguyên tố vi lượng quý hiếm, nước

khoáng Bang đang trở thành nguồn nước khoáng có uy tín trên thị trường. Bên cạnh đó, suối nước khoáng nóng Bang nằm trong vùng rừng núi, với những đồi thông, sông suối, nhiều cảnh quan đẹp là địa điểm lý tưởng để đầu tư xây dựng khu du lịch nghỉ dưỡng, chữa bệnh, du lịch sinh thái.

Cùng với việc nghỉ dưỡng chữa bệnh, du lịch sinh thái trong rừng thông tại Bang, tuyến du lịch phía Nam Quảng Bình còn được gắn kết với nhiều di tích, danh thắng nổi tiếng. Trong tuyến du lịch này, du khách có thể viếng thăm nhà lưu niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp-Vị tướng tài của dân tộc nổi tiếng Thế giới; Nhà thờ và Lăng mộ Lê Thành Hâu Nguyễn Hữu Cảnh-Khai Quốc Công Thần mở cõi, định hình lãnh thổ Việt Nam đến mũi Cà Mau; thăm Chùa Non, núi Thần Đinh nổi tiếng (huyện Quảng Ninh); tham quan hồ An Mã, Bàu Sen với cảnh đẹp nên thơ và cũng như nhiều di tích văn hoá-lịch sử khác.

### **3.1.1.3. Các tuyến du lịch liên kết trong khu vực:**

- "*Con đường Di sản Thế giới*" tại miền Trung: Từ những kinh nghiệm và những thành công của Con đường Romantic - Đức hay Con đường lịch sử Kan Sai - Nhật Bản, các tỉnh miền Trung đã họp bàn và quyết định triển khai Chương trình liên kết du lịch "Con đường Di sản Thế giới".

Sở dĩ có tên "Con đường Di sản Thế giới" (CĐDSTG) là vì tuyến du lịch này đi qua 4 Di sản Thế giới là: Đô thị cổ Hội An, Thánh địa Mỹ Sơn, Cố đô Huế (Di sản Văn hoá) và Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng (Di sản Thiên nhiên). CĐDSTG được xem là một chương trình liên kết về du lịch giữa các địa phương, các đơn vị kinh doanh trong và ngoài ngành du lịch để khai thác một cách có hiệu quả hoạt động kinh doanh các loại hình dịch vụ du lịch trên địa bàn của các tỉnh miền Trung.

CĐDSTG được xem là một sáng kiến nhằm thu ngắn khoảng cách phát triển về mọi mặt giữa miền Trung so với hai đầu đất nước. CĐDSTG trải dài từ



thành phố Vinh (Nghệ An) qua Phong Nha- Kẻ Bàng đến Huế vào Đà Nẵng; Hội An- Mỹ Sơn (Quảng Nam), xuống phía Nam đến Ninh Thuận, lên Đà Lạt (Lâm đồng) với chiều dài 1.500 km trải dài theo bờ biển miền Trung và quốc lộ 1A. Mục tiêu của CDDSTG là bảo đảm tăng thêm sự đa dạng hoá các loại hình du lịch, đồng thời nâng cao chất lượng các sản phẩm du lịch của miền Trung; đóng góp một cách tích cực vào thị trường du lịch của các tỉnh miền Trung với số dân trên 20 triệu người, thu hút hơn 2 triệu du khách trong nước và quốc tế mỗi năm đến khu vực này. Lượng khách quốc tế đến miền Trung trong những năm gần đây tăng trung bình 20%/năm, lượng khách trong nước tăng 15%/năm. CDDSTG còn góp phần mở rộng Tuyến Du lịch hành lang Đông-Tây kết nối Việt Nam với các nước Lào, Thái Lan, Miến Điện và có thể vươn tới Ấn Độ. Đoạn cuối CDDSTG là thành phố Đà Lạt (Lâm Đồng) sẽ là điểm khởi đầu của tour du lịch “Con đường xanh Tây Nguyên” với loại hình du lịch đặc trưng là du lịch sinh thái kết hợp du lịch văn hoá lịch sử và kết thúc tại thành phố Đà Nẵng.

CDDSTG có chức năng phối hợp các tỉnh miền Trung để xúc tiến quảng bá các sản phẩm du lịch bằng nhiều hình thức đến các thị trường trong và ngoài nước; xây dựng các chương trình du lịch xuyên suốt trên địa bàn các tỉnh; tạo điều kiện hỗ trợ sản xuất, kinh doanh dịch vụ của các đơn vị thành viên; trao đổi kinh nghiệm phát triển du lịch bền vững ở khu vực này; tập hợp ý kiến của các đơn vị liên quan đến cải thiện môi trường du lịch các tỉnh miền Trung phản ánh lên Tổng Cục Du lịch và các cơ quan hữu quan; hỗ trợ tham gia triển lãm tại các Hội chợ trong nước và quốc tế và các hoạt động tương tự cho các thành viên; xúc tiến và tạo cơ hội phát triển quan hệ hợp tác giữa các đơn vị thành viên và các tổ chức khác, giữa CDDSTG tại miền Trung với các tổ chức tương tự ở trong và ngoài nước.

- "*Đường Hồ Chí Minh huyền thoại*": Ngày 19 tháng 05 năm 1959 theo

quyết định của Quân uỷ Trung ương, gần 500 cán bộ chiến sỹ được tuyển chọn tổ chức thành tiểu đoàn 301 làm nhiệm vụ mở đường Trường Sơn. Qua năm tháng hình thành và phát triển, tuyến chi viện đã có các tên: Đường 559, Đường Trường Sơn và Đường Hồ Chí Minh. Con đường chiến lược mang tên Bắc có ba nhiệm vụ trọng tâm: Là tuyến vận tải quân sự chiến lược cho chiến trường ba nước (miền Nam Việt Nam, Trung và Hạ Lào, và Đông Bắc Campuchia); là một hướng chiến trường quan trọng, phối hợp chiến đấu giữa ba nước với khẩu hiệu "Đánh địch mà đi, mở đường mà tiến"; là một căn cứ hậu cần rộng lớn, vững chắc cho các chiến trường của ba nước. Từ năm 1959 đến năm 1961, tuyến đường 559 chủ yếu đi bộ làm nhiệm vụ giao liên, đưa đón cán bộ, chuyển văn kiện vào ra Bắc-Nam. Sau đó gửi thô một ít vũ khí hạng nhẹ do tiểu đoàn 301 thực hiện với phương châm: "Đi không dấu, nấu không khói, nói không tiếng". Từ cuối năm 1961, Việt Nam và Lào phối hợp giải phóng một số điểm ở đường 9 trên đất Lào và bàn cho ta mở đường vận chuyển cơ giới phía Tây Trường Sơn. Từ đó, hệ thống đường Hồ Chí Minh phát triển thành một mạng lưới liên hoàn với chiều dài 16.790 km đường bộ, 1.500 km ống xăng dầu, 2.500 km đường giao liên, 1.200 km đường thông tin, 400 km đường sông, hàng ngàn km đường biển, đường hàng không. Tuyến đường Hồ Chí Minh đã vận chuyển trên 1 triệu tấn vũ khí, xăng dầu, thuốc men; đưa đón trên 4 triệu lượt bộ đội, cán bộ, thương binh; bắn rơi 2.451 máy bay; tiêu diệt và bắt sống hàng vạn bộ binh đối phương.

Trong hệ thống đường Hồ Chí Minh, đường Hồ Chí Minh trên đất Quảng Bình giữ vai trò cực kỳ quan trọng. Quảng Bình là xuất phát điểm của hệ thống đường 559 (đường Trường Sơn, đường mòn Hồ Chí Minh)-tuyến vận chuyển quan trọng nhất chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam trong cuộc chiến tranh thần thánh chống đế quốc Mỹ của dân tộc ta. Trong toàn bộ tuyến đường Trường Sơn thì không gian khó khăn nhất, gian khổ nhất, kỳ công nhất,

quyết liệt nhất, hy sinh nhiều nhất và lập thành tích lớn nhất chính là Cụm cửa khẩu vượt Trường Sơn phía Tây Quảng Bình, gồm các con đường 12, 20, 10, 16, 18 mà điểm xuất phát của chúng đều từ đường 15, Đông Trường Sơn, tỉnh Quảng Bình. Những địa danh quen thuộc như: Khe Ve, ngầm Rinh, phà Xuân Sơn, phà Long Đại (đường 15), Bãi Dinh, La Trọng, Cổng Trời (đường 12A), Chà Là, cua chữ A, ngầm Tà Lê, đèo Phu La Nhích (đường 20)... là những trọng điểm nổi tiếng ác liệt của toàn tuyến, trong đó cụm A.T.P (viết tắt của Cua chữ A, ngầm Tà Lê và đèo Phu La Nhích) là quyết liệt nhất. Trong quá trình 16 năm tồn tại của đường Trường Sơn (1959-1975) tất cả các loại đường từ gùi, thồ của buổi ban đầu Đoàn 559, đến đường giao liên đi bộ, đường ô tô cơ giới, đường sông, đường ống, thậm chí cả đường hàng không đều có mặt ở Quảng Bình. Có thể nói tuyến đường Hồ Chí Minh trên đất Quảng Bình là nơi thể hiện rõ nhất cái gọi là "Trận đồ bát quái" trong rừng rậm.

Cùng với sự đổi mới của đất nước, tuyến đường Hồ Chí Minh xuyên suốt chiều dài đất nước với hai nhánh đi qua Quảng Bình đang được khẩn trương hoàn thành. Tuyến đường Hồ Chí Minh của thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá tạo điều kiện hình thành các khu công nghiệp, khu đô thị, các vùng nguyên liệu cho công nghiệp, đồng thời tác động tích cực đến việc phát triển vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ít người, thực hiện xoá đói giảm nghèo, góp phần đảm bảo an ninh quốc phòng. Tuyến đường Hồ Chí Minh ngày nay là tuyến đường bộ thuận lợi nhất và nhanh nhất đưa du khách đến với "Di sản Thiên nhiên Thế giới" Phong Nha-Kẻ Bàng. Cùng với việc xây dựng đường Hồ Chí Minh, tuyến du lịch "Con đường huyền thoại" đang được tích cực triển khai nhằm đưa du khách tham quan chiến trường xưa và các di tích chiến tranh. Với mục đích giáo dục truyền thống cách mạng cho các thế hệ và thu hút du khách bốn phương, tuyến du lịch "Đường Hồ Chí Minh-Con

đường huyền thoại" đang ngày càng trở thành một tour du lịch hấp dẫn, nổi quá khứ với tương lai.

- *Tuyến Du lịch hành lang Đông Tây*: Quảng Bình nằm ở vị trí hết sức thuận lợi trên tuyến du lịch hành lang Đông-Tây, nối Việt Nam, Lào, Thái Lan và Miến Điện. Quảng Bình có đường 12 nối với tỉnh Khăm Muộn - Lào qua cửa khẩu Quốc tế Cha Lo - Nà Phàu. Tuyến đường này đã được cải tạo, nâng cấp và đưa vào sử dụng từ năm 2004. Đây là tuyến đường ngắn nhất nối Việt Nam với Lào (với thời gian trong vòng nửa ngày khách du lịch từ Thái Lan có thể đến với thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình). Ngoài ra, Quảng Bình nằm giữa hai tuyến đường khác là đường 8 (nối Hà Tĩnh với Lào qua cửa khẩu Quốc tế Cầu Treo) và đường 9 (nối Quảng Trị với Savanakhēt-Lào qua cửa khẩu Quốc tế Lao Bảo) nên rất thuận lợi cho du khách qua lại biên giới bằng nhiều cửa khẩu trong một chuyến đi. Trong những năm qua, nhiều mối quan hệ trên các lĩnh vực ngoại giao, du lịch, thương mại và đầu tư giữa ba tỉnh Quảng Bình (Việt Nam), Khăm Muộn (Lào) và Nakhon Phanôm (Thái Lan) đã được Lãnh đạo ba tỉnh quan tâm phát triển. Định kỳ hàng năm Đoàn Đại biểu cấp cao của ba tỉnh gặp nhau để trao đổi, bàn bạc nhằm đẩy mạnh quan hệ hợp tác trên các lĩnh vực; đặc biệt là trên lĩnh vực Du lịch-Thương mại. Với chính sách mới của Việt Nam cho phép xe du lịch tay lái nghịch của Thái Lan vào nước ta đã tạo ra điều kiện rất thuận lợi cho Tuyến Du lịch hành lang Đông-Tây phát triển mạnh mẽ hơn nữa.

### **3.1.2. Đối với Phong Nha-Kẻ Bàng**

#### **3.1.2.1. Mục tiêu phát triển du lịch ở Phong Nha-Kẻ Bàng:**

Trước khi Vườn Quốc gia PN-KB được UNESCO công nhận là Di sản Thiên nhiên Thế giới, Tổng Cục Du lịch đã quy hoạch Khu Du lịch Sinh thái Hang động Phong Nha-Kẻ Bàng là một trong 31 Khu Du lịch chuyên đề của cả nước và được ưu tiên đầu tư phát triển. Đối với Quảng Bình, Khu Du lịch

PN-KB được xác định là khu du lịch trọng điểm của cả tỉnh; là khu du lịch động lực thúc đẩy Du lịch Quảng Bình phát triển. Chính vì vậy mục tiêu chung cho phát triển du lịch ở PN-KB là "Phát triển Du lịch ở Di sản Thiên nhiên Thế giới Phong Nha-Kẻ Bàng một cách *bền vững* để nơi đây trở thành một trung tâm du lịch hấp dẫn, độc đáo của Quảng Bình và của cả nước; làm động lực thúc đẩy du lịch Quảng Bình và du lịch các tỉnh miền Trung phát triển; góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong vùng, tăng dần tỷ trọng du lịch-dịch vụ trong GDP; tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập, góp phần xoá đói giảm nghèo cho cộng đồng dân cư địa phương cả trong vùng lõi và vùng đệm của VQG".

Một số mục tiêu cụ thể (đến năm 2010):

- Đón 1 triệu lượt khách, trong đó 20% là khách du lịch quốc tế.
- Tổng doanh thu du lịch đạt 200 tỷ đồng.
- Thời gian lưu trú trung bình của khách đạt 2,5 ngày/lượt khách.

### ***3.1.2.2. Định hướng phát triển các sản phẩm du lịch ở Di sản Thiên nhiên Thế giới Phong Nha-Kẻ Bàng:***

Với tiềm năng du lịch thiên nhiên và nhân văn độc đáo, đặc sắc của mình, PN-KB có thể xây dựng được những sản phẩm du lịch hấp dẫn, thân thiện với môi trường sau đây:

- **Du lịch sinh thái:** Ngày nay, du lịch sinh thái là một trong những nhân tố phát triển nhanh nhất trong toàn bộ ngành du lịch. Không quá bất ngờ khi Liên Hợp Quốc lấy năm 2002 là "Năm quốc tế về Du lịch sinh thái". Đối với PN-KB, sản phẩm du lịch sinh thái là ưu tiên phát triển đầu tiên. PN-KB hội tụ các điều kiện thuận lợi để phát triển thành trung tâm Du lịch sinh thái không chỉ trong vùng mà còn của cả nước. Vườn Quốc gia PN-KB có tính đại diện cao cho một số hệ sinh thái điển hình, với tính đa dạng sinh học cao, có nhiều loài sinh vật đặc hữu có giá trị khoa học; có cảnh quan tự nhiên đẹp, hấp dẫn,

độc đáo; có các giá trị văn hoá đặc sắc của đồng bào dân tộc ít người. Ngoài ra, điều kiện về cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch được cải thiện, đáp ứng nhu cầu của các hoạt động du lịch. PN-KB ở gần các khu du lịch khác của tỉnh (trong vòng bán kính 40-50km) và nằm trên tuyến du lịch "Con đường Di sản miền Trung", "Đường Hồ Chí Minh huyền thoại" và tuyến du lịch hành lang Đông-Tây.

Với nhiều điều kiện thuận lợi, ở PN-KB có thể phát triển nhiều hình thức du lịch sinh thái như: đi bộ trong rừng (trên các tuyến Eo gió-Thung Nhãng-Giếng Voọc-Vô Vi-Huyền Trân, hàng Én... ); tham quan, nghiên cứu đa dạng sinh học; quan sát chim, động vật hoang dã (Thung lũng Sinh Tồn); du thuyền dọc sông Sơn, sông Chày...

- **Du lịch Hang động:** Cho đến nay, sau hơn 10 năm với 8 lần hợp tác thám hiểm và nghiên cứu hang động giữa Khoa Địa lý-Địa chất (Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội trước đây, khoa Địa lý-Trường Đại học Khoa học Tự nhiên hiện nay) với Hội Nghiên cứu Hang động Hoàng gia Vương Quốc Anh, hệ thống hang động ở PN-KB đã được phát hiện và đo vẽ chi tiết với tổng chiều dài đạt gần 100km. Trong khi đó, hiện nay mới chỉ có động Phong Nha và động Tiên Sơn được đưa vào khai thác (động Phong Nha có chiều dài 7.729m mà mới chỉ khai thác 700m từ ngoài cửa hang vào, động Tiên Sơn chỉ khai thác 300m trong tổng chiều dài trên 1.000m). Rõ ràng, tiềm năng khai thác hang động ở PN-KB phục vụ du lịch là còn rất lớn. Tuy nhiên, cần phải nghiên cứu điều kiện cụ thể cũng như sự độc đáo của từng hang động để đưa vào khai thác một cách có hiệu quả và đảm bảo về mặt môi trường, giữ gìn tính nguyên vẹn của di sản. Không nhất thiết phải xây dựng đường, kéo điện, bê tông hoá các lối đi, mà có thể vẫn để nguyên tính hoang sơ của các hang động, nhưng đồng thời phải tạo các điều kiện thuận lợi cho du khách đến tham quan. Đối với những hang động, cảnh quan hoang sơ không nên đưa chỉ tiêu

số lượng khách tham quan lên hàng đầu, mà phải nhằm vào các khách du lịch có mục tiêu.

Theo báo cáo mới nhất của Hội nghiên cứu hang động Hoàng Gia Vương Quốc Anh, trong lần thám hiểm thứ 9 (tháng 4/2005), đã khảo sát, đo vẽ thêm một số hang động mới với tổng chiều dài trên 12 km, trong đó có một số hang có điều kiện thuận lợi cho việc khai thác phục vụ du lịch.

**- Du lịch tham quan các di tích Văn hoá-Lịch sử:** PN-KB có một quần thể các di tích lịch sử-văn hoá và danh thắng bao gồm hệ thống các di tích văn hoá tiền sử và sơ sử, di tích văn hoá Chăm và văn hoá Việt cổ, di tích lịch sử đấu tranh cách mạng. Các di tích lịch sử-văn hoá trên tồn tại với mật độ cao, đặc biệt là trong hệ thống di tích lịch sử Quốc gia *Đường Hồ Chí Minh*. Cần phải bảo tồn, quản lý các di tích lịch sử-văn hoá với mục tiêu kiểm kê, đánh giá những giá trị của các di tích trong khu vực Phong Nha-Kẻ Bàng, đồng thời có kế hoạch tu bổ, tôn tạo và quản lý trong tương lai.

**- Du lịch các làng bản dân tộc ít người:** VQG PN-KB không chỉ nổi tiếng về địa chất địa mạo, tính đa dạng sinh học, hệ thống hang động, cảnh quan thiên nhiên mà về mặt dân tộc học cũng có nhiều điểm đáng chú ý. Đây là nơi sinh sống của của hai dân tộc chính là dân tộc Chứt và dân tộc Bru-Vân Kiều với nhiều tộc người khác nhau như Rục, Arem, Mày, Khùa, Ma Coong, trong đó có những tộc người chỉ còn lại vài trăm khẩu. Các dân tộc ít người ở PN-KB và bản sắc văn hoá đặc sắc của họ là đối tượng nghiên cứu của các lĩnh vực khoa học và đồng thời là địa chỉ địa chỉ hấp dẫn loại hình Du lịch các làng bản dân tộc ít người.

**- Du lịch kết hợp với nghiên cứu khoa học:** VQG PN-KB có một vị trí đặc biệt quan trọng trong hệ thống rừng đặc dụng của Việt Nam bởi sự rộng lớn và điển hình của hệ sinh thái vùng núi đá vôi. Kể từ năm 1990, nhiều công trình nghiên cứu, khảo sát về tính đa dạng sinh học, hệ thống hang động, cảnh

quan môi trường của các tổ chức, chuyên gia trong nước và quốc tế đã được triển khai. Tuy nhiên, do phạm vi VQG rất rộng lớn, địa hình lại rất hiểm trở cho nên việc nghiên cứu, khảo sát phần lớn chỉ tập trung ở một số tuyến vùng giáp ranh. Một phần diện tích rất lớn ở vùng trung tâm và vùng giáp với CHDCND Lào còn chưa được khảo sát, nghiên cứu. Chính ở những nơi đây còn ẩn chứa nhiều giá trị của rừng, hệ thực vật, hệ động vật, hệ thống hang động và cảnh quan. Chính vì vậy, loại hình du lịch kết hợp với nghiên cứu khoa học ở PN-KB có thể được phát triển và tập trung vào các nội dung chính như sau:

- Khảo sát, nghiên cứu, đánh giá toàn diện về động thực vật trên toàn bộ VQG về cơ bản để có thể thấy được giá trị của chúng và đưa ra các giải pháp bảo vệ có hiệu quả.

- Xây dựng các ô nghiên cứu định vị về rừng và môi trường nhằm nghiên cứu lâm học vùng núi đá vôi điển hình của cả nước.

- Nghiên cứu về đa dạng sinh học, sinh thái nhóm Khỉ hầu (Primates).

- Nghiên cứu phát triển, trồng các loài gỗ quý đặc biệt quý hiếm có giá trị kinh tế cao của Phong Nha-Kẻ Bàng như: Trầm hương, Mun sọc, Huê mộc, Tấu mật...

- Khảo sát toàn bộ hệ thống hang động trong vùng. Đo vẽ chi tiết để phân loại các hang động cho các mục đích khác nhau như: phục vụ cho mục đích du lịch, quân sự, kinh tế...

- Nghiên cứu điều tra phát hiện khảo cổ ở vùng núi đá vôi, một số hang động và rừng nguyên sinh, dự kiến còn có nhiều giá trị tiềm ẩn.

- Nghiên cứu về chế độ thủy văn, khí hậu trong vùng làm cơ sở xây dựng các kế hoạch phát triển.

- Xây dựng bản đồ chi tiết về thảm thực vật để đánh giá và theo dõi diễn biến của rừng, hiệu quả bảo vệ rừng của VQG và hiệu quả của các dự án qua các thời kỳ.



- **Du lịch thám hiểm:** Phong Nha-Kẻ Bàng là vùng có sự đa dạng về cấu trúc và địa tầng, là sản phẩm tổng hợp của quá trình hình thành và phát triển của vỏ Trái Đất. Đó là những điều kiện để tạo nên tính đa dạng của cảnh quan với nét độc đáo của địa hình karst, hệ thống hang động kỳ vĩ, sự đa dạng sinh học cao. Với những tiềm năng này, Phong Nha-Kẻ Bàng có thể xây dựng các tuyến du lịch thám hiểm dạng tổng hợp. Các tuyến du lịch thám hiểm này có thể được thiết kế trong vòng 1 ngày hoặc từ 3 đến 5 ngày. Một số tuyến du lịch thám hiểm có sức hấp dẫn và có tính khả thi cao như: Tuyến du lịch thám hiểm hang Phong Nha (hiện nay hang Phong Nha chỉ mới được khai thác 700m trên tổng chiều dài trên 7.000m đã được khảo sát); tuyến bản Đòng - hang Ёn - hang Khe Ry; tuyến du lịch hang Tối; tuyến bản Ban - hang Rục Cà Roòng, tuyến hang E - thung lũng Sinh Tồn...

### **3.2. CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG Ở PHONG NHA-KẸ BÀNG**

Để phát triển du lịch bền vững ở Di sản Thiên nhiên Thế giới VQG Phong Nha-Kẻ Bàng có ba nhóm giải pháp chính là: nhóm giải pháp phát triển du lịch bền vững về kinh tế, nhóm giải pháp phát triển du lịch bền vững về môi trường và nhóm giải pháp phát triển du lịch bền vững về xã hội.

#### **3.2.1. Nhóm giải pháp phát triển du lịch bền vững về kinh tế:**

##### ***3.2.1.1. Quy hoạch, quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch:***

Công tác quy hoạch là một trong những yếu tố quan trọng đầu tiên đảm bảo cho phát triển du lịch bền vững. Chúng ta không thể đầu tư xây dựng bất cứ khu du lịch nào nếu thiếu quy hoạch. Nhà nước cần phải quản lý chặt chẽ các dự án đầu tư phát triển du lịch và chỉ cho phép đầu tư khi đã có quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt. Trong quá trình quy hoạch tổng thể, quy hoạch chi tiết, lập các dự án khả thi đầu tư phát triển du lịch, cần có sự hợp tác chặt chẽ giữa các chuyên gia quy hoạch du lịch với các chuyên gia ở những

lĩnh vực liên quan, với Ban Quản lý Vườn Quốc gia, với chính quyền và cộng đồng địa phương.

Đối với PN-KB, giải pháp này là vô cùng quan trọng và cấp bách. Mặc dù được Tổng Cục Du lịch đưa PN-KB vào một trong 31 khu du lịch chuyên đề của cả nước. Tuy vậy, cho đến nay, Quy hoạch tổng thể, Quy hoạch chi tiết phát triển du lịch ở đây vẫn chưa được triển khai. Trong chuyến thăm và làm việc của Thủ tướng Chính phủ Phan Văn Khải sau khi PN-KB được công nhận là Di sản Thiên nhiên Thế giới (năm 2002), Thủ tướng đã chỉ thị cho Tổng Cục Du lịch, UBND tỉnh Quảng Bình sớm triển khai quy hoạch phát triển du lịch PN-KB có sự tham gia của tư vấn nước ngoài. Đến nay, do còn nhiều thủ tục hành chính chưa giải quyết được, nên quy hoạch phát triển du lịch PN-KB mới đang trong giai đoạn khởi động.

Việc chưa quy hoạch phát triển du lịch cho PN-KB đang ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển bền vững ở đây. Sau khi PN-KB được công nhận là Di sản Thiên nhiên Thế giới, nhiều dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, dự án đầu tư phát triển du lịch đã xin đăng ký triển khai tại đây. Do chưa có quy hoạch, cho nên các dự án chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt để triển khai xây dựng. Hiện nay, chỉ có một số dự án xây dựng cơ sở hạ tầng tại Trung tâm đón khách Phong Nha (đã được quy hoạch chi tiết, lấy ý kiến và chờ UBND tỉnh phê duyệt) như: bến thuyền, bãi đỗ xe, bãi chứa rác thải, hệ thống cấp nước sạch đã và đang được xây dựng. Tuy nhiên, Trung tâm đón khách Phong Nha chỉ là một khu vực rất nhỏ và phần lớn nằm ngoài địa bàn của Vườn Quốc gia PN-KB.

Bên cạnh các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, nhiều dự án đầu tư phát triển du lịch sinh thái, cơ sở lưu trú, khu vui chơi giải trí, khu bảo tồn động thực vật... đã được các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh đăng ký đầu tư. Do sức ép từ nhiều phía, UBND tỉnh Quảng Bình đã cấp phép cho 2 dự án đầu tư

phát triển du lịch tại PN-KB. Đó là dự án Khu nghỉ mát, giải trí sinh thái PN-KB do Công ty Phát triển Văn minh đô thị (CIVIDEC) đầu tư với tổng số vốn trên 300 tỷ đồng trên diện tích 50 ha dọc theo bờ sông Sơn. Các hạng mục dự kiến của dự án là: khu khách sạn (đạt tiêu chuẩn 4 sao), khu mê cung và công viên đá và rừng mưa nhiệt đới. Ngoài ra, Công ty cũng đang chuẩn bị dự án Khu du lịch Bảo tồn thực vật nguyên sinh và động vật bán hoang dã tại Thung lũng Sinh tồn (Thung Tre) trên tổng diện tích 180ha (bao gồm Tiểu khu Nghiên cứu khoa học-Chăm sóc-Giới thiệu, Tiểu khu Tham quan-Thưởng ngoạn và Tiểu khu Bảo tồn-Phát triển). Dự án thứ hai là Dự án Khu Du lịch Sinh thái Phong Nha-Kẻ Bàng của Công ty Du lịch Sinh hái Phong Nha-Kẻ Bàng trên diện tích 30 ha ở xã Sơn Trạch. Các hạng mục đầu tư dự kiến của dự án bao gồm khu khách sạn, khu vui chơi giải trí, khu dịch vụ.

Việc cho phép triển khai các dự án khi chưa có quy hoạch đã đặt ra một dấu hỏi rất lớn cho việc phát triển du lịch bền vững ở Phong Nha-Kẻ Bàng. Mặc dù các Công ty đã phải tự lập quy hoạch chi tiết ở vùng dự án và được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhưng rõ ràng các dự án chiếm một diện tích rất lớn và liệu về sau các dự án này có phù hợp với Quy hoạch tổng thể và Quy hoạch chi tiết phát triển du lịch ở Phong Nha-Kẻ Bàng hay không đang còn là dấu hỏi.

### ***3.2.1.2. Đa dạng hoá các sản phẩm du lịch:***

Di sản Thiên nhiên Thế giới PN-KB có tiềm năng rất lớn để phát triển nhiều loại hình du lịch độc đáo, hấp dẫn. Tuy nhiên, cho đến nay PN-KB chỉ mới có một sản phẩm du lịch duy nhất đó là du lịch hang động (động Phong Nha và động Tiên Sơn). Các đơn vị hoạt động kinh doanh du lịch tập trung khai thác hai động này là dựa trên tài nguyên thiên nhiên sẵn có, dễ khai thác, vốn đầu tư thấp, thời gian hoàn vốn nhanh. "Sự bùng nổ" du lịch tại PN-KB trong thời gian qua đã gây áp lực rất lớn lên sự phát triển du lịch bền vững của

Vườn Quốc gia này. Chính vì vậy, giải pháp phát triển các sản phẩm du lịch độc đáo, hấp dẫn ở PN-KB có một ý nghĩa rất lớn; góp phần làm cho du lịch bền vững hơn. Những sản phẩm du lịch mới không chỉ thu hút khách du lịch mà còn tăng thời gian lưu trú của du khách, mở rộng không gian làm tăng sức chứa của khu du lịch, nâng cao hiệu quả kinh doanh du lịch.

Xây dựng các sản phẩm du lịch cụ thể như: Du lịch hang động (trước mắt có thể mở tuyến du lịch hang động có điều kiện như hang Tối, hang Thiên Đường hay đi sâu vào động Phong Nha thêm khoảng 700m nữa); Du lịch sinh thái, Tham quan các di tích văn hoá-lịch sử (nhất là tuyến đường 20 Quyết Thắng), Tham quan làng bản các dân tộc ít người (Ma Coong, Rục, Arem); Du lịch thám hiểm theo như định hướng phát triển các sản phẩm du lịch đã nêu ở phần trên.

Để phát triển được các sản phẩm du lịch đặc sắc, hấp dẫn, độc đáo ở PN-KB cần có chính sách đầu tư và khuyến khích thoả đáng cho công tác nghiên cứu. Với lợi thế là một Di sản Thiên nhiên Thế giới, cần tranh thủ các nhà tài trợ, các nhà khoa học của Việt Nam cũng như quốc tế tham gia nghiên cứu khoa học; xem đây cũng là một hình thức du lịch (du lịch kết hợp với nghiên cứu khoa học). Cần có chính sách đãi ngộ hợp lý để thu hút nhân tài, chuyên gia, nghệ nhân tích cực tham gia vào xây dựng các sản phẩm du lịch mang bản sắc của PN-KB và có tính cạnh tranh cao.

Do du lịch sinh thái là sản phẩm thuộc loại hình du lịch không đặt mục tiêu kinh doanh thuần tuý lên hàng đầu mà còn hướng tới mục tiêu đóng góp tích cực cho công tác bảo tồn các giá trị của Di sản Thiên nhiên Thế giới cho nên cần có chính sách hỗ trợ ban đầu. Đối với du lịch làng bản các dân tộc ít người cần khuyến khích cộng đồng dân cư tích cực tham gia vào các hoạt động du lịch và dịch vụ, đồng thời phải hỗ trợ công tác tuyên truyền, đào tạo nâng cao nhận thức của người dân về phát triển du lịch bền vững. Cần phải

xây dựng cơ chế và chính sách bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá đặc sắc của họ.

### ***3.2.1.3. Tăng cường đầu tư phát triển du lịch:***

Để đạt hiệu quả kinh tế cao, hoạt động kinh doanh nói chung và hoạt động kinh doanh du lịch nói riêng cần phải có sự đầu tư thoả đáng. Khả năng đầu tư càng cao, càng ổn định thì tính bền vững trong phát triển từ góc độ kinh tế càng được đảm bảo.

Từ những hoạt động đầu tư phát triển du lịch ở PN-KB thời gian qua, một số chính sách, hoạt động cụ thể cần phải được xem xét triển khai để đảm bảo cho du lịch ở đây phát triển bền vững bao gồm:

- Khẩn trương hoàn thành Quy hoạch Tổng thể và Quy hoạch chi tiết phát triển du lịch ở PN-KB làm cơ sở xây dựng các dự án đầu tư. Cần phải mời các nhà tư vấn có kinh nghiệm trong nước và quốc tế xây dựng các quy hoạch này.

- Có chính sách đầu tư hợp lý cho cơ sở hạ tầng. PN-KB có tiềm năng du lịch rất lớn, nhưng lại là vùng xa xôi, hẻo lánh, cơ sở hạ tầng còn yếu kém. Trong những năm qua, Tổng Cục Du lịch và UBND tỉnh Quảng Bình đã rất quan tâm đầu tư cho cơ sở hạ tầng ở PN-KB. Nhiều công trình đã được xây dựng từ ngân sách Trung ương và địa phương như: đường giao thông, bãi đỗ xe, bến thuyền, bãi chứa rác thải, hệ thống cấp nước sạch...Tuy nhiên, do nguồn vốn còn hạn chế, nhiều công trình rất cần thiết nhưng vẫn chưa được xây dựng như: hệ thống xử lý rác thải, nước thải; phòng thí nghiệm cho nghiên cứu khoa học; hệ thống bưu chính viễn thông...Trong quá trình đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cần phải đầu tư đồng bộ nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư. Cần tránh tình trạng đầu tư chắp vá, không đồng bộ, không đúng mục đích dẫn đến lãng phí vốn đầu tư và không có hiệu quả.

- Chú trọng xây dựng các nguồn cung cấp năng lượng sạch như năng

lượng mặt trời, thủy điện nhỏ. Có chính sách hỗ trợ cung ứng và phổ biến các công nghệ mới tiết kiệm nhiên liệu. Thay thế bếp củi bằng bếp lò cải tiến, bằng dầu hoả hay khí hoá lỏng.

- Đầu tư xây dựng các tuyến đường đi bộ trong rừng. Tuy nhiên, cần hạn chế tối đa ảnh hưởng của việc xây dựng đến động vật hoang dã, cần xây dựng các công trình hỗ trợ chống xói mòn, hạn chế tối đa hoặc bỏ hẳn việc sử dụng xe cơ giới trong khu vực bảo vệ nghiêm ngặt của VQG.

- Có chính sách ưu đãi đặc biệt để thu hút đầu tư trong và ngoài nước. Quảng Bình là một tỉnh còn nghèo, các doanh nghiệp trong tỉnh phần lớn có quy mô không lớn, vốn đầu tư không nhiều. Mặt khác, du lịch Quảng Bình mới chỉ phát triển trong mấy năm gần đây, kinh nghiệm còn ít. Chính vì vậy, thu hút đầu tư của các đối tác trong và ngoài nước để phát triển du lịch là rất quan trọng. Việc kêu gọi vốn đầu tư của các doanh nghiệp trong và ngoài nước để phát triển du lịch không chỉ đơn thuần là thu hút nguồn vốn mà còn kinh nghiệm điều hành, quản lý, kinh doanh du lịch, xây dựng sản phẩm du lịch độc đáo. Đây thực sự là những điều kiện mà du lịch Quảng Bình nói chung và DSTNTG PN-KB nói riêng hiện nay đang còn rất thiếu. Quảng Bình đã đưa ra nhiều chính sách ưu đãi để thu hút đầu tư như xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu (đường, điện, cung cấp nước đến chân hàng rào); hỗ trợ chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng cho các dự án; hỗ trợ kinh phí đào tạo cho lao động sẽ làm việc trong các dự án; thưởng cho các cá nhân có đóng góp quan trọng cho việc xúc tiến đầu tư. Quảng Bình cũng đã chú trọng đến việc cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư; đã thành lập Trung tâm Xúc tiến Đầu tư để giúp các nhà đầu tư hoàn thành nhanh các thủ tục cần thiết.

### ***3.2.1.4. Đẩy mạnh xúc tiến, tuyên truyền quảng bá du lịch và mở rộng thị trường:***

Là một địa chỉ mới trong làng du lịch, việc xúc tiến, tuyên truyền quảng bá du lịch và mở rộng thị trường đóng vai trò rất quan trọng và rất cần thiết cho sự phát triển du lịch bền vững ở PN-KB. Trong những năm qua, Quảng Bình nói chung và VQG PN-KB nói riêng đã có nhiều cố gắng trong công tác tuyên truyền quảng bá, mở rộng thị trường du lịch. Tuy nhiên, do còn thiếu kinh nghiệm, kinh phí không nhiều và đặc biệt đội ngũ làm công tác này còn yếu về chuyên môn nghiệp vụ cho nên hình ảnh của du lịch ở PN-KB chưa thật sự được biết đến nhiều. Số lượng khách quốc tế đến Quảng Bình, đến PN-KB chỉ chiếm chưa đến 1% trong tổng số lượt khách cho thấy du lịch ở đây chưa được tuyên truyền rộng rãi ra nước ngoài.

Đối với công tác xúc tiến, tuyên truyền quảng bá du lịch cần tập trung vào một số hoạt động sau:

- Nhanh chóng thành lập bộ phận tuyên truyền quảng cáo và xúc tiến du lịch của VQG. Bố trí kinh phí ổn định (từ nguồn thu du lịch), bố trí cán bộ có năng lực, có chuyên môn cho công tác này. Trước mắt, cần phải thuê các chuyên gia giàu kinh nghiệm, giỏi chuyên môn nghiệp vụ tư vấn cho công tác này, đồng thời phải đào tạo ngay đội ngũ cán bộ chuyên trách địa phương.

- Tăng cường quan hệ với các hãng thông tấn, báo chí, phát thanh truyền hình, để hỗ trợ cho hoạt động xúc tiến và tuyên truyền quảng bá. Phối hợp với các doanh nghiệp trong và ngoài nước, các tổ chức, các địa phương để cùng tuyên truyền, nhất là các tuyến du lịch "Con đường Di sản Thế giới", "Đường Hồ Chí Minh huyền thoại", "Tuyến Du lịch hành lang Đông-Tây".

- Tham gia hội chợ, triển lãm; tổ chức hội nghị, hội thảo du lịch trong nước và quốc tế. Tranh thủ các nguồn lực, sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ, các nhà tài trợ, diễn đàn của Ủy ban Di sản Thế giới của UNESCO trong hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch.

- Tuyên truyền cho cộng đồng dân cư địa phương các giá trị của Di sản, những lợi ích của việc phát triển du lịch bền vững bằng nhiều hình thức có hiệu quả, phù hợp với trình độ và tập quán của đồng bào địa phương.

- Về lâu dài, cần phải đặt Văn phòng đại diện ở một số thị trường trọng điểm có khả năng thu hút du khách cao. Văn phòng đại diện có vai trò tạo ra nguồn khách du lịch ổn định, lâu dài; là nơi chuyển tải thông tin cần thiết đến khách hàng một cách nhanh nhất, đồng thời cũng là nơi tư vấn cho du khách về các tour du lịch. Mặt khác, Văn phòng đại diện còn là nơi tiếp nhận những thông tin từ phía khách du lịch, các doanh nghiệp lữ hành để giúp chỉnh sửa những tour du lịch cho phù hợp, điều chỉnh các hoạt động để phục vụ du khách một cách tốt nhất. Trước mắt, thị trường nội địa vẫn là thị trường chủ đạo, cho nên cần phải mở Văn phòng đại diện của VQG tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

Trong những năm qua, du lịch Quảng Bình đã được khách du lịch nội địa quan tâm nhiều, đặc biệt là khách du lịch của các tỉnh phía Nam. Theo thống kê của Sở Thương mại và Du lịch Quảng Bình, số lượng du khách đến PN-KB từ các tỉnh phía Nam chiếm khoảng 72% tổng số khách. Đối với thị trường nội địa cần mở rộng thị trường ra các tỉnh phía Bắc, trong đó chú trọng cả khách du lịch đi bằng đường bộ, đường sắt và đường hàng không trong những năm tới. Đối với thị trường khách du lịch nước ngoài, chú trọng thị trường Lào, Thái Lan qua đường 12, đường 8, đường 9 trong tuyến du lịch hành lang Đông-Tây. Ngoài tham quan các danh lam thắng cảnh, các di tích văn hoá-lịch sử, đối với thị trường này cần chú ý đến loại hình du lịch kết hợp với thăm thân, vì ở Lào và Thái Lan có một số lượng rất lớn Việt Kiều là con em Quảng Bình. Bên cạnh thị trường Lào, Thái Lan, cần mở rộng thị trường đối với khách du lịch Trung Quốc và đặc biệt đối với các thị trường có khả năng chi trả cao như Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ, Bắc Âu. Ví dụ, đối với thị



trường Nhật Bản: Theo Machado 2003, khách Nhật Bản đi du lịch ra nước ngoài để thưởng ngoạn tự nhiên 72%, tham quan điểm du lịch nổi tiếng 56%, thực phẩm bản xứ 48%, nghỉ ngơi và thả lỏng 38%, trải nghiệm nền văn hoá khác 36%. Rõ ràng nếu được xúc tiến tốt, DSTNTG PN-KB là một địa chỉ rất phù hợp, hấp dẫn đối với khách du lịch từ Nhật Bản.

### ***3.2.1.5. Phát triển kinh tế-xã hội vùng đệm của vườn Quốc gia:***

Để quản lý và bảo tồn Phong Nha-Kẻ Bàng, chương trình phát triển kinh tế-xã hội vùng đệm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Vùng đệm của PN-KB là các đơn vị hành chính có cộng đồng dân cư, có ranh giới trực tiếp với VQG, có nhiều tác động liên quan đến vùng lõi (cả tiêu cực và tích cực), đồng thời có các hoạt động kinh tế-xã hội liên quan trực tiếp đến các khu chức năng của VQG. VQG PN-KB có vùng đệm với tổng diện tích 195.400 ha gồm 13 xã bao quanh VQG. Đó là các xã: Dân Hoá, Trọng Hoá, Hoá Sơn, Trung Hoá, Thượng Hoá (huyện Minh Hoá); Tân Trạch, Thượng Trạch, Phúc Trạch, Xuân Trạch, Sơn Trạch, Phú Định, Hưng Trạch (huyện Bố Trạch) và Trường Sơn (huyện Quảng Ninh) với 156 thôn/bản. Dân số của vùng đệm 11.960 hộ với 59.310 người, trong đó có 92% là dân tộc Kinh (theo tài liệu của DSTNTG VQG PN-KB, 2004). Trong vùng đệm của VQG có 5 lâm trường là Minh Hoá, Bố Trạch, Bồng Lai, Ba Rền và Trường Sơn; một Ban Quản lý rừng phòng hộ Minh Hoá.

Vùng đệm VQG PN-KB có một số đặc điểm chính về đời sống kinh tế-xã hội như sau:

- Là các xã vùng sâu, vùng xa nhất của tỉnh Quảng Bình, đời sống của người dân còn gặp rất nhiều khó khăn. Cơ sở hạ tầng (nhất là đường giao thông) còn thiếu, người dân thiếu đất canh tác (đất dành cho canh tác nông nghiệp chỉ khoảng 12.500 ha, chỉ chiếm 6% diện tích vùng đệm), thiếu nước tưới tiêu, thời tiết khắc nghiệt.

- Sản xuất nông nghiệp đóng vai trò chủ đạo với trên 90% số hộ. Tập quán canh tác còn rất lạc hậu, ít được chú trọng đầu tư, năng suất thấp. Việc canh tác nương rẫy vẫn rất phổ biến ở các bản có đất rừng và đất đồi núi. Hiện tượng du canh, du cư vẫn còn ở một số nơi. Người dân còn giữ các sinh kế truyền thống như sử dụng các sản phẩm từ rừng.

- Chăn nuôi chủ yếu là trâu, bò, lợn, gia cầm và nuôi cá. Tuy có tiềm năng nhưng chăn nuôi ở vùng đệm của VQG không phát triển, con giống chưa được cải thiện, bệnh dịch chưa được kiểm soát.

- Về lâm nghiệp, các hoạt động chủ yếu là tham gia nhận khoán bảo vệ rừng. Các hoạt động thường xuyên là khai thác các sản phẩm từ rừng như săn bắt động vật, lấy gỗ, củi, song mây, cây thuốc.

- Nguồn thu nhập khách chủ yếu từ làm thuê khai thác đá, mang vác hàng hoá.

- Cơ sở hạ tầng về giao thông, thuỷ lợi, điện, y tế, giáo dục chưa phát triển, đời sống văn hoá, xã hội của người dân còn gặp nhiều khó khăn.

- Tỷ lệ hộ nghèo còn rất cao, trên 60% theo chuẩn mới (so với 34% tỷ lệ hộ nghèo trong toàn tỉnh). Có trên 1/2 số xã trong vùng đệm có tỷ lệ hộ nghèo trên 80%.

Phát triển kinh tế-xã hội vùng đệm có mục tiêu cơ bản là phát triển kinh tế-xã hội các địa phương trong vùng đệm nhằm nâng cao đời sống, tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho cộng đồng địa phương; giảm áp lực khai thác gỗ và các sản phẩm rừng trái phép; săn bắt động vật quý hiếm; góp phần bảo vệ môi sinh, môi trường, đa dạng sinh học và cảnh quan thiên nhiên của VQG PN-KB.

Mục tiêu cụ thể của giải pháp phát triển kinh tế-xã hội vùng đệm của VQG là:

- Xác định và chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu cây trồng, chăn nuôi hợp

lý, thích hợp với điều kiện và phát huy tiềm năng của từng địa phương. Phát triển nông nghiệp toàn diện gắn với phát triển tiểu thủ công nghiệp, sản xuất hàng lưu niệm và dịch vụ du lịch, tạo công ăn việc làm, góp phần tích cực vào công tác xoá đói giảm nghèo.

- Xây dựng cơ sở hạ tầng để phát triển sản xuất và phục vụ đời sống cộng đồng dân cư địa phương phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội của vùng đệm.

- Xây dựng cơ sở phúc lợi xã hội, y tế, giáo dục, văn hoá, thông tin nhằm đáp ứng và nâng cao đời sống vật chất cũng như tinh thần của người dân địa phương, đề cao trách nhiệm bảo vệ VQG của cộng đồng dân cư.

- Đi đôi với phát triển kinh tế-xã hội, đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật để thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường sinh thái, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, an ninh quốc phòng, đặc biệt là an ninh biên giới.

Đây là một giải pháp đòi hỏi cần nguồn vốn đầu tư lớn. Chính vì vậy, ngoài ngân sách của tỉnh, của Trung ương, cần có sự đóng góp từ các hoạt động du lịch, của các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh du lịch và đặc biệt cần kêu gọi các Tổ chức Quốc tế, các Tổ chức Phi Chính phủ (NGOs) tài trợ cho Chương trình này.

### **3.2.1.6. Phát triển kinh tế-xã hội vùng lõi của VQG:**

Bên trong VQG PN-KB có 95 hộ với 475 nhân khẩu (theo số liệu thống kê của VQG năm 2002) của hai nhóm tộc người Arem và Rục sinh sống tại hai bản định cư là bản 39 (xã Tân Trạch, huyện Bố Trạch)) và bản Yên Hợp (xã Thượng Hoá, huyện Minh Hoá). Đây là hai nhóm tộc người có trình độ phát triển thấp nhất so sánh với toàn bộ các dân tộc trên cả nước. Trước năm 1962, người Arem và người Rục sống rải rác trong rừng ở các nhà nhỏ hay trong hang đá; đời sống lạc hậu, chủ yếu dựa vào hái lượm hoa quả, củ cây và săn bẫy thú. Từ năm 1993, hai nhóm tộc người này mới thực sự định canh

định cư dưới sự hỗ trợ của chính quyền. Tuy nhiên, cuộc sống của họ vẫn gặp rất nhiều khó khăn, phụ thuộc rất nhiều vào tài nguyên thiên nhiên. Canh tác nương rẫy chỉ đủ lương thực trong 5-6 tháng, lương thực còn lại là bột cây nhút, các loại củ và rau rừng. Nguồn thực phẩm dựa vào thịt thú rừng và cá dưới suối. Điều kiện sinh hoạt hết sức thiếu thốn, tài sản trong nhà ít có giá trị. Dân trí thấp, trong vùng chỉ mới có lớp học đến lớp 2. Trình độ văn hoá cao nhất của người dân ở đây là lớp 3 bỏ túc, trên 40% dân số mù chữ. Các nhóm tộc người này có nguy cơ giảm dân số do giao phối cùng huyết thống và điều kiện dinh dưỡng khó khăn. Hiện nay, hàng tháng, Ban Dân tộc Miền núi tỉnh vẫn phải có các chương trình hỗ trợ lương thực, thực phẩm và thuốc men.

Giải pháp phát triển kinh tế-xã hội vùng lõi của VQG ngoài việc phải định cư cho các bản, đồng thời giúp hai nhóm tộc người ổn định cuộc sống, nâng cao dân trí, tạo công ăn việc làm và tăng thu nhập bằng cách khuyến khích họ tham gia vào chương trình bảo vệ và phát triển rừng. Đối với chương trình này, một số mục tiêu cụ thể cần đạt được như sau:

- Tổ chức sản xuất an toàn lương thực, áp dụng kỹ thuật để sản xuất lương thực, xây dựng vườn cây, ao cá nhằm giúp họ nâng cao chế độ dinh dưỡng trong bữa ăn.

- Xây dựng các trạm y tế để chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng, đồng thời phổ biến những kiến thức về vệ sinh môi trường sống, thức ăn, nước uống, sinh đẻ.

- Xây dựng các trường tiểu học cho các cụm dân cư.

- Nâng cao sự hiểu biết chung cho cộng đồng, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, giữ gìn sinh thái.

- Khoán khoán nuôi phục hồi tái sinh rừng cho các cụm dân cư. Tạo công ăn việc làm và gắn thu nhập của cộng đồng với công tác chăm sóc, bảo vệ rừng.

- Xây dựng các chương trình khuyến nông, khuyến lâm, giúp đỡ các cụm dân cư thiết lập các mô hình nông lâm kết hợp, tổ chức cho cộng đồng dân cư được đi tham quan, học hỏi kinh nghiệm các mô hình sản xuất nông lâm kết hợp thành công của các địa phương trong cả nước.

### ***3.2.1.7. Giải pháp tình thế mở rộng sức chứa của khu du lịch:***

Hiện nay, như đã phân tích, du khách đến Phong Nha-Kẻ Bàng trong mùa cao điểm đã vượt sức chứa của khu du lịch. Việc mở rộng sức chứa của khu du lịch cần phải có kế hoạch và thời gian. Trong lúc, quy hoạch phát triển du lịch ở Phong Nha-Kẻ Bàng chưa được phê duyệt thì rõ ràng không thể ngày một ngày hai có thể tạo ra các sản phẩm du lịch mới, tạo ra các tuyến du lịch mới, mở rộng không gian cho các hoạt động du lịch. Chính vì vậy, để phát triển du lịch bền vững ở Phong Nha-Kẻ Bàng cần triển khai giải pháp tình thế mở rộng sức chứa của khu du lịch này. Giải pháp này tập trung vào một số nội dung chủ yếu sau đây:

- Tăng thời gian tham quan của du khách. Hiện nay du khách tham quan động Phong Nha và động Tiên Sơn từ khoảng 9 giờ sáng cho đến 4 giờ chiều. Nguyên nhân là do phần lớn du khách không nghỉ lại ở Phong Nha nên họ phải đi từ các điểm dừng chân khác đến như Đồng Hới, Đông Hà, Huế, Vinh... Chính vì vậy, họ không thể đến Phong Nha sớm được và cũng không thể rời Phong Nha muộn được. Do đó, cần tăng cường cơ sở lưu trú (có thể phát triển một số mô hình cơ sở lưu trú bình dân, nhà dân, lán trại...), tăng cường ánh sáng ở khu vực cửa động, dọc bờ sông Sơn để tàu thuyền có thể hoạt động muộn hơn. Có như vậy, thời gian tham quan động Phong Nha, động Tiên Sơn có thể bắt đầu từ 7g30 - 8 giờ sáng cho đến tận 16g30 - 17g. Với thời gian tăng thêm 2 giờ mỗi ngày, sức chứa hiện nay có thể được tăng thêm 25%.

- Mở thêm một số điểm du lịch mới mà chưa cần phải đầu tư nhiều với mục đích phân luồng khách và kéo dài thời gian tham quan như: hang 8 thanh

niên xung phong, hầm chỉ huy, rừng gáo, tuyến du lịch dọc sông Son, sông Chày... Những điểm du lịch này đã được đầu tư như hàng 8 TNXP, hầm chỉ huy (tự nhiên mức độ đầu tư còn thấp) hay là những nơi có phong cảnh đẹp, nguyên sơ (rừng gáo, sông Son, sông Chày, rừng bách xanh) và có thể đón du khách tham quan nếu được tổ chức tốt.

- Thay đổi phương thức vận chuyển khách du lịch hiện nay. Như đã trình bày ở trước, hiện nay, mỗi thuyền chở khoảng 10 du khách tham quan động Phong Nha và động Tiên Sơn. Các thuyền này chở du khách đi tham quan và chờ khi nào khách tham quan hai động xong lại chuyên chở khách về. Chính vì vậy, khi số lượng thuyền quá lớn gây ùn tắc trong động Phong Nha và sức chứa bị hạn chế rất nhiều. Vì vậy, cần phải thay đổi phương thức vận chuyển du khách hiện nay. Qua nghiên cứu, khảo sát, phương thức vận chuyển du khách được đề xuất như sau: Khách du lịch từ Trung tâm đón khách Phong Nha được vận chuyển bằng các thuyền lớn (có thể đến 100 khách), hiện đại đến bến đỗ trước cửa động và ngược lại với hình thức con thoi (shuttle). Từ cửa động vào động Phong Nha có thể tạo lối đi bộ bằng cầu phao. Du khách có thể đi về bằng bất kỳ thuyền nào (thời gian xuất phát của mỗi thuyền được quy định trước, phụ thuộc vào số lượng du khách). Phương thức vận chuyển này có các ưu điểm sau đây:

+ Tăng số lượng người tham quan do giải quyết được tình trạng ùn tắc của các thuyền khi vào động Phong Nha.

+ Du khách được thoải mái hơn do không bị sức ép về thời gian và được vận chuyển bởi những chiếc thuyền lớn, hiện đại.

+ Giảm được tình trạng ô nhiễm môi trường do quá nhiều thuyền hoạt động như hiện nay.

Tuy nhiên, phương thức vận chuyển này cũng có một số nhược điểm như: Phải đầu tư sản xuất những chiếc thuyền chở khách hiện đại, phù hợp với

điều kiện ở Phong Nha; xây dựng cầu phao trong động Phong Nha); số lượng hơn 300 trăm thuyền của dân hiện nay cũng như lao động cần phải có hướng giải quyết (thực chất những thuyền này là những thuyền vận chuyển của dân chủ yếu là vận chuyển cát sạn khi không có khách).

- Giảm tính thời vụ của du lịch Phong Nha-Kẻ Bàng: Như đã tính toán ở phần trước, Phong Nha-Kẻ Bàng chỉ quá tải vào một số ngày trong mùa cao điểm trong khi sức chứa hàng năm của khu du lịch vẫn còn rất lớn. Một thực tế là vào mùa lũ, khi nước sông Sơn dâng cao tàu thuyền không thể vào động Phong Nha được. Tuy nhiên, thời gian này là rất ngắn, chỉ kéo dài vài ngày. Trong khi đó, động Tiên Sơn có thể đón khách quanh năm. Do đó, để giảm tính thời vụ của du lịch Phong Nha-Kẻ Bàng cần triển khai một số hoạt động cụ thể sau:

+ Tuyên truyền quảng bá cho du khách biết rằng, Phong Nha-Kẻ Bàng có thể đón khách quanh năm, kể cả vào mùa mưa (hiện nay, nhiều du khách cho rằng DSTNTG Phong Nha-Kẻ Bàng chỉ là động Phong Nha, cho nên vào mùa mưa, khi nước lên cao thì không thể tham quan được).

+ Triển khai các hoạt động khuyến mại vào mùa ngoài du lịch như: giảm giá vé vào động, giảm hoặc miễn tiền gửi xe...

+ Tăng cường một số dịch vụ sắp xếp lại các phòng đón tiếp khách, phục vụ nước trà, nước lá nóng, ô dù, dịch vụ y tế...

### ***3.2.1.8. Chú trọng đào tạo phát triển nguồn nhân lực, xây dựng tổ chức bộ máy, hoàn thiện thể chế và nâng cao năng lực quản lý:***

Du lịch Quảng Bình nói chung và PN-KB nói riêng thực chất mới chỉ phát triển trong mấy năm gần đây. Chính vì vậy, đội ngũ cán bộ, công nhân viên lao động phục vụ trong ngành du lịch vừa ít về số lượng lại chưa đảm bảo về chất lượng. Đặc biệt, đối với VQG PN-KB, du lịch còn là hoạt động quá mới và nhiệm vụ quản lý, khai thác kinh doanh du lịch chỉ mới được UBND

tỉnh giao cho Ban Quản lý VQG PN-KB vào năm 2003. Trong khi đó, hầu hết cán bộ của Ban Quản lý VQG hiện nay là lực lượng từ Kiểm lâm chuyển sang, không có trình độ chuyên môn nghiệp vụ về du lịch, ngoại ngữ quá yếu, thiếu kinh nghiệm quản lý phát triển các hoạt động du lịch. Do đó, đây là giải pháp vô cùng quan trọng và phải triển khai thực hiện một cách khẩn trương. Giải pháp đào tạo phát triển nguồn nhân lực không chỉ nhằm nâng cao chất lượng phục vụ du lịch mà còn làm cho du lịch phát triển một cách bền vững hơn. Để đạt được mục tiêu phát triển nguồn nhân lực du lịch, cần triển khai một số hoạt động cụ thể sau:

- Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực phù hợp với nhu cầu phát triển du lịch cho toàn tỉnh nói chung và cho PN-KB nói riêng. Cần phải xem nguồn nhân lực và chất lượng con người là yếu tố quyết định việc thực hiện thành công các mục tiêu phát triển du lịch bền vững.

- Đánh giá trực trạng hiện nay của đội ngũ lao động ngành du lịch toàn tỉnh và tại PN-KB về cả số lượng, chất lượng để có kế hoạch đào tạo mới, đào tạo lại. Cần chú trọng đào tạo hướng dẫn viên du lịch vì hiện nay, tại Ban Quản lý VQG PN-KB chỉ mới có 3 Hướng dẫn viên Du lịch đủ tiêu chuẩn được cấp thẻ. Có chính sách thu hút các chuyên gia, cán bộ nghiên cứu, các cán bộ có trình độ chuyên môn về du lịch đến công tác tại VQG.

- Trong chương trình đào tạo cần phải đưa vào nội dung quản lý môi trường, nhận thức về tầm quan trọng và tính chất phức tạp của du lịch trong khuôn khổ một ngữ cảnh rộng lớn mang tính kinh tế, xã hội và môi trường. Cần phải lồng ghép vấn đề du lịch bền vững vào thực tiễn công việc trong quá trình đào tạo.

- Chú trọng việc đào tạo, tuyển dụng lao động địa phương vào mọi cấp từ cán bộ quản lý, điều hành đến nhân viên phục vụ, hướng dẫn du lịch. Việc đào tạo người dân địa phương làm bảo vệ, hướng dẫn viên du lịch, thợ chụp ảnh, nhân viên phục vụ...không chỉ đem lại công ăn việc làm và thu nhập ổn định



cho họ mà còn giúp họ từ bỏ những nghề làm ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường sinh thái trước đây của mình như săn bắn động vật, khai thác gỗ và lâm sản trái phép, đốt rừng làm rẫy...

Như đã trình bày ở trước, mô hình tổ chức bộ máy quản lý du lịch ở Phong Nha-Kẻ Bàng là chưa phù hợp. Hiện nay, phần lớn các hoạt động du lịch ở PN-KB diễn ra ngoài địa phận của VQG và trên địa phận các xã không thuộc sự quản lý của VQG. Trong khi đó, bộ máy quản lý ở đây không có sự tham gia của chính quyền địa phương, của các ngành liên quan. Chính vì vậy, cần nhanh chóng thành lập Ban Quản lý Khu du lịch theo đúng quy định của Luật Du lịch với các thành viên đại diện cho các cấp, các ngành liên quan, địa phương có VQG và BQL VQG. Ban Quản lý Khu du lịch có thể do một đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng Ban để có thể điều hành được các Thành viên BQL và các đơn vị liên quan. Phó Trưởng Ban Thường trực của BQL là cán bộ chuyên trách do một đồng chí Lãnh đạo của BQL VQG PN-KB hoặc Sở Thương mại và Du lịch đảm nhiệm. Thành viên BQL bao gồm các thành viên đại diện cho BQL VQG, huyện Bố Trạch, các xã Sơn Trạch, Tân Trạch, Thượng Trạch, Phúc Trạch, sở Văn hoá-Thông tin, BQL di tích danh thắng tỉnh, Sở Thương mại và Du lịch, Bộ đội biên phòng, Kiểm lâm, Ban dân tộc và miền núi và một số đơn vị liên quan. BQL Khu du lịch Phong Nha-Kẻ Bàng có chức năng quản lý công tác quy hoạch và đầu tư phát triển; quản lý các hoạt động kinh doanh dịch vụ; bảo vệ tài nguyên du lịch, bảo đảm vệ sinh môi trường, trật tự, an toàn xã hội; phối hợp với BQL VQG, các địa phương trong vùng tạo điều kiện khai thác, sử dụng tài nguyên du lịch hợp lý; thực hiện các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Giải pháp về tổ chức và quản lý ở PH-KB cần tập trung vào một số nội dung sau:

- Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn môi trường trong hệ thống tiêu chuẩn

quản lý đối với hoạt động của các doanh nghiệp kinh doanh du lịch. Áp dụng tiêu chuẩn ISO để quản lý các hoạt động của các doanh nghiệp kinh du lịch trong mối quan hệ với môi trường.

- Xây dựng quy chế quản lý về sử dụng tài nguyên du lịch một cách bền vững, đồng thời xây dựng cơ chế bảo tồn các giá trị của di sản và bảo vệ môi trường, giữ gìn sinh thái tại VQG.

- Xây dựng Quy chế Quản lý môi trường dựa vào cộng đồng với sự cam kết của cộng đồng dân cư, chính quyền địa phương, BQL VQG và cơ quan quản lý môi trường địa phương.

- Tăng cường đầu tư nghiên cứu áp dụng các công nghệ mới trong quản lý và cung cấp các thông tin về tài nguyên môi trường du lịch như công nghệ thông tin địa lý (GIS), công nghệ viễn thám.

- Xây dựng chính sách khuyến khích cộng đồng dân cư và chính quyền địa phương tham gia vào quá trình quản lý các hoạt động du lịch. Đây chính là những người hưởng lợi trực tiếp từ các hoạt động du lịch, nhưng cũng chính là những người phải gánh chịu những tác động tiêu cực do du lịch đem lại. Chính vì vậy, phải khuyến khích chính quyền địa phương và cộng đồng dân cư tích cực tham gia vào các hoạt động du lịch, ngay từ khâu quy hoạch, quản lý quy hoạch, giám sát thực hiện, đánh giá tác động của du lịch đến các hoạt động khác.

- Đề ra các biện pháp giải quyết mâu thuẫn còn tồn tại về lợi ích kinh tế của du lịch giữa các cấp hành chính (nhất là UBND các xã trong vùng đệm và vùng lõi), Ban Quản lý VQG; giữa cộng đồng dân cư địa phương với các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân kinh doanh các hoạt động du lịch, dịch vụ tại Phong Nha-Kẻ Bàng.

### **3.2.2. Nhóm giải pháp phát triển du lịch bền vững về văn hoá-xã hội:**

#### ***3.2.2.1. Nâng cao nhận thức và khuyến khích cộng đồng dân cư địa phương tích cực tham gia vào các hoạt động du lịch:***

Sự tham gia của cộng đồng vào phát triển du lịch có một ý nghĩa rất quan trọng trong việc phát triển du lịch bền vững. Một thời gian dài, là một vùng miền núi, địa hình hiểm trở, giao thông đi lại khó khăn, Phong Nha-Kẻ Bàng hầu như biệt lập với các vùng lân cận. Do đó, trình độ dân trí nói chung và nhận thức về du lịch, nhất là du lịch bền vững nói riêng của cộng đồng dân cư ở đây còn rất thấp. Trước khi lôi kéo sự tham gia của cộng đồng địa phương vào các hoạt động du lịch thì việc nâng cao nhận thức cho cộng đồng ở Phong Nha-Kẻ Bàng là hết sức quan trọng, đặc biệt là đối với đồng bào các dân tộc ít người sinh sống trong vùng lõi của Vườn Quốc gia. Một số giải pháp cần tập trung triển khai bao gồm:

- Lồng ghép việc nâng cao nhận thức cho cộng đồng về phát triển du lịch vào các chương trình, dự án như chương trình phát triển kinh tế-xã hội vùng đệm, vùng lõi, chương trình xoá đói giảm nghèo, dự án phát triển du lịch bền vững vì người nghèo, các dự án của các Tổ chức Phi chính phủ trên địa bàn... Phối hợp với các phương tiện thông tin đại chúng đẩy mạnh công tác giáo dục pháp luật, nâng cao dân trí, nâng cao hiểu biết về phát triển du lịch bền vững cho cư dân địa phương.

- Khuyến khích, hỗ trợ vật chất đối với công tác nâng cao nhận thức về du lịch, nhất là du lịch bền vững; nâng cao hiểu biết cho cộng đồng dân cư địa phương và khách du lịch trong việc bảo vệ, tôn tạo và phát triển các tài nguyên du lịch. Hỗ trợ phương tiện, bố trí đội ngũ cán bộ chuyên trách, bán chuyên trách và mạng lưới cán bộ phục vụ cho chương trình giáo dục và nâng cao dân trí cho cộng đồng; đồng thời có chính sách đãi ngộ những cá nhân, tập thể tham gia chương trình này.

- Khuyến khích các doanh nhân, doanh nghiệp hoạt động kinh doanh du lịch-dịch vụ trên địa bàn đầu tư cho các chương trình đào tạo nâng cao nhận thức của cộng đồng dân cư địa phương về phát triển du lịch bền vững, tập huấn các kiến thức về nghiệp vụ du lịch và dịch vụ phục vụ du khách; đồng thời đào tạo và sử dụng lao động của địa phương vào các hoạt động du lịch, kể cả công tác quản lý.

- Khuyến khích cộng đồng địa phương tham gia tích cực vào các hoạt động du lịch; vào nỗ lực bảo vệ, tôn tạo và phát triển tài nguyên du lịch; tham gia giữ gìn vệ sinh môi trường ở các khu du lịch, khu vui chơi giải trí trên địa bàn sinh sống của họ. Bên cạnh việc tham gia trực tiếp vào các hoạt động du lịch như vận chuyển khách du lịch, hướng dẫn du lịch, dịch vụ ăn uống, chụp ảnh lưu niệm và các dịch vụ khác cần thiết phải hướng dẫn, khuyến khích người dân địa phương cung cấp các hàng hoá, dịch vụ như cung cấp lương thực, thực phẩm; sản xuất hàng lưu niệm phục vụ du khách.

### ***3.2.2.2. Bảo tồn và phát triển những giá trị văn hoá của các dân tộc ít người vùng Phong Nha-Kẻ Bàng:***

Bên cạnh giải pháp ổn định và nâng cao đời sống kinh tế cho đồng bào các dân tộc ít người trong vùng lõi cũng như vùng đệm của VQG, việc bảo tồn và phát triển những giá trị văn hoá của các dân tộc ở PN-KB là hết sức cần thiết. Cần phải đầu tư kinh phí để nghiên cứu, điều tra, sưu tầm, bảo tồn những giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể của các đồng bào dân tộc ít người ở đây. Xây dựng các chính sách khuyến khích các làng bản, dòng họ, những già làng, trưởng bản có những đóng góp tích cực vào công tác giữ gìn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống. Mặt khác, cần tuyên truyền, giáo dục đồng bào các dân tộc loại bỏ các hủ tục lạc hậu; các quan niệm đất, rừng, muông thú là của riêng do tổ tiên họ để lại.

Tranh thủ các nguồn vốn từ các Chương trình mục tiêu, từ các dự án của các tổ chức phi Chính phủ, từ các nguồn tài trợ để nghiên cứu, bảo tồn các giá

trị văn hoá vật thể như: Làng, bản (các kiểu quần cư và hình thái làng, bản); nhà cửa (nhà đất của người Rục, Sách, Mày; nhà sàn của người Khùa, Ma Coong, Trì); y phục; trang sức; công cụ sản xuất và đồ dùng sinh hoạt trong gia đình; thức ăn, đồ uống, hút (cơm pôi, bột nhúc, rượu đoák, thuốc lá). Bên cạnh các giá trị văn hoá vật thể, việc nghiên cứu, bảo tồn các giá trị văn hoá phi vật thể sẽ góp phần làm phong phú thêm bản sắc văn hoá của các dân tộc ít người ở đây; làm cơ sở để phát triển du lịch làng bản, du lịch văn hoá các dân tộc ít người. Các di sản văn hoá phi vật thể cần tập trung bảo tồn là: Văn nghệ dân gian (các loại truyện cổ, thần thoại, ngụ ngôn, các làn điệu dân ca, các loại nhạc cụ dân gian); Tôn giáo tín ngưỡng (các hình thức tín ngưỡng, thờ cúng); Các tập tục của các tộc người (ma chay, sinh đẻ, chữa bệnh, xin keo, làm nhà); Các luật tục (phạt đền, xử phạt). Bên cạnh đó, cần nghiên cứu tri thức bản địa bao gồm kinh nghiệm, hiểu biết, tập quán của các tộc người ở đây về phương thức canh tác lúa rẫy, kinh nghiệm chữa bệnh, kỹ thuật chăn nuôi, kỹ thuật đan lát, dệt vải, kinh nghiệm bảo tồn đa dạng sinh học (ví dụ đối với người Arem, họ không bao giờ đánh bắt cá ở suối vào trước và trong mùa cá sinh sản). Việc khôi phục các lễ hội truyền thống của các tộc người ở đây để thu hút khách du lịch cần phải được chú trọng (như các lễ hội Lễ đập trống, Lễ đâm trâu, Lễ lấp lỗ, Lễ cơm mới vẫn còn lưu truyền).

### ***3.2.2.3. Khẩn trương thành lập Đô thị du lịch:***

Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của Du lịch trong thời gian qua ở Phong Nha-Kẻ Bàng, xã Sơn Trạch (và có thể là xã Phúc Trạch) đã hội đủ các điều kiện theo Luật Du lịch để có thể trở thành đô thị du lịch. Đây là nơi có DSTNTG; cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch đã được đầu tư xây dựng; có cơ cấu lao động phù hợp với yêu cầu phát triển du lịch và trong những năm vừa qua, du lịch có vị trí rất quan trọng trong cơ cấu kinh tế của địa phương và thu nhập từ du lịch là nguồn thu nhập chính của địa phương

hiện nay. Chính vì vậy, cần khẩn trương thành lập Đô thị Du lịch Phong Nha trên địa bàn xã Sơn Trạch và có thể mở rộng ra xã Phúc Trạch trong tương lai không xa.

Việc thành lập Đô thị Du lịch Phong Nha sẽ có tác động rất tích cực đến việc phát triển du lịch bền vững tại Phong Nha-Kẻ Bàng trên các khía cạnh sau đây:

- Nâng cao được nhận thức của chính quyền và nhân dân địa phương cũng như của các doanh nghiệp trong việc phát triển du lịch nói chung và phát triển du lịch bền vững nói riêng.

- Tranh thủ được sự hỗ trợ từ ngân sách trung ương và địa phương trong việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, các dự án xoá đói giảm nghèo, các dự án nâng cao nhận thức và kiến thức về phát triển du lịch cho cộng đồng dân cư địa phương.

- Có điều kiện về tổ chức bộ máy, các công cụ, phương tiện để quản lý đô thị theo quy định của pháp luật.

- Đáp ứng được các nhu cầu đa dạng của du khách khi đến tham quan Phong Nha-Kẻ Bàng (có điều kiện để xây dựng các khu vui chơi giải trí, nâng cấp hệ thống bưu chính viễn thông, hệ thống cung cấp điện, nước sạch, hệ thống trung tâm thương mại, siêu thị...).

- Giảm áp lực cho DSTNTG Phong Nha-Kẻ Bàng. Do phần lớn địa phận xã Sơn Trạch và Phúc Trạch nằm ngoài ranh giới VQG, nên các dịch vụ du lịch như ăn uống, lưu trú, vui chơi giải trí tại đây sẽ có điều kiện đáp ứng nhu cầu của du khách và tránh được áp lực lên VQG.

### **3.2.3. Nhóm giải pháp phát triển du lịch bền vững về tài nguyên, môi trường:**

#### **3.2.3.1. Bảo tồn các giá trị của Di sản Thiên nhiên Thế giới:**

Việc bảo tồn các giá trị của DSTNTG PN-KB vừa có tính cấp bách vừa

có tính cơ bản lâu dài cần phải được triển khai đồng bộ, toàn diện trên quy mô rộng lớn. Giải pháp này đưa ra một số chương trình bảo tồn và quản lý PN-KB chủ yếu như sau:

- *Bảo tồn song hành Phong Nha-Kẻ Bàng và Hin Nặm Nô (CHDCND Lào):* Phong Nha-Kẻ Bàng và Hin Nặm Nô là hai khu bảo tồn thiên nhiên có biên giới chung giữa Quảng Bình (Việt Nam) và Khăm Muộn (Lào). Chương trình bảo tồn song hành nhằm giải quyết bản chất liên biên giới của các nỗ lực bảo tồn tại vùng Bắc Trường Sơn gồm khu vực Đông Nam Lào và miền Trung Việt Nam. Ngoài việc xây dựng một hệ thống giám sát về sinh thái, kinh tế-xã hội, giúp đỡ cộng đồng trong vùng ứng dụng những phương thức sử dụng tài nguyên rừng một cách bền vững, chương trình cần triển khai hợp tác liên biên giới giữa Khu Bảo tồn đa dạng sinh học Hin Nặm Nô và VQG PN-KB và giữa các cơ quan có liên quan; xây dựng một chương trình bảo tồn song hành thống nhất. Nội dung chủ yếu của Chương trình này là phối hợp quản lý, hợp tác liên biên giới, bảo tồn song hành có hiệu quả, giám sát hệ sinh thái và kinh tế-xã hội và xây dựng năng lực cho hai khu bảo tồn.

- *Bảo vệ đa dạng sinh học ở PN-KB:* Đa dạng sinh học là một giá trị lớn của DSTNTG PN-KB. Rừng ở PN-KB là rừng trên núi đá vôi với nhiều loại gỗ quý hiếm như Trầm hương, Huê mộc, Mun sọc có giá trị kinh tế cao nên việc khai thác bừa bãi đang diễn ra nghiêm trọng. Rừng PN-KB còn là nơi sinh sống của nhiều loài thú quý hiếm, trong khi việc săn bắt các loài thú quý hiếm vì mục đích thương mại đang dẫn đến nguy cơ tuyệt chủng của một số loài và làm suy thoái đa dạng sinh học. Mục tiêu của chương trình này là đưa ra những biện pháp và tổ chức thực hiện có hiệu quả nhằm bảo vệ đa dạng sinh học mang tính toàn cầu của DSTNTG. Nhiệm vụ cụ thể của chương trình bao gồm:

+ Kiểm kê đa dạng sinh học, bao gồm công tác nghiên cứu về phân loại, di truyền và sinh thái học nhằm thống kê các loài, các quần thể và các hệ sinh thái, trong đó chú trọng đến các hệ sinh thái đặc biệt, các loài có ý nghĩa khoa học và kinh tế quan trọng.

+ Giám sát diễn biến của các quần thể (sự phân bố và độ phong phú), các hệ sinh thái quan trọng (thành phần, cấu trúc và chức năng) và sự tác động của con người, của các hoạt động du lịch lên chúng.

+ Nghiên cứu về mặt kinh tế-xã hội của đa dạng sinh học như hệ thống kiến thức bản địa, điều tra và xác định cơ sở khoa học cho sự phát triển bền vững tài nguyên sinh học, xây dựng vùng đệm và nâng cao đời sống của cộng đồng dân cư địa phương.

+ Thiết lập mạng lưới quản lý thông tin, xây dựng ngân hàng dữ liệu về đa dạng sinh học một cách khoa học. Các kết quả về đa dạng sinh học phải được thống kê về thành phần loài, phân bố, trữ lượng, môi trường sống, quan hệ sống...

+ Đào tạo đa dạng sinh học bao gồm công tác đào tạo cán bộ quản lý và tuyên truyền giáo dục cộng đồng kiến thức về đa dạng sinh học nhằm nâng cao hiểu biết và ý thức bảo vệ của cộng đồng.

### **3.2.3.2. Bảo tồn, tôn tạo và phát triển tài nguyên du lịch:**

Là một DSTNTG, giải pháp bảo tồn, tôn tạo và phát triển tài nguyên du lịch ở PN-KB phải được đặt lên hàng đầu. Việc phát triển Du lịch bền vững đòi hỏi phải quản lý, bảo tồn, tôn tạo và phát triển tất cả các dạng tài nguyên để chúng ta trong khi có thể đáp ứng các nhu cầu về kinh tế, xã hội, môi trường, thẩm mỹ thì vẫn duy trì được bản sắc văn hoá dân tộc, sự đa dạng sinh học, các quá trình sinh thái cơ bản cũng như các hệ đảm bảo cuộc sống cho các thế hệ hiện nay và mai sau.



Để đạt được mục tiêu đề ra, việc xác định hệ thống các giải pháp về chính sách là hết sức quan trọng. Đối với PN-KB, một số giải pháp cụ thể sau đây cần được xem xét:

- Khuyến khích, hỗ trợ cho việc nghiên cứu khoa học cơ bản, đồng thời kêu gọi các tổ chức, chuyên gia trong nước và quốc tế tham gia nghiên cứu khoa học cơ bản nhằm tiếp tục đánh giá một cách toàn diện tài nguyên du lịch của PN-KB. Những kết quả nghiên cứu này sẽ làm cơ sở cho việc xây dựng chiến lược khai thác, bảo tồn, tôn tạo và phát triển tài nguyên du lịch; xây dựng chiến lược phát triển sản phẩm du lịch nhằm phát triển du lịch một cách bền vững.

- Hỗ trợ xây dựng hệ thống quản lý tài nguyên du lịch, quản lý môi trường, xử lý chất thải một cách có hiệu quả. Xây dựng cơ chế, chính sách tài chính để nâng cao trách nhiệm vật chất đối với các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh du lịch ở PN-KB.

- Phát triển chính sách tiêu thụ xanh có ý nghĩa với môi trường, quản lý tốt nguồn năng lượng, tiết kiệm nước và quản lý chất thải.

- Có chính sách khuyến khích, hỗ trợ các loại hình du lịch thân thiện với môi trường như du lịch sinh thái; du lịch kết hợp với bảo tồn, với nghiên cứu khoa học; du lịch văn hoá-lịch sử; du lịch làng bản các dân tộc ít người. Đây không chỉ là những loại hình du lịch hấp dẫn, đặc sắc mà DSTNTG PN-KB có nhiều tiềm năng, mà còn như là một công cụ đặc biệt để bảo vệ môi trường, giữ gìn sinh thái, góp phần tích cực đảm bảo phát triển DLBV.

- Khuyến khích các dự án đầu tư phát triển du lịch có những cam kết cụ thể về bảo vệ, bảo tồn, tôn tạo và phát triển tài nguyên du lịch, những dự án sử dụng các công nghệ tiên tiến trong xử lý chất thải, sử dụng năng lượng sạch, tiết kiệm năng lượng, nhiên liệu; đồng thời không khuyến khích hoặc không

cấp phép cho các dự án đầu tư du lịch có nguy cơ tác động tiêu cực cao đến môi trường sinh thái.

### **3.2.3.3. Quản lý rừng bền vững ở Phong Nha-Kẻ Bàng:**

Đối với PN-KB, bên cạnh giá trị đa dạng sinh học không chỉ có tầm cỡ trong nước mà còn có giá trị toàn cầu, VQG PN-KB còn là khu rừng đặc dụng rộng lớn với nhiều khu vực còn giữ được tính nguyên sinh. Để bảo tồn đa dạng sinh học cho VQG PN-KB giải pháp quan trọng nhất và cấp bách nhất là bảo vệ rừng của VQG PN-KB và các khu rừng trong vùng đệm của VQG.

Mặc dù Ban Quản lý VQG PN-KB trong thời gian qua đã phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, các lực lượng liên quan như Kiểm lâm, Bộ đội biên phòng, Công an, Quản lý thị trường trong việc chống buôn lậu động vật hoang dã, buôn bán gỗ, lâm sản trái phép, đốt rừng làm rẫy... nhưng kết quả đạt được vẫn chưa được như ý muốn. Thực trạng phá rừng, săn bắn động vật quý hiếm, khai thác lâm sản trái phép vẫn diễn ra hàng ngày, nhất là những nơi có địa hình hiểm trở, trên vùng biên giới giáp với Lào. Cùng với sự mất dần diện tích rừng tự nhiên, môi trường sống của nhiều loại động thực vật rừng cũng biến mất hoặc bị thoái hoá nghiêm trọng, đa dạng sinh học bị xói mòn nhanh chóng.

Thực tế ở VQG Phong Nha-Kẻ Bàng trong những năm qua cho thấy rằng, bằng các biện pháp bảo vệ rừng truyền thống như pháp luật, chương trình, công ước...thì không thể bảo vệ rừng một cách hiệu quả, nhất là đối với một vùng rộng lớn như Phong Nha-Kẻ Bàng, nơi đời sống nhân dân còn gặp rất nhiều khó khăn. Chính vì vậy, phương pháp quản lý rừng bền vững cần phải được áp dụng. Quản lý rừng bền vững là sự quản lý rừng và đất rừng theo cách thức và mức độ phù hợp để duy trì tính đa dạng sinh học; khả năng tái sinh của rừng; sức sống của rừng; duy trì tiềm năng của rừng cả ở hiện nay và

trong tương lai; các chức năng sinh thái, kinh tế-xã hội của rừng ở cấp địa phương, quốc gia, toàn cầu và không gây ra những tác hại đối với hệ sinh thái khác. Về cơ bản, giải pháp quản lý rừng bền vững ở VQG Phong Nha-Kẻ Bàng có các nội dung sau:

- Tôn trọng quyền và trách nhiệm sử dụng đất lâm nghiệp: Quyền sử dụng lâu dài tài nguyên rừng và đất rừng phải được quy định rõ ràng, vào sổ sách, lập bản đồ địa chính và phải được cấp Giấy chứng nhận theo Luật đất đai hiện hành.

- Tuân theo Luật pháp và các tiêu chuẩn, quy định của VQG: Quản lý rừng phải tuân theo luật, pháp lệnh và những quy định hiện hành khác của Nhà nước liên quan đến rừng và nghề rừng, đồng thời tuân theo tất cả những tiêu chí, tiêu chuẩn của VQG.

- Tôn trọng những quyền, lợi ích hợp pháp của cộng đồng dân cư địa phương: Những quyền hợp pháp của cộng đồng dân cư về sử dụng, quản lý đất, lãnh địa và tài nguyên rừng phải được công nhận và tôn trọng. Tôn trọng những mối quan hệ cộng đồng và những quyền của người lao động. Những hoạt động quản lý kinh doanh rừng phải có tác dụng duy trì hoặc tăng cường phúc lợi kinh tế-xã hội dài hạn của công nhân lâm nghiệp và cộng đồng dân cư địa phương.

- Quản lý, sử dụng và phát triển những lợi ích từ rừng: Những hoạt động quản lý rừng có tác dụng khuyến khích sử dụng có hiệu quả các sản phẩm dịch vụ của rừng nhằm đảm bảo tính bền vững về kinh tế và tính đa dạng của những lợi ích môi trường và xã hội.

- Xây dựng kế hoạch quản lý, kiểm tra và đánh giá: Có kế hoạch quản lý phù hợp với phạm vi và cường độ hoạt động lâm nghiệp, những mục tiêu rõ ràng và biện pháp thực thi cụ thể, và phải được cập nhật thường xuyên. Xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá định kỳ tương ứng với mức độ sản xuất,

kinh doanh rừng để nắm tình hình rừng, sản lượng các loại sản phẩm, chuỗi hành trình, các hoạt động quản lý rừng và những tác động môi trường, xã hội của chúng.

#### ***3.2.3.4. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, bổ sung và hoàn chỉnh các giá trị của DSTNTG:***

Trong thời gian qua, được sự quan tâm của nhiều tổ chức, nhiều trung tâm nghiên cứu trong nước và quốc tế, nhiều hoạt động nghiên cứu khoa học đã được triển khai ở VQG PN-KB. Với sự hỗ trợ tích cực của các tổ chức quốc tế, các chuyên gia tư vấn, các nhà nghiên cứu trong nước và nước ngoài, UBND tỉnh Quảng Bình đã chỉ đạo VQG PN-KB và các cấp các ngành, các địa phương hoàn chỉnh hồ sơ trình UNESCO công nhận là DSTNTG. Tuy nhiên, với một diện tích rộng lớn và địa hình hiểm trở, các hoạt động nghiên cứu hầu như mới chỉ triển khai ở vùng vùng giáp ranh; phần lớn diện tích ở vùng trung tâm của VQG và giáp với Lào thì chưa được nghiên cứu. Công tác nghiên cứu khoa học ở DSTNTG PN-KB sẽ khám phá những giá trị tiềm ẩn của VQG, cho ta thấy được bức tranh tổng thể về tài nguyên du lịch của khu vực, đồng thời các kết quả nghiên cứu khoa học là cơ sở rất quan trọng cho việc đề ra các giải pháp bảo tồn và phát huy các giá trị của di sản. Trong thời gian tới, cần tập trung vào một số hoạt động nghiên cứu khoa học như sau:

- Xây dựng Hồ sơ của VQG mở rộng lên toàn bộ diện tích 147.000 ha để đảm bảo tính nguyên vẹn của Di sản (vừa qua, hồ sơ của VQG PN-KB trình lên UNESCO công nhận là DSTNTG do nhiều yếu tố nên chỉ lập trên diện tích 87.000 ha trong tổng số 147.000 ha của VQG). UNESCO cũng đã đề nghị lập hồ sơ cho toàn bộ diện tích của VQG để bảo đảm tính nguyên vẹn của Di sản, đồng thời nếu có thể được tỉnh Quảng Bình cần phối hợp với tỉnh Khăm Muộn-Lào để xây dựng hồ sơ chung cho cả VQG PN-KB và Khu Bảo tồn Thiên nhiên Hin Nậm Nô. Với những khối núi đá vôi liên tục chạy suốt từ

Quảng Bình sang Khăm Muộn đây được xem là một trong những khu vực đá vôi rộng lớn nhất thế giới. Tính nguyên vẹn, tính độc đáo và tính liên biên giới là những đặc tính rất quan trọng của khu vực này.

- Tập trung điều tra, nghiên cứu để bổ sung đa dạng sinh học của VQG cho việc lập hồ sơ trình UNESCO công nhận là DSTNTG lần thứ 2 về tính đa dạng sinh học (tiêu chí 4).

- Tiếp tục khảo sát hệ thống hang động ở PN-KB để bổ sung và hoàn chỉnh hồ sơ hệ thống hang động ở đây. Trong hệ thống hang động cần nghiên cứu để phân loại các hang động cho những mục đích khác nhau như phục vụ du lịch, phục vụ an ninh quốc phòng, phục vụ sản xuất. Trong các hang động phục vụ du lịch cũng cần phải khảo sát điều kiện cụ thể của từng hang động (như vị trí, khả năng tiếp cận, cảnh quan trong và ngoài động, thạch nhũ...) để phân loại cho các mục đích tham quan du lịch khác nhau. Cần chú ý giữ gìn vẻ hoang sơ của các hang động, bảo tồn tính nguyên sinh, tạo nên sự hấp dẫn đối với du khách, nhất cho những tour du lịch thám hiểm.

- Tiếp tục nghiên cứu địa hình đá vôi ở PN-KB. Trải qua gần 400 triệu năm phát triển lịch sử địa chất của vỏ trái đất, khu vực núi đá vôi rộng lớn, trùng điệp PN-KB với tầng đá vôi dày trên 1.500m đã được hình thành, tạo nên một Phong Nha-Kẻ Bàng đặc sắc, độc đáo, một kỳ quan thiên nhiên thơ mộng, kỳ diệu và huyền bí. Tuy đã có nhiều công trình nghiên cứu trên lĩnh vực này, nhưng còn có rất nhiều điều mới là và cần phải có những nghiên cứu tiếp theo về địa hình núi đá vôi phục vụ mục đích phát triển du lịch, nhất là ở vùng trung tâm VQG và vùng giáp ranh với Lào.

- Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học như phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu, trạm quan trắc, các trang thiết bị kỹ thuật hiện đại phục vụ cho công tác nghiên cứu. Tiếp nhận các chuyên gia, các nhà nghiên cứu và đào tạo đội ngũ làm công tác nghiên cứu khoa học cho VQG.

- Nghiên cứu đánh giá tác động của các hoạt động du lịch lên phân hệ sinh thái tự nhiên, phân hệ xã hội nhân văn và phân hệ kinh tế làm cơ sở đề ra những biện pháp hữu hiệu đảm bảo cho phát triển bền vững ở PN-KB.

### **3.2.3.5. Xây dựng chính sách hỗ trợ các hoạt động bảo tồn:**

Những năm trước đây, nguồn thu từ du lịch ở Phong Nha-Kẻ Bàng (chủ yếu từ bán vé tham quan động Phong Nha và động Tiên Sơn) được trích lại cho Công ty Du lịch Quảng Bình 28%. Kể từ ngày Vườn Quốc gia PN-KB được giao nhiệm vụ quản lý các hoạt động du lịch ở đây, Ban Quản lý VQG được giữ lại 39% doanh thu từ bán vé tham quan. Tuy nhiên, số tiền này được giao cho Trung tâm Du lịch Sinh thái-Văn hóa Phong Nha sử dụng chi phí cho các hoạt động của Trung tâm. Như vậy, nguồn thu từ du lịch ở Phong Nha-Kẻ Bàng chưa được hỗ trợ cho các hoạt động bảo tồn. Đầu năm 2006, HĐND tỉnh Quảng Bình đã ra Nghị quyết, trong đó ngoài 39% nguồn thu từ bán vé tham quan trích cho VQG, thì UBND xã Sơn Trạch được hưởng 3% và UBND huyện Bố Trạch được hưởng 2% doanh thu từ bán vé tham quan. Tuy nhiên, không phải tất cả kinh phí này được UBND huyện Bố Trạch và xã Sơn Trạch chi cho hoạt động bảo tồn. Chính vì vậy, việc xây dựng chính sách hỗ trợ cho các hoạt động bảo tồn ở Phong Nha-Kẻ Bàng là rất cần thiết. Cần phải xây dựng một số chính sách tập trung vào:

- Tăng phần trăm để lại từ nguồn bán vé tham quan cho BQL VQG và địa phương, đồng thời xây dựng cơ chế bắt buộc BQL VQG, UBND huyện Bố Trạch và xã Sơn Trạch phải chi cho các hoạt động bảo tồn từ nguồn ngân sách trích lại từ doanh thu bán vé tham quan.

- Xây dựng cơ chế chính sách bắt buộc các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh du lịch ở Phong Nha-Kẻ Bàng hỗ trợ cho các hoạt động bảo tồn (hiện nay, do có quá ít các doanh nghiệp hoạt động ở đây cho nên Quảng Bình vẫn chưa xây dựng được cơ chế chính sách này).

- Hỗ trợ kinh phí từ các chương trình mục tiêu, đồng thời tuyên truyền, vận động cộng đồng dân cư trong vùng tham gia tích cực vào công tác bảo tồn; phải xem bảo tồn là hoạt động bảo đảm lợi ích kinh tế lâu dài cho cộng đồng dân cư.

- Xây dựng các dự án bảo tồn kêu gọi các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ tài trợ. Có cơ chế quản lý chặt chẽ để nguồn vốn của các dự án thực sự được chi cho công tác bảo tồn. Thực tế, trong thời gian vừa qua, nhiều dự án của các tổ chức quốc tế, ODA, NGOs đã góp hỗ trợ tích cực cho các hoạt động bảo tồn ở Phong Nha-Kẻ Bàng. Nhiều tổ chức như WWF, SNV, CPI, ADB đã và đang triển khai các dự án trong đó có hợp phần rất quan trọng là bảo tồn ở Phong Nha-Kẻ Bàng.

- Tăng cường phương tiện công tác, xây dựng chế độ ưu đãi đối với cán bộ kiểm lâm của VQG, đồng thời nâng cao phẩm chất đạo đức của đội ngũ kiểm lâm viên ở đây.

### ***TÓM LẠI:***

1. Trong những năm gần đây, du lịch Quảng Bình nói chung và Du lịch PN-KB nói riêng có những bước phát triển vượt bậc. Tiềm năng du lịch của PN-KB còn rất lớn và du lịch PN-KB còn có thể phát triển mạnh mẽ hơn nữa trong tương lai. Tuy nhiên, sự "bùng nổ" về du lịch đang đặt ra nhiều vấn đề cần phải giải quyết. Nhiệm vụ đặt ra ở đây là làm sao phát triển du lịch ở VQG PN-KB một cách bền vững, phải giữ gìn DSTNTG cho hôm nay và cho các thế hệ mai sau.

2. Để phát triển du lịch ở PN-KB một cách bền vững cần phải xây dựng được các sản phẩm du lịch độc đáo, hấp dẫn, mang ấn tượng của một DSTNTG và phải thân thiện với môi trường. Các sản phẩm du lịch cần chú trọng phát triển là Du lịch sinh thái; Du lịch kết hợp với nghiên cứu khoa học,

với các hoạt động bảo tồn; Du lịch Văn hoá-Lịch sử; Du lịch làng bản các dân tộc ít người; Du lịch hang động...

3. Cần có nhiều giải pháp toàn diện, bền vững cả về kinh tế, văn hoá-xã hội và môi trường mới làm cho Du lịch PN-KB phát triển bền vững hơn. Trong số nhiều giải pháp thì một số giải pháp cần phải được đưa lên hàng đầu và phải triển khai thực hiện ngay từ bây giờ, khi du lịch PN-KB đang ở trong giai đoạn phát triển ban đầu. Một số giải pháp chính là: Phát triển kinh tế vùng lõi, vùng đệm; Bảo tồn các giá trị của DSTNTG; Bảo tồn, tôn tạo và phát triển tài nguyên du lịch; Đào tạo nguồn nhân lực và nâng cao nhận thức của cộng đồng dân cư; Khuyến khích người dân địa phương tham gia vào các hoạt động của du lịch...

4. Để triển khai các giải pháp phát triển bền vững du lịch ở DSTNTG PN-KB một cách có hiệu quả, cần có các nguồn lực tài chính; sự hỗ trợ của các doanh nghiệp; sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, các địa phương; sự tham gia tích cực của cộng đồng. Là một tỉnh còn nghèo, ngân sách tỉnh còn hạn hẹp, để triển khai đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp phát triển du lịch bền vững ở PN-KB, ngoài việc huy động nguồn lực của địa phương, của các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh du lịch, Quảng Bình cần kêu gọi các Tổ chức trong nước và quốc tế, các Tổ chức Phi Chính phủ, chính phủ các nước tài trợ nhất là trong Quy hoạch phát triển du lịch bền vững, trong các hoạt động bảo tồn, nghiên cứu khoa học, trùng tu tôn tạo các công trình văn hoá-lịch sử, nâng cao năng lực của Ban Quản lý VQG...



## KẾT LUẬN

Ngày nay, du lịch là ngành công nghiệp lớn nhất và phát triển mạnh nhất trên thế giới với tiềm năng kinh tế to lớn. Du lịch tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập, tăng ngân sách, là nguồn thu ngoại tệ quan trọng và đối với các vùng sâu, vùng xa du lịch là công cụ đắc lực để xoá đói giảm nghèo. Bên cạnh đó, du lịch cũng có những tác động tiêu cực không nhỏ đối với môi trường, xã hội và cả nền kinh tế. Chính vì vậy, du lịch bền vững là xu hướng phát triển của ngành du lịch của tất cả các nước trên thế giới; làm sao đáp ứng các nhu cầu hiện tại của du khách mà vẫn bảo đảm những khả năng đáp ứng nhu cầu cho các thế hệ du lịch tương lai. Đối với các Khu Bảo tồn Thiên nhiên và Vườn Quốc gia, phát triển du lịch bền vững có tầm quan trọng đặc biệt. Đây là những vùng nhạy cảm cao với các biến động, dễ bị phá huỷ, các hệ sinh thái dễ bị tổn thương, khả năng phục hồi thấp khi bị tàn phá. Nằm trong hệ thống vườn Quốc gia ở nước ta, Phong Nha-Kẻ Bàng có những giá trị nổi bật toàn cầu về tính độc đáo về địa chất, địa hình địa mạo; tính đa dạng sinh học với quần thể động thực vật quý hiếm và đặc hữu hẹp; những cảnh quan bí hiểm, hoang sơ; hệ thống hang động kỳ vĩ, độc đáo. Với những giá trị độc đáo mang tính toàn cầu, VQG Phong Nha-Kẻ Bàng đã được UNESCO công nhận là Di sản Thiên nhiên Thế giới vào tháng 7/2003. Chính vì vậy, nhiệm vụ đặt ra cho chúng ta là phải làm sao để bảo tồn và phát huy các giá trị của Di sản, làm sao để giữ gìn Di sản cho hôm nay và cho các thế hệ mai sau.

Xuất phát từ những lý do đó, luận án "*Phát triển du lịch bền vững ở Phong Nha-Kẻ Bàng*" là rất cần thiết phải được quan tâm nghiên cứu và có tính cấp bách. Luận án đã tập trung nghiên cứu và đạt được một số kết quả như sau:

1. Nghiên cứu, xem xét cơ sở lý luận về phát triển du lịch bền vững. Sau khi phân tích hệ thống Du lịch, luận án đã đưa ra những nguyên tắc phát triển du lịch bền vững và các khuyến nghị đối với ngành du lịch trong việc phát triển du lịch bền vững. Các chiến lược phát triển du lịch trong những hoàn cảnh, điều kiện cụ thể cho từng cũng giai đoạn cũng được đề cập đến làm cơ sở để hoạch định các chính sách phát triển du lịch trong từng thời kỳ. Để đánh giá tính bền vững của phát triển du lịch một số phương pháp được đưa ra phụ thuộc vào điều kiện cụ thể của từng khu du lịch.

2. Nghiên cứu thực tiễn hoạt động du lịch của các nước trên thế giới, trong đó chú trọng vào hoạt động du lịch tại các vườn Quốc gia, Khu Bảo tồn thiên nhiên. Từ những kinh nghiệm thành công về phát triển du lịch bền vững cũng như những bài học từ việc phát triển du lịch không bền vững ở các nước trên thế giới chúng ta có thể rút ra được những bài học quý báu cho việc hoạch định chiến lược và đề ra những giải pháp phát triển bền vững cho ngành du lịch nước ta.

3. Nghiên cứu tiềm năng du lịch của Di sản Thiên nhiên Thế giới Vườn Quốc gia Phong Nha-Kẻ Bàng. Đánh giá tính độc đáo, nổi trội, đặc sắc của tài nguyên du lịch thiên nhiên và nhân văn của Phong Nha-Kẻ Bàng. Đây chính là cơ sở rất quan trọng để định hướng xây dựng các sản phẩm du lịch hấp dẫn, có tính bền vững cao. Ngoài ra, điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội của vùng cũng được quan tâm nghiên cứu để có một cách nhìn tổng quát nhằm đưa ra các giải pháp phát triển bền vững có hiệu quả và tính thực thi cao.

4. Đánh giá một cách toàn diện thực trạng phát triển du lịch của Phong Nha-Kẻ Bàng trong thời gian qua. Phân tích những đóng góp tích cực của du lịch cho kinh tế-xã hội trong vùng, nhất là trong việc tạo ra việc làm, tăng thu nhập cho cộng đồng dân cư địa phương, tích cực góp phần xoá đói giảm nghèo. Bên cạnh đó, những ảnh hưởng tiêu cực của việc phát triển du lịch lên

môi trường, xã hội và kinh tế cũng được nêu lên và phân tích. Bằng những phương pháp cụ thể, tính bền vững của phát triển du lịch ở Phong Nha-Kẻ Bàng đã được đánh giá, qua đó chúng ta có thể nhìn nhận được rằng, nếu không có những giải pháp hữu hiệu thì sự "bùng nổ" của du lịch ở đây trong thời gian qua sẽ gây ra những thảm hoạ đối với Di sản trong tương lai.

5. Dựa trên tiềm năng du lịch, điều kiện kinh tế-xã hội và thực trạng phát triển du lịch trong thời gian qua, định hướng phát triển du lịch cho Quảng Bình nói chung và Phong Nha-Kẻ Bàng nói riêng đã được nghiên cứu, đề xuất. Đối với Vườn Quốc gia Phong Nha-Kẻ Bàng, định hướng phát triển các sản phẩm du lịch ở đây có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Các sản phẩm du lịch ở đây không chỉ phải đặc sắc, độc đáo, hấp dẫn, mang đậm tính của Di sản Thiên nhiên Thế giới mà còn phải thân thiện với môi trường, góp phần tích cực vào công tác bảo tồn các giá trị của Di sản.

6. Những giải pháp phát triển du lịch bền vững ở Phong Nha-Kẻ Bàng đã được nghiên cứu, đề xuất. Đây là những giải pháp phù hợp với điều kiện cụ thể của Vườn Quốc gia và có tính thực thi cao. Những giải pháp này đảm bảo cho việc phát triển du lịch bền vững cả về môi trường, văn hoá-xã hội và kinh tế.

Tuy nhiên, đây là một đề tài liên quan đến nhiều lĩnh vực và được áp dụng cho một khu du lịch là Di sản Thiên nhiên Thế giới cụ thể và rất nhạy cảm. Vì vậy, luận án không tránh khỏi những hạn chế cần được tiếp tục nghiên cứu sâu rộng hơn. Tác giả mong muốn đón nhận những lời khuyên, những góp ý của các thầy giáo, cô giáo, của các đồng nghiệp và của các nhà khoa học.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN  
ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ**

1. Trần Tiến Dũng (2002), Các chiến lược phát triển du lịch, *Tạp chí Du lịch Việt Nam* tháng 8/2002.
2. Trần Tiến Dũng (2003), Du lịch Quảng Bình - những giải pháp phát triển bền vững, *Tạp chí Du lịch Việt Nam* tháng 8/2003.
3. Trần Tiến Dũng (2003), Nâng cao vai trò Quản lý Nhà nước trong hoạt động kinh doanh du lịch, *Tạp chí Du lịch Việt Nam* tháng 10/2003.
4. Trần Tiến Dũng (2004), Du lịch Phong Nha-Kẻ Bàng, một năm sau khi vườn Quốc gia được công nhận là Di sản Thiên nhiên Thế giới, *Tạp chí Sinh hoạt Chi bộ* tháng 10/2004.
5. Trần Tiến Dũng (2005), "Hoạt động Du lịch và những biện pháp nâng cao vai trò quản lý Nhà nước trong lĩnh vực Du lịch trên địa bàn tỉnh Quảng Bình", *Tạp chí Người làm báo* tháng 1/2005.
6. Trần Tiến Dũng (2005), Phong Nha-Kẻ Bàng với phát triển du lịch bền vững, *Tạp chí Du lịch Việt Nam* tháng 5/2005.
7. Trần Tiến Dũng (2005), Phong Nha-Kẻ Bàng Di sản Thiên nhiên Thế giới, *Tạp chí Thông tin Quảng cáo ảnh Thương mại* tháng 6/2005.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tiếng Việt

1. Vũ Tuấn Cảnh, Đặng Duy Lợi, Lê Thông, Nguyễn Minh Tuệ (1993), *Tổ chức lãnh thổ du lịch Việt Nam*, Viện Nghiên cứu và Phát triển Du lịch, Hà Nội.
2. Lê Xuân Cảnh, Trương Văn Lã, Đặng Thị Đáp, Hồ Thu Cúc và nnk (1997), *Kết quả điều tra về đa dạng sinh học tại khu Phong Nha - Kẻ Bàng (Quảng Bình)*, Báo cáo UNDP/WWF/RAS 93/102, Hà Nội.
3. Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam (2003), *Di sản Thiên nhiên Thế giới Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, Quảng Bình*, Việt Nam, Hà Nội.
4. Cục Môi trường - Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (1998), *Bên kia chân trời xanh*, Tourism Concern, WWF - UK, Hà Nội
5. Đoàn Liêng Diễm (2003), *Một số giải pháp phát triển du lịch bền vững ở thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2010*, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.
6. Nguyễn Xuân Đặng, Phạm Nhật, Phạm Trọng Cảnh, Hendrichsen D. (1998), *Kết quả điều tra nghiên cứu khu hệ thú ở Phong Nha - Kẻ Bàng (Quảng Bình)*, Báo cáo cho FFI - Indochina, Hà Nội.
7. Nguyễn Văn Đính, Phạm Hồng Chương (1998), *Giáo trình Quản trị kinh doanh lữ hành*, NXB Thống kê, Hà Nội.
8. Nguyễn Đình Hòa, Vũ Văn Hiến (2001), *Du lịch bền vững*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
9. IUCN (1998), *Tuyển tập báo cáo, Hội thảo Kế hoạch Du lịch cộng đồng Sapa*, Hà Nội.
10. IUCN, VNAT, ESACP (1999), *Tuyển tập Báo cáo, Hội thảo Xây dựng chiến lược Quốc gia về phát triển Du lịch sinh thái ở Việt Nam*, Hà Nội.

11. Meijboom M., Hồ Thị Ngọc Lanh (2002), *Hệ động thực vật ở Phong Nha - Kẻ Bàng và Hin Nậm Nô*, Dự án WWF: Liên kết Hin Nậm Nô và Phong Nha - Kẻ Bàng thông qua bảo tồn song hành.
12. Nguyễn Quang Mỹ (2003), *Nghiên cứu cảnh quan địa hình karst vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng phục vụ du lịch*, Kỷ yếu Hội thảo "Phong Nha - Kẻ Bàng với Con đường Di sản Thế giới tại miền Trung", Quảng Bình.
13. Lê Văn Lanh (1999), *Du lịch sinh thái trong các Khu bảo tồn Tự nhiên ở Việt Nam*, Tuyển tập Hội thảo "Xây dựng chiến lược Quốc gia phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam, Hà Nội.
14. Lê Văn Lanh, MacNeil D.J. (1995), *Du lịch sinh thái ở Việt Nam - triển vọng cho việc bảo tồn và sự tham gia của địa phương*, Tuyển tập báo cáo Hội thảo Quốc gia về "Các vườn Quốc gia và các vùng bảo vệ ở Việt Nam, Hà Nội.
15. Phạm Trung Lương (2002), *Du lịch sinh thái - những vấn đề lý luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
16. Phạm Trung Lương, Nguyễn Tài Cung (1997), *Tổ chức hoạt động du lịch trong các Khu bảo tồn*, Tuyển tập Báo cáo Hội thảo Quốc gia về "Sự tham gia của Cộng đồng địa phương trong việc Quản lý và Bảo vệ các Khu Bảo tồn Thiên nhiên Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh.
17. Phạm Trung Lương, Nguyễn Tài Cung (1997), *Phát triển du lịch sinh thái với việc sử dụng rừng và môi trường rừng*, Tuyển tập Báo cáo Hội thảo Quốc gia về "Tổ chức, Quản lý và Quy hoạch hệ thống rừng đặc trưng".
18. Trần Nghi, nnk (2003), *Tính đa dạng địa chất, địa mạo cấu thành Di sản Thiên nhiên Thế giới của khu vực Phong Nha - Kẻ Bàng*, Kỷ yếu Hội thảo "Phong Nha - Kẻ Bàng với Con đường Di sản Thế giới tại miền Trung", Quảng Bình.

19. Trần Nhuận (1996), *Du lịch và kinh doanh du lịch*, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
20. Vũ Oanh, *Phong Nha đẹp nhất Thế giới*, Tạp chí Toàn cảnh và Dư luận, số 48 (tháng 7/1994).
21. Vũ Văn Phái (2003), *Đặc điểm hang động karst Phong Nha - Kẻ Bàng*, Kỷ yếu Hội thảo "Phong Nha - Kẻ Bàng với Con đường Di sản Thế giới tại miền Trung", Quảng Bình.
22. Sở Khoa học, công nghệ và môi trường Quảng Bình (2002), *Phong Nha - Kẻ Bàng từ tư liệu tổng quan*, tổng hợp các công trình nghiên cứu về Phong Nha - Kẻ Bàng, Quảng Bình.
23. Sở Thương mại và Du lịch Quảng Bình (2001), *Chương trình phát triển du lịch thời kỳ 2001 - 2005*, Quảng Bình.
24. Sở Thương mại và Du lịch Quảng Bình (2004), *Sản sản Thiên nhiên Thế giới Phong Nha - Kẻ Bàng*, sách giới thiệu, Quảng Bình.
25. Sở Thương mại và Du lịch Quảng Bình (2004), *Sản sản Thiên nhiên Thế giới Phong Nha - Kẻ Bàng với Con đường Di sản Thế giới tại miền Trung, kỷ yếu Hội thảo*, Quảng Bình.
26. Sở Thương mại và Du lịch Quảng Bình (2004), *Du lịch Quảng Bình*, sách hướng dẫn Du lịch, Quảng Bình.
27. Nguyễn Nghĩa Thìn (2003), *Đánh giá tính đa dạng sinh học ở vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng tỉnh Quảng Bình*, Kỷ yếu Hội thảo "Phong Nha - Kẻ Bàng với Con đường Di sản Thế giới tại Miền Trung", Quảng Bình.
28. Tổng Cục Du lịch (2005), *Giới thiệu sách cẩm nang về phát triển du lịch bền vững*, Hội đồng khoa học - Tổng Cục Du lịch, Hà Nội.

29. Tổng Cục Du lịch (2004), *Kỷ yếu Hội thảo "Bảo vệ môi trường du lịch, Tổng Cục Du lịch, Hà Nội.*
30. Tổng Cục Du lịch (2001), *Quy hoạch Tổng thể phát triển Du lịch vùng Du lịch Bắc Trung bộ đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020, Báo cáo Tổng hợp, Hà Nội.*
31. Tổng Cục Du lịch, Fundeso (2003), *Xây dựng năng lực và Phát triển Du lịch ở Việt Nam", Tài liệu Dự án, Hà Nội.*
32. Nguyễn Thái Tự, Nguyễn Xuân Khoa, Lê Viết Thắng (1999), *Khu hệ cá Phong Nha, Hội thảo Đa dạng sinh học Bắc Trường Sơn, NXB ĐHQG Hà Nội.*
33. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình (1998), *Xây dựng Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, Dự án đầu tư, Quảng Bình.*
34. Viện Nghiên cứu phát triển du lịch - Tổng Cục Du lịch (2002), *Cơ sở khoa học và giải pháp phát triển du lịch ở Việt Nam, đề tài khoa học - công nghệ độc lập cấp Nhà nước, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường Tổng Cục Du lịch, Hà Nội.*
35. Viện Nghiên cứu phát triển Du lịch (1998), *Hội thảo về Du lịch sinh thái và Phát triển bền vững ở Việt Nam, Hà Nội.*

### **Tiếng Anh:**

36. Bassel H. (1999), *Indicator for Sustainable Development: Theory, Method, Application, IISD, Winnipeg, Manitorba, Canada.*
37. Eagles P.F.J., McCool S.F. and Hynes D. (2002), *Sustainable Tourism in Protected Areas. Gruidelines of Planning and Management, IUCN, WCPA Best Practice Protected Areas Guidelines Series No.8, Gland.*



38. Godfrey K.B (1994), *Sustainable Tourism. What is it really?*, United Nationals Economic and Social Council, Cyprus.
39. Hamilton - Smith E. (2002), Report of Visit to Phong Nha/Ke Bang, IUCN Task Force on Cave and Karst Management.
40. Hens L. (1998), *Tourism and Environment*, M.Sc. Course, Free University of Brussel, Belgium.
41. Honey M. (1999), *Ecotourism and Sustainable Development. Who Owns Paradise?* Island Press, Washington D.C.
42. Hunter C., Green H. (1995), *Tourism and the Environment: A Sustainable Relationship*, Routledge.
43. Inskip, E. (1995), *National and Regional Tourism planning: Methodologies and Case Studies*, Routledge, London.
44. Lafferty W.M., Langhelle O.(1999), *Towards Sustainable Development: On the Goals of Development and the Conditions*, Macmillan, USA.
45. Machado A. (2003), *Tourism and Sustainable Development*, Capacity Building for Tourism Development in VietNam, VNAT and FUEDES, VietNam.
46. Machado A. (1990), *Ecology, Environment and Development in the Canary Islands*, Santa Cruz de Tenerife.
47. Manning E.W. (1996), *Carrying Capacity and Environmental Indicators*, WTO News. June/1996.
48. Mowforth M. and Munt I. (1998), *Tourism and Sustainability: New Tourism in the Third World*, Routledge, London.
49. Nikolova A. and Hens L. (1998), *Sustainable Tourism*, Free University of Brussel, Belgium.

50. Rob H., Griffin T., Williams P., Heath E., and Toepper L. (2001), *Sustainable Tourism: A Global Perspective*, Butterworth - Heinemann, Oxford, UK.
51. Stabler M.J. (1997), *Tourism and Sustainability: Principles to Practice*, Oxon CAB International, Wallingford.
52. Swarbrook J. (1999), *Sustainable Tourism Management*, Cabi International, Wallingford.
53. Twynam D., Johnston M., Payne B., and Kingston S. (1998), *Ecotourism and Sustainable Tourism Guidelines*, Lakehead University, Thunder Bay, Ontario, Canada.
54. UNEP (1995), *Environmental Codes of Conduct for Tourism*, Paris: United Nations Environment Programme.
55. Wong P.P. (1993), *Tourism vs Environment: The Case for Coastal Areas*, Kluwer Acad. Publication, Netherlands.
56. WTO (2002), *Sustainable Development of Tourism: A Compilation of Good Practices*, Madrid.
57. Wurm S. (1999), *A Preliminary Feasibility Study of Eco - Tourism as Part of a Sustainable Conservation Strategy for Phong Nha - Ke Bang Nature Reserve*, Quang Binh Province, VietNam.
58. WWF (1990), *Roads to Ruin*, World Wide Fund for Nature.

## PHỤ LỤC

***Bảng 1: Danh mục các hang động trong hệ thống hang Vòm***

Số TT	Tên hang	Chiều dài nằm ngang (m)	Độ sâu (m)
1	Hang Vòm	15.050	145
2	Hang Đại Cáo	1.645	28
3	Hang Duật (hang Mê Cung)	3.927	45
4	Hang Cả (Pitch Cave)	1.500	60
5	Hang Hồ	1.616	46
6	Hang Vượt (Over Cave)	3.244	103
7	Hang Người Lùn	845	94
8	Hang Rục (Carrong)	2.800	30
9	Hang Dany	250	30
10	Hang Mai An Tiêm (Water Melon)	400	25
<b>Tổng chiều dài</b>		<b>31.277</b>	

***Bảng 2: Danh mục các hang động trong hệ thống hang Phong Nha***

Số TT	Tên hang	Chiều dài nằm ngang (m)	Độ sâu (m)
1	Hang Phong Nha	7.729	83
2	Hang Tối	5.558	80
3	Hang En	736	0
4	Hang Chà An	667	15
5	Hang Thung	3.351	133
6	Hang Én	1,645	49
7	Hang Khe Tiên	520	15
8	Hang Khe Ry	18.902	141
9	Hang Khe Thi	35	20
10	Hang Phong Nha Khô	981	25
11	Hang Lạnh	3.753	114
12	Hang Cá	361	14
13	Hang Dơi	453	-24

**Bảng 3: Danh mục các hang khác ở Quảng Bình**

Số TT	Tên hang	Chiều dài nằm ngang (m)	Độ sâu (m)
1	Hang Rục Mòn	2,863	49
2	Hang Tiên	2,500	51
3	Hang Chén Chuột	279	15
4	Hang Minh Cầm	246	15
5	Hang Thông	193	10
6	Hang Bàn Cờ	144	6
7	Hang Khái (Hang Hổ)	100	5
8	Hang Ba Sáu	140	38
9	Hang Cây Tre	160	5
10	Hang Nhà Máy	150	0
11	Hang Dơi	125	10
12	Hang La Ken I	30	0
13	Hang La Ken II	250	10
14	Hang Tôn	30	0
<b>Tổng chiều dài</b>		<b>7,210</b>	

*Nguồn: Di sản Thiên nhiên Thế giới Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng - Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam*

**Bảng 4: Danh sách thực vật đặc hữu của Việt Nam  
ở Phong Nha - Kẻ Bàng**

Số TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam
1	Burretiodendronhsienmu	Nghiến
2	Cryptocarya lenticellata	Nanh chuột
3	Deutzianthus tonkinensis	Mọ
4	Eberhardtia tonkinensis	Mắc niễng
5	Heritiera macrophylla	Cui lá to
6	Hopea sp	Tấu đá
7	Illicium parviflorum	Hôi núi
8	Litsea baviensis	Bời lời Ba Vì
9	Madhuca pasquieri	Sến mật
10	Michelia faveolata	Giổi nhung
11	Pelthôphrum tonkinensis	Lim xẹt
12	Sêmcarpus annamensis	Sưng nam
13	Sindora tonkinensis	Gụ lau

*(Theo Vietnam Forest Trees (Vũ Văn Dũng et al - Vietnam Agricultural Publishing House)*

**Nguồn:** *Di sản Thiên nhiên Thế giới vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng - Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.*

**Bảng 5: Danh sách thực vật bị đe dọa ở Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng**

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Sách đỏ Việt Nam	Sách đỏ IUCN	Hình thái
1	<i>Acer oblongum</i>	Thích thuôm		E	Gỗ lớn
2	<i>Annamocarya sinensis</i>	Chò đái	V	R	Gỗ lớn
3	<i>Anoetochilus setaceus</i>	Lan kim tuyến	E		Cây thảo
4	<i>Aquilaria crassna</i>	Trâm	E		Gỗ lớn
5	<i>Ardisia silvestris</i>	Lá khô	V		Dây leo
6	<i>Breynia grandiflora</i>	Dé lớn		R	
7	<i>Burretiodendron tonkinensis</i>	Nghiến	V	V	Gỗ lớn
8	<i>Calamus dioicus</i>	Mây tắt		R	Dây leo
9	<i>Calamus platyacanthus</i>	Song mật	V		Dây leo
10	<i>Calamus poilanei</i>	Song bột	K	V	Dây leo
11	<i>Callophyllum calaba</i>	Công tí ân		V	Gỗ lớn
12	<i>Callophyllum touranense</i>	Công chai	R	R	Gỗ lớn
13	<i>Cephalotaxus hainnensis</i>	Phỉ lược	R	V	Gỗ T. bình
14	<i>Chenôpdium ambrosioides</i>	Dầu giun		I	Dây leo
15	<i>Chukrasia tabularis</i>	Lát	K		Gỗ lớn
16	<i>Cyanotis burmaniana</i>	Thài lài bích trai		R	Day tròn
17	<i>Cinnamomum mairei</i>	Re mai		E	Gỗ
18	<i>Coscinium fenestratum</i>	Vàng đắng	V	E	Dây leo
19	<i>Cycas balansae</i>	Tuế núi đá	V		Cây bụi
20	<i>Dacrydium pierrei</i>	Hoàng đàn giả	K		Gỗ lớn
21	<i>Dalbergia cochichinensis</i>	Cẩm lan nam	V		Gỗ lớn
22	<i>Dalbergia tonkinensis</i>	Sưa	V	V	Gỗ lớn
23	<i>Dendrobium amabile</i>	Hoàng thảo	R		Cây thảo
24	<i>Drynariafortuinei</i>	Cốt toái bổ	T		Bì sinh
25	<i>Dialium cochinchinensis</i>	Xoay	V		Gỗ lớn
26	<i>Eodia simplicifolia</i>	Ba gạc đơn		R	Gỗ nhỏ
27	<i>Fokienia hodginsii</i>	Pơ mu	K	R	Gỗ lớn
28	<i>Garcinia fagraeoide</i>	Trai	R		Gỗ lớn
29	<i>Helicia grandifolia</i>	Mạ sưa lá lớn	R		Gỗ T. bình

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Sách đỏ Việt Nam	Sách đỏ IUCN	Hình thái
30	<i>Hopea hainanensis</i>	Sao Hải Nam	K	E	Gỗ lớn
31	<i>Hopea pierrei</i>	Kiền kiền	K		Gỗ lớn
32	<i>Hypericum japonicum</i>	Ban		I	Gỗ nhỏ
33	<i>Illicium parviflorum</i>	Hôi núi		E	Gỗ nhỏ
34	<i>Livistona chinenses</i>	Lá nón		R	Bụi
35	<i>Madhuca hainanensis</i>	Sến Hải Nam		V	Gỗ lớn
36	<i>Madhuca pasquieri</i>	Sến mật	T	E	Gỗ lớn
37	<i>Manglietia rufibarbata</i>	Giổi xanh		E	Gỗ lớn
38	<i>Markhamia stipulata</i>	Đinh	V		Gỗ lớn
39	<i>Milientha suavis</i>	Sắng	K		Gỗ nhỏ
40	<i>Morinda officinalis</i>	Ba kích	K		Dây leo
41	<i>Negegia fleuryi</i>	Kim giao	V	V	Gỗ lớn
42	<i>Parashorea chinensis</i>	Chò chỉ	R	R	Gỗ lớn
43	<i>Platanus kerri</i>	Chò nước	T		Gỗ lớn
44	<i>Podocarpus nrrifolius</i>	Thông tre	R		Gỗ T. bình
45	<i>Pterocarpus acrocarpus</i>	Giáng hương	V		Gỗ lớn
46	<i>Rawolfia verticillata</i>	Ba gạc	V		Cây bụi
47	<i>Schoutenia hypoleuca</i>	Sơn tần	V		Gỗ lớn
48	<i>Sindora tonkinensis</i>	Gụ	V		Gỗ lớn
49	<i>Smilax glabra</i>	Thỏ phục linh	T		Dây leo
50	<i>Tarrietia javanica</i>	Huỳnh	V		Gỗ lớn
51	<i>Zenia insignis</i>	Muồng lá đỏ	R		Gỗ nhỏ
<b>Tổng số</b>			<b>38</b>	<b>25</b>	

**Ghi chú:** E: Đang nguy cấp (Endangered), (Sách Đỏ VN/IUCN); T: Bị đe dọa (Threatened), (Sách Đỏ VN/IUCN); V: Dễ tổn thương Vulnerable, (Sách Đỏ VN/CN); R: Hiếm (Rare), (Sách Đỏ VN/IUCN); I: Chưa xác định (Indeterminate), (Sách Đỏ IUCN); K: Biết chưa đầy đủ (Insufficiently known), (Sách Đỏ VN).

**Nguồn:** Di sản Thiên nhiên Thế giới Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng - Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

**Bảng 6: Danh sách các loài thú bị đe dọa ở Phong Nha - Kẻ Bàng**

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Sách đỏ Việt Nam	Sách đỏ IUCN
1	<i>Aonyx cinerea</i>	Rái cá vuốt bé	V	LR
2	<i>Arctictis binturong</i>	Cây mực	V	
3	<i>Arctogalidia trivirgata</i>	Cây tai trắng	R	
4	<i>Bos gaurus</i>	Bò tót	E	
5	<i>Capricornis sumatraensis</i>	Sơn dương	V	VU
6	<i>Cuon alpinus</i>	Sói đỏ	E	VU
7	<i>Cynocephalus variegatus</i>	Chồn doi	R	
8	<i>Cynopterus brachyotis</i>	Đơi chó tai ngắn	R	
9	<i>Elephas maximus</i>	Voi	V	EN
10	<i>Felis marmorata</i>	Mèo gấm		DD
11	<i>Felis temmincki</i>	Beo lửa	R	
12	<i>Helarctos malayanus</i>	Gấu chó	E	DD
13	<i>Hylopetes alboniger</i>	Sóc gay đen trắng	R	
14	<i>Ia io</i>	Đơi iô	R	LR
15	<i>Lutra lutra</i>	Rái cá thường	T	
16	<i>Lutra perspicillata</i>	Rái cá lông mượt	V	VU
17	<i>Macca arctoides</i>	Khỉ mặt đỏ	R	VU
18	<i>Macaca assamensis</i>	Khỉ mốc	R	VU
19	<i>Macaca mulatta</i>	Khỉ vàng		LR
20	<i>Macaca nemestrina</i>	Khỉ đuôi lợn	R	VU
21	<i>Manis javania</i>	Tê tê java		LR
22	<i>Megamuntiacus vuquangensis</i>	Mang lớn	R	
23	<i>Melogale personata</i>	Chồn bạc má Bắc	R	



TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Sách đỏ Việt Nam	Sách đỏ IUCN
24	<i>Myotis siligorensis</i>	Đơi tai sọ cao	R	
25	<i>Neofelis nebulosa</i>	Báo gấm	E	VU
26	<i>Nycticebus coucang</i>	Cu li lớn	R	
27	<i>Nycticebus pygmaeus</i>	Cu li nhỏ	R	VU
28	<i>Panthera pardus</i>	Báo hoa mai	E	
29	<i>Panthera tigris</i>	Hổ	E	EN
30	<i>Petaurista petaurista</i>	Sóc bay lớn	R	
31	<i>Pseudoryx nghetinhensis</i>	Sao la	E	EN
32	<i>Pygathrix nemaeus nemaeus</i>	Chà ván chân nâu	E	EN
33	<i>Selenarctos thibetanus</i>	Gấu ngựa	E	VU
34	<i>Sus sp</i>	Chào vao	K	
35	<i>Trachypithecus francoisiebenus</i>	Voọc đen tuyền	K	
36	<i>Trachypithecus francoisihatinhensis</i>	Voọc đen Hà Tĩnh	R	
37	<i>Tragulus javanicus</i>	Cheo cheo Nam Dương	V	
38	<i>Viverra megaspila</i>	Gầy giông sọc	E	
<b>Tổng cộng</b>			<b>35</b>	<b>19</b>

**Chú thích:**

- Mức độ đe dọa trong sách Đỏ Việt Nam:

*E: Endangered - Đang nguy cấp; V: Vulnerable - Dễ tổn thương; R: Rare - Hiếm; T: Threatened - Bị đe dọa; K: Insufficiently Known - Biết chưa chính xác.*

- Mức độ đe dọa trong sách Đỏ IUCN:

*EN: Endangered - Đang nguy cấp; VU: Vulnerable - Dễ tổn thương; LR: Lower Risk - Rủi ro thấp; DD: Data deficient - Thiếu tài liệu.*

**Nguồn: Di sản Thiên nhiên Thế giới Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng - Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.**

**Bảng 7: Danh sách các loài chim bị đe dọa ở Phong Nha - Kẻ Bàng**

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Sách đỏ Việt Nam	Sách đỏ IUCN
1	<i>Aceros nipalensis</i>	Niệc cổ hung		VU
2	<i>Aceros undulatus</i>	Niệc mỏ vằn	T	
3	<i>Alcippe rufogularis</i>	Lách tách họng hung		LR
4	<i>Berenicornis comatus</i>	Niệc đầu trắng	E	
5	<i>Buceros bicornis</i>	Hồng hoàng	T	
6	<i>Carpococcyx renauldi</i>	Phướm đất	T	LR
7	<i>Cissa hypoleuca</i>	Giẻ cùi bụng vàng		LR
8	<i>Icthyophaga humilis</i>	Điều cá bé		LR
9	<i>Jabouilleia danjoui</i>	Khướu mỏ dài	T	VU
10	<i>Lophura diardi</i>	Gà lôi hông tía	T	VU
11	<i>Lophura edwardsi</i>	Gà lôi lam mỏ trắng		CR
12	<i>Lophura hatinhensis</i>	Gà lôi lam đuôi trắng	E	EN
13	<i>Lophura imperialis</i>	Gà lôi lam mỏ đen	E	CR
14	<i>Lophura nycthemera berliozii</i>	Gà lôi trắng	E	
15	<i>Macronous kelleyi</i>	Chích chạch má xám		LR
16	<i>Magacery lugubris</i>	Bói cá lớn	T	
17	<i>Niltava davidi</i>	Đớp ruồi cằm đen		
18	<i>Pavo muticus</i>	Công		VU
19	<i>Picus rabieri</i>	Gỗ kiến xanh cổ đỏ		VU
20	<i>Pitta cyanea</i>	Đuôi cụt đầu đỏ	R	
21	<i>Pitta elliotii</i>	Đuôi cụt bụng vằn	T	LR
22	<i>Pitta soror</i>	Đuôi cụt đầu xám		LR
23	<i>Ptilolaemus tickelli</i>	Niệc nâu	T	LR
24	<i>Rheinartia ocellata</i>	Trĩ sao	T	VU
25	<i>Stachyris herberti</i>	Khướu đá mun		VU
26	<i>Strix leptogrammica</i>	Hù	R	
27	<i>Urocissa whiteheadi</i>	Giẻ cùi vàng		LR
<b>Tổng cộng</b>			<b>15</b>	<b>19</b>

**Chú thích:**

- Mức độ đe dọa trong sách Đỏ Việt Nam:

*E: Endangered - Đang nguy cấp; R: Rare - Hiếm; T: Threatened - Bị đe dọa.*

- Mức độ đe dọa trong sách Đỏ IUCN:

*CR: Critically Endangered - Rất nguy cấp; EN: Endangered - Đang nguy cấp; VU: Vulnerable - Dễ tổn thương; LR: Lower Risk - Rủi ro thấp.*

**Nguồn:** Di sản Thiên nhiên Thế giới Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng - Cục Địa chất là Khoáng sản Việt Nam.

**Bảng 8: Các loài Bò sát và Lưỡng cư bị đe dọa ở Phong Nha - Kẻ Bàng**

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Sách đỏ Việt Nam	Sách đỏ IUCN
1	<i>Acanthosaura lepidogaster</i>	Ô rô vảy	T	
2	<i>Bombina maxima</i>	Cóc tía	R	
3	<i>Bufo galeatus</i>	Cóc rừng	R	
4	<i>Bungarus fasciatus</i>	Rắn cạp nong	T	
5	<i>Cistolemmys galbinifrons</i>	Rùa hộp trán vàng	V	
6	<i>Cuora trifasciata</i>	Rùa hộp ba vạch	V	EN
7	<i>Gekko gekko</i>	Tắc kè	T	
8	<i>Indotestudo elongata</i>	Rùa núi vàng	V	VU
9	<i>Manouria impressa</i>	Rùa núi viền	V	VU
10	<i>Naja naja</i>	Rắn hổ mang	T	
11	<i>Ophiophagus hannah</i>	Rắn hổ chúa	E	
12	<i>Palea steindachneri</i>	Ba ba gai		LR
13	<i>Physignathus cocincinus</i>	Rồng đất	T	
14	<i>Platystenum megacephalum</i>	Rùa đầu to	R	
15	<i>Ptyas korros</i>	Rắn ráo thường	T	
16	<i>Ptyas mucosus</i>	Rắn ráo trâu	V	
17	<i>Python mulutus</i>	Trăn đất	V	LR
18	<i>Rana andersoni</i>	Chàng Anderson	T	
19	<i>Sacalia quadriocellata</i>	Rùa bốn mắt	T	
20	<i>Varanus salvator</i>	Kỳ đà hoa	V	
<b>Tổng số</b>			<b>18</b>	<b>6</b>

**Chú thích:**

- Mức độ đe dọa trong sách Đỏ Việt Nam:

*E: Endangered - Đang nguy cấp; V: Vulnerable - Dễ tổn thương; R: Rare - Hiếm; T: Threatened - Bị đe dọa.*

- Mức độ đe dọa trong sách Đỏ IUCN:

*EN: Endangered - Đang nguy cấp; VU: Vulnerable - Dễ tổn thương; LR: Lower Risk - Rủi ro thấp.*

**Nguồn:** *Di sản Thiên nhiên Thế giới Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng - Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.*